

TRUYỆN
SỬ THI TRẦN TỘC
AN THẠCH - QUẢNG NGÃI
Và
NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỌC THÊM

---Uống nước nhớ nguồn---

- Trần Quang Trinh (Sơn)

Lời người viết:

Sau nhiều năm đến nhiều nơi, hòa nhập với các hộ tộc, các gia tộc nội - ngoại của dòng họ để sưu tập và khảo sát sự trạng qua mỗi đời của tổ tiên, cũng như ghi lại những tấm lòng vàng của nhiều bà con đương thời biết lo nghĩ đến tiền nhân và hộ tộc, nhất là những người đã có công khơi dậy cội nguồn dòng giống của dòng Trần phái An Thạch - vốn là một họ lớn đã từng nổi tiếng về văn võ cũng như về phú quý của một thời nơi làng An Thạch - mà người có tấm lòng đầu tiên khơi nguồn là ông Trần Văn Cứng - con ông Trần Đức Dõng - sinh ra ở miền Nam.

Người xưa, người nay về việc làm, công đức, tính tình, sở thích cũng như về chí hướng và những nỗi bất hạnh, những mảnh đời hẩm hiu v.v... được ghi vào đây ít nhiều mà người viết đã biết và nghe kể lại từ chính người trong cuộc, người trung gian cũng như tư liệu, văn thư di chúc của người xưa được lưu giữ cho đến giờ. Bởi vậy, thiết nghĩ những sự việc này nên ghi lại thành tập truyện để làm tư liệu cho chính chúng ta và cho con cháu về sau hiểu rõ thêm về cuộc sống, chí hướng, sở thích và ân đức của tiền nhân cũng như của người đương thời, bên cạnh bộ gia phả của dòng tộc đã được biên soạn cẩn thận.

Truyện Sử Thi và Những Câu Chuyện Đọc Thêm là phần phụ, phần đọc thêm, bên cạnh bộ gia phả để chúng ta với những giây phút nhàn nhã, những giờ rảnh rỗi mà giải khuây, giải sầu mà ngâm nga nhưng cũng có thể ngẫm nghĩ, suy tư cho mỗi sự việc của mỗi nhân vật đã vẽ nên bức tranh đậm nhạt qua tháng năm theo dòng đời cho đến nay, cũng như những chuyện bây giờ sẽ để lại cho những đời sau...

Theo yêu cầu của bà con là nhanh kết thúc việc biên soạn để cho ra đời bộ gia phả cho dòng họ, không kéo giãn thời gian ra nữa... Tập truyện này là một phần không thể tách rời bộ gia phả, bởi vậy phải được xuất bản cùng lúc. Thời gian không cho phép nên người viết không làm sao khác hơn để tiếp nhận thêm các tình huống, sự việc hầu có thể giới thiệu vào đây đầy đủ.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng do trình độ có hạn, lại lần đầu biên chép tập truyện dài nên không tránh khỏi lúng túng nhiều mặt, nhất là ở phần bố cục, câu chuyện không theo thứ tự thời gian hoặc thứ tự các đời; nội dung chưa phản ánh đầy đủ sắc thái của mỗi nhân vật cũng như sử dụng câu chữ và diễn đạt lời thơ chưa chặt chẽ. Về phần "Những câu chuyện đọc thêm" chắc là còn nhiều thiếu sót... Rất mong được sự góp ý của bà con nội - ngoại trong, ngoài dòng họ. Ngoài ra bà con có biết thêm sự tích ông bà, những tấm lòng vị tha, những gương anh dũng, những mảnh

đời bất hạnh đã cố vươn lên trong cuộc sống và các tình cảnh, tình huống khác cũng như các câu chuyện hay, bổ ích, có liên quan đến nhu cầu về đời sống tinh thần của mọi người, cung cấp cho người viết để bổ sung và có thể tái bản lần hai cho tập truyện thêm ý vị, đậm đà, phong phú về câu chuyện và súc tích về nội dung hơn nữa.

Người viết chân thành cảm ơn tất cả quý bà con trong và ngoài dòng họ thời gian qua đã cung cấp cho nhiều tư liệu sống về chuyện đời xưa, chuyện đời nay để hình thành nên tập truyện này. Xin chân thành cảm ơn!

Một người con
Của Dòng Tộc Trần - Phái An Thạch
Trần Quang Trinh (Sơn)
Chít nội ông thủy Tổ

---oOo---

Phân Phần Một

SỬ THI TRẦN TỘC



- Sử Thi Trần Tộc lời sơ
- Ngâm nga ngẫm nghĩ vài giờ giải khuây
- Thả hồn quỵện với gió mây
- Với câu thơ nhạt với đầy tình quê.



- Sách là người bạn tri thức.

Theo dòng lịch sử họ hàng

01. Văn thư lưu trữ, dân gian tục truyền
Tổ tiên từ thuở khai điền
Chăm lo gầy dựng mỗi giếng Trần gia
Nơi làng An Thạch sinh ra
Hai trăm năm đã can qua⁽¹⁾ bao đời
Biển dâu⁽²⁾ mấy độ đổi đời
Cháu con sống ở khắp nơi xa gần
Tha phương biết mấy phong trần
10. Từ quê Quảng Ngãi đi dần vô Nuôn⁽³⁾
Buổi đầu là để bán buôn
Thấy nơi đất tốt ở luôn không về
Hoặc là có trở lại quê
Để mà mang cả nhi thê theo cùng
Miền Tây sông nước vẫy vùng
Miền Đông đất đỏ anh hùng vấn vương
Sài Gòn, Gia Định phố phường
Làm thầy, làm tớ, công thương, công hầu
Những năm bom đạn phủ đầu
20. Bà con lại phải gặt sâu đi tuông.

(1) Can qua: Mọc và giáo chỉ sự chiến tranh loạn lạc.

(2) Biển dâu: Bãi biển hóa thành ruộng dâu; ví sự thay đổi của cuộc đời.

(3) Nuôn: Nam.

Nghe rằng ở tỉnh Vãng Luông⁽¹⁾

Ông Ngôn từ thuở khởi nguồn định cư

Bốn đời nay đã có dư

Cháu con biền biệt cũng như ông bà

Xưa nay không biết nên xa

Gặp nhau chưa chắc nhận ra họ hàng

Ông Trần Văn Đệ dặm ngàn

Từ khi giã biệt xóm làng bốn ba

Đích tôn thủy tổ ấy mà

30. Con đầu ông Trị và là trưởng tông

Mênh mông bát ngát mênh mông

Quê nhà con cháu ngóng trông ông về

Lâu rồi mòn mỏi tái tê

Xa xôi năm tháng hồn quê mịt mù

Cần Long, Mang Thít bịt bùng

Long Hồ, Mỹ Thuận âm u ông Quý

Tháng năm từ độ ông đi

Ngoại tôn tìm hỏi thăm thì gọi tên

Miền Tây sông nước bồng bềnh

40. Đến nay cũng chỉ mông mênh đất trời

Người đi lập nghiệp xây đời

Người thân dẫn dắt tìm nơi định hình.

(1) *Vãng Luông: Vĩnh Long.*

Có người khăn gói một mình

Đất đai bán hết nặng tình gió mây
Xuôi Nam đến ở miền Tây
Vợ con bỏ lại lất lây theo mùa
Sanh nghề hàng xáo bán mua
Lúa ngô, khoai đậu chen đua tháng ngày
Quê nghèo gặp cảnh lá lay

50. Sự đời lắm nỗi đắng cay tình người

Nhiều khi muốn khóc lại cười
Đằng cha ông hỏi ông ơi nữ nào!?
Trà Vinh bán quế thuốc cao
Vây duyên thôn nữ thả phao neo thuyền
Cuộc tình thắm đậm lời nguyện
Tang thương⁽¹⁾ cũng chẳng đổi kiềng thay vung
Quê người đất khách vẫy vùng(!)
Quên lời nguyện ước thủy chung vợ nhà
Con đường ngàn dặm mờ xa

60. Nhi thê sớm tối vào ra mỗi mồn

Đói no ấm lạnh mẹ con
Người chồng phụ nghĩa chẳng còn thiết tha
Tháng ngày lặng lẽ trôi qua
Tình người vợ mới mặn mà bấy nay

(1) Tang thương là bể dâu; cũng có nghĩa là tiêu tụy, khổ sở, đau xót, thương tâm...

- Vời dân theo gió bay bay
Không còn đằm ắm đắm say ngọt ngào
Làm sao ôi phải làm sao?
Cái thời trai trẻ độ nào qua đi
Tâm tư trĩu nặng hơn chì
70. Càng suy ngẫm lại càng bi ai sầu
Tóc xanh nay đã bạc màu
Còn đâu cái thuở ban đầu ba mươi!
Ngày xưa nói nói cười cười
Ngày nay lặng lẽ thành người cách xa
Trách mình quá vội bôn ba
Tin lời đường mật biết ra muộn màng
Những ngày thơ thẩn đi hoang
Trưa hè nắng đổ lang thang bên đường
Chiều chiều hoài vọng cố hương
80. Năm canh thao thức tư vương vấn lòng
Làm chồng mà chẳng là chồng
Khi xưa do bởi đèo bông gây nên
Lời nguyện ngày trước đã quên
Nghĩ càng thấm đậm cái duyên hững hờ
Tan tành bao những ước mơ
Trà Vinh ơi hỡi thôi giờ dời chân!
Tìm về quê cũ nường thân
Hận người bội bạc ngàn lần hơn vôi

Xót xa cay đắng tình ôi!

90. Phụ người, người phụ đền bồi trả vay

Sự đời lắt léo buồn thay

Nghe còn văng vẳng đâu đây câu vè.

Long Xuyên năm tháng kéo xe

Đón đưa người ở bến ghe, bến phà

Có tên giống với tên cha

Bà con làng gọi ông là Đăng con

Có con trai út thuở son

Năm lên tám tuổi lon ton có vè

Một lần với mẹ cuối hè

100. Thăm làng An Thạch mùa me chín bù

Rồi đi ngày mới vào thu

Ngàn mây đưa tiễn giọt sầu chia ly

Ghi lòng khoảnh khắc phân kỳ⁽¹⁾

Dẫu rằng còn lắm thơ ngây cuộc đời.

Ruộng vườn bán hết ăn chơi

Là ông bá hộ⁽²⁾ Sáu ơi, lên đường!

Miền Tây lần đến miệt vườn

Tuổi già ngày tháng đời thường gieo neo

(1) *Phân kỳ: chia tay, giã biệt nhau*

(2) *Bá hộ: phẩm hàm hoặc chức sắc của một người giàu có trong làng ngày xưa.*

- Giờ đây thắm đậm cái nghèo
110. Trở trần thốn thức, bọt bèo trôi sông!
Ăn chơi nghệ thuật của ông
Đủ vành đủ ngón rần rờng kiểu chơi
Trên thuyền giữa biển sóng khơi
Thưởng trăng uống rượu ngất trời đêm thanh
Sắc bùa, quan họ thâu canh
Rượu Tây nhấm nháp, sò bành điệp ngư
Tháng ngày ông thật có dư
Của tiền đầy lẫm rất ư thừa dùng
Không mang cứu giúp người cùng
120. Cũng không san sẻ tấm lòng vị tha
Giúp cho nội ngoại, trẻ già
Giúp người làng xóm mặn mà tình quê!
Bạc bài oằn oại đam mê
Đưa ông vào trận xum xuê xùm xàng
Một ông bá hộ chơi sang
Đánh bài trên biển thuyền nan, thuyền bầu
Bên ông luôn sẵn người hầu
Thuê trai gánh bạc cung cầu đầu đuôi
Băng qua giông biển cát chuôi
130. Theo chân, bọn cướp nào thời để yên
Một hôm cướp mấy gánh tiền
Vậy là như thế thua tiên mất rồi!

Thấm gì chỉ bấy nhiêu thôi
Có chi cho lắm ối ôi một vài...
Dặn dò kỹ lưỡng mấy trai
Chọn người giỏi võ trí tài không lo
Hẹn giờ xáp trận báo cho
Chủ sòng chuẩn bị, chủ dò thông tinh
Mấy tay “đầu nậu” chí tình(!)

140. Hợp nhau đầy đủ ta mình ai ơi!
Phen này sát phạt tới bởi
Ông bá hộ Sáu đứt hơi tan tành!
Ruộng vườn “đội nón” đi nhanh
Sau khi bút chỉ⁽¹⁾ phê thành tên ông
Hết rồi nghiệp bá nhà nông
Đất đai nay chẳng còn công thước nào
Còn đâu vùng thấp vùng cao
Còn đâu cưỡi ngựa vòng sâu cánh đồng
Còn đâu quân lãnh áo lông
150. Còn đâu khăn đóng dù bông che đầu
Còn đâu nhà ngói đỏ au!
Còn đâu đất để trồng dâu nuôi tằm
Đâu còn gì để bán, cầm
Trắng tay một sớm âm thầm ra đi

(1) Bút chỉ: Giấy và mực.

Dáng trông có vẻ sầu bi
Ngoảnh đầu nhìn lại, còn chi chờn vờn
Nỗi sầu giọt lệ tuổi hờn
Nỗi buồn se thắt lòng hơn của bà
Một mình bên cái chái nhà

160. Phải nằm dưới đất thật là thảm thương
Một bà bá hộ thê lương
Ngày xưa có nghĩ đoạn trường ngày nay!?
Mười hai bến nước⁽¹⁾ chẳng may
Sa vào bến đục đắng cay phải đành!
Số phận trời đã sẵn đành
Hắt hiu duyên phận năm canh dạ sầu
Chấp tay khẩn vái nguyện cầu
Cầu cho vợ bớt nỗi đau cuộc đời
Ông ơi, có biết ông ơi!

170. Sao ông không nghĩ đến đời cháu con?
Giờ đây chẳng có gì còn
Còn chẳng là vợ với con bần hàn
Có người hỏi cảnh hèn sang
Ông rằng đất ruộng rộn ràng chân tay
Đến hồi nó “chấp cánh bay”
Số ông không thể giữ hoài bền lâu(!)

(1) 12 bến nước: Sĩ-nông-công-thương, công-hầu-
khanh-tướng, ngư-tiêu-canh-mục.

Bây giờ muốn giữ còn đâu!
Bây giờ đất khách bèo dâu tả tơi
Cô đơn lạnh lẽo đất trời

180. Nhớ chẳng quên cũ một thời vàng son?

Ra đi ngàn dặm nước non
Là lần đi cuối đâu còn mà mong!
Cô đơn trĩu nặng cõi lòng
Bạc phơ mái tóc bên dòng Hàm Luông
Thần thờ mỗi buổi chiều buông
Thân gầy sớm tối sầu buồn canh thâu
Mộ phần khuất nẻo chìm sâu!
Khói hương con cháu buồn đau đớn ngần
Nghe như Sóc Sãi chung thân

190. Nằm gần thị xã địa phận Bến Tre

Hỡi ai nếu có tìm về
Nơi ông bá hộ ủ ê một thời
Ở đây lây lất cuối đời
Làm thầy bốc thuốc cho người chung quanh
Đói no ấm lạnh cũng đành
Miền Tây sông nước đất lành nặng mang.

Họ Trần An Thạch - Bảy Bang

Thiếp thê hơn chục giàu sang ai bì
Vinh hoa phú quý nhất nhì

200. Nơi làng An Thạch còn ghi bóng hình

Năm ông xây dựng gia đình
Nên duyên quận chúa trên kinh về làng
Đò đưa đến bến Bình An
Quê hương An Thạch muôn ngàn đẹp thay!
Từ xưa mới có hôm nay
Thật là đáng mặt râu mày nhà ta!
Mọi người ở khắp gần xa
Nghe ông nhiều vợ - mười bà có dư
Từ dân dã đến tiểu thư

210. Lỡ làng duyên phận cũng như lỡ thời
Lẽ là sắp đặt do trời?
Hai mươi cũng có, bốn mươi cũng đành
Hào hoa phong độ tinh anh
Dị thường tướng mạo kết thành nơi ông
Có người thiếu nữ bên sông
Ba lăm lỡ vận mệnh mông bến bờ
Con nhà quan lại xưa giờ
Gặp ông một sớm tình cờ về bên
Xa gần nghe tiếng biết tên

220. Cha nuôi một vị quan trên trong triều
Chiều chiều những buổi chiều chiều
Cháu con lủ khủ dập dìu thành, quê
Ai ơi, ai có tìm về
Nơi làng An Thạch đề huề bà con

Xin đừng theo dấu vết mòn
Năm thê bảy thiệp không còn ngày nay
Ai ơi xin nhớ lời này
Họ Trần An Thạch nghĩa dày tình sâu!

CỬ NHÂN KHOA VÕ QUAN HẦU

230. Ông Trần Nguyên Cát Nguyễn trào sử ghi

Oai hùng thể phách phương phi
Tóc dài mười thước⁽¹⁾ búi ghì ót sau
Mỗi lần chải gỡ gội lau
Tháo ra thả xuống mâm thau chất đầy
Triều đình mở hội thi này
Chọn người tài đức đủ đầy cầm quân
Cước quyền đao kiếm hợp quần
Bình thơ chiến pháp dễ chùng kém ai
Đến môn thượng đấu võ đài

240. Đánh rơi đối thủ cân đai lọt sần

Đến phần sát hạch văn đàn
Song toàn văn võ định hàng thấp cao.

(1) 10 thước: 3.6m bây giờ.

Tên ông vinh dự đỗ đầu
Tang bồng hồ thi⁽¹⁾ vó câu⁽²⁾ rập rình
Đền ơn mưa móc triều đình
Mang thân giúp nước định binh cõi bờ
Tuần sau nhậm chức quản cơ⁽³⁾
Phẩm hàm tứ phẩm phát cờ tung bay
Làm trai đáng mặt từ nay

250. Xuống đông đông tĩnh lên đoàn đoàn⁽⁴⁾ trang
Cầm quân đánh trận bao lần
Mán, Mừng con cháu Chế Bân⁽⁵⁾ ngày xưa
Tây Nguyên rừng núi sang mùa
Gió Lào héo hắt nhau đua thổi về
Tiết trời oi bức sơn khê⁽⁶⁾
Nắng chiều đỏ ối trên quê buôn mừng

(1) *Tang bồng hồ thi*: Cung & tên làm bằng gỗ cây dâu và cây cỏ bồng; nói về chí làm trai.

(2) *Vó câu*: Cái móng của chân của con ngựa và con ngựa; nói về sức phi của ngựa chiến.

(3) *Quản cơ*: phẩm hàm tứ phẩm triều đình. Chỉ huy một cơ binh của một tỉnh ngày xưa

(4) *Đoàn*: Hướng tây - chỉ núi non.

(5) *Chế Bân*: Chế Bồng.

(6) *Sơn khê*: Núi và khe.

Bên đời tả nạn Trung Sơn
Ừng ùng giặc nọ gây hờn oán than
Gươm đao cung ná kéo sang

260. Giết người cướp của phá làng xác xơ
Đúng là người nọ xưa giờ
Núi rừng ôm ấp nguyên sơ giống nòi
Hét la gào thét kêu đòi
Dân tình khốn khổ không hồi nào an
Lệnh trên ban xuống cho quan
Mang quân thảo phạt ác man cấp thời
Sơn phòng tiếp viện đón mời
Quân hùng tướng mạnh binh trời tiến lên
Băng qua con suối nằm bên

270. Giáp công ba mũi dưới trên đánh vào
Nọ thua rút chạy hướng Lào
Điều binh truy kích vượt bao dốc đèo
Đông Tây nghe tiếng suối reo
Bóng mờ quân Nọ cheo leo lửng đời
Lui về nơi nghỉ đành thôi
Điều nghiên chiến thuật để rồi dẹp tan
Làm sao yên ấm buôn làng
Lúa ngô tươi tốt xanh ngàn nương khoai
Tiếng chim gọi bạn lạc bầu

280. Hoàng hôn dần tắt sương đầy non cao

Trăng lên thấy đẹp làm sao!
Quê hương mấy thuở binh đao không còn?
Yên bình mãi mãi nước non
Cho người kinh, thượng là con một nhà!
Đao binh không thể, không là...
An lành mừng sóc hiền hòa bền lâu
Suy tư thao thức canh đầu
Chiến trường gươm giáo nổi sào muôn dân
Giờ đây lãnh mệnh báo ân

290. Phải lòng diệt sạch xa gần quân Rô...

Thu sang xin lệnh Thành đô
Lá vàng tươi tả rợ Nô hết rồi
Triều đình chấp thuận cho hồi
Ra về để lại núi đồi trong sương
Giã từ buồn sóc bản mừng
Mừng vui tiến bước rẽ đường binh đi
Vượt qua con suối cùng kỳ
Tiếng chiêng inh ỏi nhau thi dậy rừng
Tiến la tiếng thét tưng bừng

300. Tên bay đạn ná tướng chùng như mưa

Phục binh quân Nọ ăn thua
Thân mình trần trụi tranh đua bổ nhào
Tướng quân người ngựa dẫn đầu
Không nao núng lướt vó câu mở đường

Xông lên tay kiếm tay cương
Chém bay nhiều kẻ cố bươn lặn vào
Chiến trường chan chát gươm đao
Hòa trong tiếng thét ôi sao mạng người!
Đường đường tướng soái giữa trời

310. Rủi thay búi tóc bung rơi quấn vào...

Nơi chân trước ngựa kéo nhào
Nọ quân ùa lại quanh bao trả thù
Anh hùng chiến địa còn đâu!
Tây Nguyên rừng núi bạc màu gió sương.

Bà Trần Thị Hiệp thân thương

Cũng là nhi nữ đời thường như ai
Cũng quen lược chải trâm cài
Con nhà phú quý trang đài khuê môn
Võ công đao kiếm nhuyễn nhuần

320. Theo anh xung trận núi rừng Tây Nguyên

Anh hùng - phận gái thuyền duyên
Năm vua Tự Đức ngũ niên ấy mà...
Ông Thân giới thiệu em nhà
Lên cho vua để đưa Bà vào cung
Dạy cho cung nữ võ công
Và là có thể bổ sung phi tần
Nhưng vua nói với ông Thân
Rằng bà yếu điệu kém phần đáng đi

- Nếu không đã chọn làm phi
330. Rõ ràng thân thế có chi hơn là...
Bà như chẳng mấy thiết tha
Nghe rằng cung cấm vô ra khó bề
Không đâu bằng được miền quê
Đất lành An Thạch trắng thề bên song
Có người gia thế làng trong
Nam nhi khí phách những mong xây thành
Ông là một đấng hùng anh
Phỉ nguyên non nước duyên lành trúc mai
Sinh con đầy đủ gái trai
340. Ông Tường phụng tự cổ lai kế thừa
Khói hương tưởng nhớ người xưa
Mộ phần Bà vẫn gió mưa lạnh lùng
Ai về An Thạch, Quần Huân
Giữa lòng cát trắng mộ phần ghé thăm
Bão bùng hơn sáu mươi năm
Thương Bà nằm đó xa xăm đợi chờ...
Ông Trần Quang Hiển binh thơ
Đấu trường thi tuyển phát cờ đầu quân
Võ đài rung chuyển không ngừng
350. Kiếm cung chiến pháp hợp quần đao thương

Chuyển về lãnh ấn địa phương
Làm quan đội trưởng⁽¹⁾ sáng đường Trần gia
Người làng thường gọi ông là
Ông quan đội Vợ dưa cà dầm tương
Có con kỹ thuật đan dờng
Nan tre ô nhỏ giống chùng như rây
Giỏi nghề làm guốc bằng cây
Hai ông Từ, Tợ khéo tay nhất làng
Gần xa nhiều khách đặt hàng

360. Bán cho ngay cả vua quan cung đình
Vô Nam gặp phải bệnh tình
Anh em sau trước bỏ mình nơi đâu?
Đến nay chẳng biết bao lâu?
Quê người đất khách nhuộm màu tóc tang!
Tướng ông Trần Mạnh rất sang
Nên duyên cầm sắt với nàng cùng thôn
Nhưng rồi một buổi hoàng hôn
Đường đèo Đà Lạt xác hồn lìa nhau
Bọn người cướp giật chận đầu
370. Cướp xe giết chết thảm sâu núi sông
Chúng quăng xuống vực xác ông
Vực sâu vách đứng nên không thể tìm

(1) *Đội trưởng: quan võ chỉ huy một đội quân của một huyện ngày xưa.*

Dương gian người ở nỗi niềm
Đau buồn thương tiếc con tim héo gầy...

Có người cháu ngoại thương thay!

Họ tên Nguyễn Thống chết đầy oan khiên

Nào đâu chết ở trận tiền

Cũng không chết ở nhà riêng của mình

Nào đâu chết phải bệnh tình

380. Cũng không chết bởi chớ kình với ai!

Tuổi đời hãy những còn dài

Có ngờ chết lúc mới ngoài ba mươi!

Chết vì bởi quá tin lời...

Thảm sâu sông núi đất trời có hay?!

Một người chiều sáng đi cày

Cần lao gian khổ tháng ngày ruộng nương

Trời vừa tảng sáng còn sương

Nón cời chân đất con đường mòn quen

Cái cày, cái ách tòn ten (tòong teng)

390. Trên vai lúc lắc men men ra đồng

Trưa hè nắng đổ chồng chồng

Ông còn tá ví theo vòng luống sâu

Mồ hôi ướt đầm trước sau

Ngư tiêu canh mục nỗi đau nhà nghèo

Làm nông cày mướn chớ chèo

Nuôi đàn con dại lần theo cuộc đời

Nội tôn Bá Hộ ai ơi!

Ông bà nức tiếng giàu thời ngày xưa!

Vậy mà ông phải sớm trưa

400. Còng lưng nặng gánh gió mưa tảo tần

Mẹ cha bài bạc chơi sang

Gia tài sản nghiệp lên đàng đi xa!...

Người con trai trưởng ông là

Trần Trinh vào thuở mười ba tuổi đời

Học hành lơ đãng ham chơi

Khuyên con đèn sách không thời như cha!

Bình dân học vụ ê a

Đúng sai chẳng biết vô ra lù bù

Đứng nhìn trời đất u mù

410. Con ơi không lẽ lại ngu thêm đời?!

Đi cày cực lắm con ơi!

Sớm khuya mưa nắng nào thời đủ no

Mẹ cha bốn phận phải lo

Nuôi con khôn lớn học cho bằng người

Con ơi chớ có biếng lười

Lớn lên u tối kẻ cười người chê

Như cha mới có a ê

Hai sương một nắng cày thuê tháng ngày

Nghèo mà thất học sau này

420. Như cha phải cảnh đi cày quanh năm

Nay con tuổi đã mười lăm
Trường làng hết cấp, xa xăm trường đình
Gia bản năm sáu em anh
Mẹ cha không để con quanh quẩn nhà
Rời làng và sẽ đi xa
Đến nơi thành thị vô ra có nhiều...
Người tài, người giỏi để theo
Nhớ là thân phận bọt bèo nghe con!
Giữ tâm trong sáng lòng son

430. Thật thà ngay thẳng mãi còn danh thơm
Quê người đất khách áo cơm
Ước mà liệu sức không chờm quá cao
Con đường làm mướn chớ vào
Nhà ta từ thuở có nào hèn đâu!
Ví dầu ví dẫu ví dẫu
Học nghề cơ bản bước đầu tiến thân
Chỉ chăm cố gắng chuyên cần
Phải khôn phải biết giảm dần thời gian
Chưa sang chớ có làm sang

440. Bạc bài dĩ điểm phải càng tránh xa
Rượu chè nhấp nhả nhấp nha
Nó như con quỷ con ma dẫn đường
Ông bà để lại tấm gương
Như chùm mây xám như sương mờ mờ

Sau khi nghề nghiệp vững bờ
 Thì nhanh trở lại không chờ đợi lâu
 Đến trường đến lớp cho mau
 Để cùng chúng bạn thi nhau học hành
 Làm sao bằng hổ đề danh
 450. Để không thẹn với các anh chị và...
 Ghi lòng tạc dạ lời cha
 Trần Trinh áp ủ thiết tha sách đèn
 Hai năm nghề nghiệp tay quen
 Đúng mùa khai giảng đua chen sân Trình
 Mặc ai đùa giỡn rập rình
 Hết làm đến học lặng thính miệt mài
 Bảy năm thi đỗ Tú tài
 Gọi là tầm tạm thân trai giữa trời
 Bấy nhiêu chưa đủ vào đời
 460. Mái trường đại học là nơi sau cùng
 Quê hương lữ khởi mịt mù
 Núi sông vẫy gọi anh hùng xông pha
 Ra đi bảo vệ sơn hà
 Nếu không đâu xứng đáng là nam nhi
 Nước non trước cảnh phân ly
 Cổ lai chinh chiến ai đi mấy về?!
 Bước đường muôn dặm sơn khê
 Chiến chinh khói lửa tứ bề khôn thối

- Nắng chiều hiu hắt dần trôi
470. Màn đêm buông xuống núi đồi trong sương
Đì đùng đạn pháo trên nường
Hỏa châu soi sáng chiến trường vùng cao
Tay ôm súng cạnh chiến hào
Bao lần áo trận phai màu thời gian
Biên khu giới tuyến gió ngàn
Cây rừng trơ lá nhuộm loang máu đào
Bao giờ tàn lụi binh đao?
Những yêm tiếng súng, ước ao hòa bình
Trở về ngày tháng xi vinh
480. Để mà tiếp nối sử kinh ngày nào
Ước ao là chỉ ước ao
Bom rơi vẫn mãi đổ nhào nhà dân
Vui gì với kiếp chinh nhân
Đêm ngày sương gió thêm phần hiểm nguy
Quân hành biên biệt mấy khi
Ra đi là đã khắc ghi lời nguyện...
Vui mừng đất nước bình yên
Hòa bình về đến mọi miền - nơi nơi
Giờ đây thầy thợ lỡ thời
490. Tiến thì không thể bởi đời bể dâu!
Con đường nghiên bút chìm sâu
Lui về làm ruộng chăn trâu tháng ngày

Hai sương một nắng cấy cày
Mười lăm năm những dạn dày gió mưa
Lúa ngô khoai đậu sớm trưa
Cần cù lao động đung đưa héo gầy
Nỗi buồn gia đạo đông đầy
Trái nhau cách sống lâu nay vợ chồng
Nhân sinh quan điểm bất đồng

500. Trách mình ngày trước mơ mộng thu ba

Trông gần và chẳng thấy xa
Rước về một ả mới qua y tờ
Một lần đã bước sang bờ
Bồ hòn làm ngọt khù khờ nào hơn
Ngẫm nghiền thấu rõ nguồn cơn
Mình làm mình chịu trách hờn với ai
Thôi thì phận số an bài
Cố công gây dựng tương lai gia đình
Đứa con độc nhất của mình

510. Sợi dây ràng buộc ân tình lại nhau

Trong lòng chôn chặt niềm đau
Những mong yên ấm trước sau cửa nhà
Nhưng mà rất khó dung hòa
Đôi bên khác biệt ấy là đối nhân
Sống đời có lúc phải cần
Xóm giềng bầu bạn đỡ đần tựa nương

- Những khi hoạn nạn tai ương
Những khi sự cố bất thường cảm thông
Sống đời phải có tấm lòng
520. Để làm gì nỡ biết không ở đời?
Ông chồng thủ thủ trao lời
Những mong người vợ thức thời nghĩ ra
Nhưng không, không có lại qua
Không qua không lại đã là từ xưa
Anh em cũng thế, không chừa
Mặc ai sống thác gió mưa bão bùng
Sa chân lỡ bước đường cùng
Quay lưng ngoảnh mặt lạnh lùng như không
Lỡ thơ cái nghĩa vợ chồng
530. Đớn đau se thắt nói không nên lời
Cái tình nguội lạnh mất rồi!
Cái duyên như áng mây trôi lững lờ
Tháng ngày sống tạm sống hờ
Lang thang thơ thẩn thẩn thờ lang thang
Còn đâu ý thiếp lòng chàng
Chờ con khôn lớn đôi đàn cho xong
Còn gì đâu nữa trông mong
Còn chi đâu nữa mà đồng sánh vai!
- Ra đi một sớm nắng mai**
540. Mùa xuân Nam tiến đường dài quan san

Đường ghe đường bộ dậm ngàn
Gánh gồng từ biệt xóm làng ra đi
Ra đi một quẩy có chi
Có là nhạc phụ, thê nhi đồng hành
Thuyền buồm sóng gió trông thành
Xe đò, xe ngựa lành cảnh lòn con
Sang qua tàu hỏa đi gon (goong)
Giang sơn ngàn dặm nước non nghìn trùng
Núi đồi san sát chập chùng

550. Con đường tiến bước anh hùng lập thân
Cần Thơ xóm Trẹm dừng chân
Tạm thời rồi sẽ tính dần về sau
Một hôm ra bến bãi dầu
Đánh tan bọn cướp nơi đầu cầu trên
Chủ kho hàng ở gần bên
Nghe ông giỏi võ mời lên giữ hàng
Giao cho bảo vệ kho tàng
Trong làng bọn cướp hết đàng kiếm ăn
Suy tư trăm trở bao hằng

560. Ra đi là để những rằng khai cơ...
Giã từ xóm Trẹm, Cần Thơ
Thẳng đường rong ruổi cập bờ Bạc Liêu
Đất đai hoang mạc rất nhiều
Nhưng mà nước mặn sáng chiều xuống lên

Nơi này không thể lâu bền
Thôi đành quay lại trở lên Thủ Thừa
Bắc Đông, Thạnh Lợi người thưa
Nhưng mà đất cũng chỉ vừa đủ nuôi...
Tìm qua làng kế - Bến Bù

570. Giữa lòng Đồng Tháp ngược xuôi vẫy vùng
Ngồi ngồi sông nước Tân Đông
Thủy triều lên xuống theo dòng Cỏ Tây
Gần xa chưa có mấy ai
Thật là phỉ chí thân trai giữa trời
Năm ông ba một tuổi đời
Anh hùng một cõi chí người nam nhi
Gian nan nào có là chi
Bước đường lập nghiệp người đi gieo mầm
Chiếc xuồng ba lá cây giầm
580. Mái chèo khua sóng ôm cầm dòng sông
Những ngày nắng đổ trên đồng
Mồ hôi rơi giọt theo vòng lúa khoai
Luống sâu in đậm chân đầy
Bạt ngàn cỏ dại xanh dày nhấp nhô
Người đi tạo dựng cơ đồ
Đắp xây sự nghiệp định đô gia đình
Tên ông thường gọi Chín Thành
Năm đời, con cháu định hình Long An

- Bốn mươi một tuổi đông tàn
590. Ông về thăm lại quê làng ngày xưa
Tháng ngày trầm lặng đùng đưa
Với bao kinh nghiệm dư thừa nghề nông
Có người cháu nội của ông
Bảo Cao tên đúng đích dòng Trần gia
Về thăm Quảng Ngãi quê cha
Nơi làng An Thạch không xa tấm lòng
Ngẩn ngơ trước cảnh điệp trùng
Núi đồi cao vút đến cùng trời mây
Mơ màng ngơ ngác ngất ngây
600. Bước đi một bước dây dây chùng chùng
Có ngờ non nước miền Trung!
Ai đem cung quế mà trưng địa đàn?
Hàng tre đổ bóng đường làng
Vi vu trong gió liễu ngàn xanh xanh
Rì rầm sóng biển đêm thanh
Lối mòn cát trắng vây quanh quê gầy
Nhà ai hằn dấu tích đầy
Của thời bom đạn, những ngày lửa binh
Quê hương nay cảnh thái bình
610. Quên sao năm tháng chiến chinh biết là ...
Họ hàng dấu sống cách xa
Thiện căn cốt ở lòng ta thấy gần

Bà con họ tộc dòng Trần
Sang hèn chẳng kể, phú bần chẳng lời.

Sanh năm một tám chín mười

Bà Trần Thị Báu đáng người mảnh mai
Khuê môn lược chải trâm cài
Con nhà nghiệp võ như ai má hồng
Năm mười tám tuổi có chồng

620. Êm đềm hạnh phúc ấm nồng quê hương
Người chồng buôn bán tha phương
Ghe bầu chở quế, trầm hương bênh bồng
Mênh mông biển cả chiều đông
Gió to sóng dữ ông không còn về
Cái ngày định mệnh tái tê
Cái ngày tang tóc nhi thiê não nùng
Từ ngày vĩnh biệt nghìn trùng
Một mình khuya sớm bão bùng lặn bơi
Năm bà hai sáu tuổi đời

630. Bỏ ngoài tai cả những lời đung đưa
Tảo tần chẳng quản sớm trưa
Thương con nhỏ dại gió mưa bởi bởi
Thương chồng mệnh bạc xa khơi
Thương mình hiu hắt một thời xuân xanh
Số phận trời đã sẵn dành
Hẩm hiu duyên phận cũng đành hỡi ơi!

Một chiều mây kín lưng trời

Mùa thu tiễn biệt một người ra đi

Nghẹn ngào lệ đổ hoen mi

640. Tay trong tay nói thắm thì miên man

Chàng rằng cách trở quan san

Tháng năm dẫu có gian nan chẳng là

Bão bùng sớm tối quê nhà

Song thân già yếu, nơi xa khôn tưởng

Ra đi trăm nhớ ngàn thương

Với lòng hiếu thảo đôi đường cậy trông

Nàng rằng chàng hãy yên lòng

Phận là nhi nữ chữ “tòng” cổ lai

Quê hương đang gọi người trai

650. Nước non thống nhất mong ai lại về

Người đi muôn dặm sơn khê

Người về năm tháng ủ ê lạnh lùng

Bao giờ mới được trùng phùng?

Một mình một bóng nhớ nhung đong đầy

Niềm tin ôm ấp tháng ngày

Bốn mùa lặng lẽ gió mây là đà

Dẫu xa mặt, lòng chẳng xa

Hai năm mà đã quá ba bốn rồi!

Mảnh tình ai xẻ làm đôi?

660. Nửa nơi phương Bắc, nửa thời phương Nam!

Sao khuya lấp lánh đăm đăm
Sương khuya tí tách, lệ thấm sang canh
Đông về gió bắc khua màn
Ngoài kia có tiếng vàng anh gọi bầy
Mười năm ngày ấy còn đây!
Làm sao quên được cái ngày tiễn đưa
Chiều nay ngồi nhớ chuyện xưa
Mười lăm năm vẫn thấy chưa quay về!
Cõi lòng luống những tái tê

670. Người đi còn nhớ lời thề hay không?

Cách nhau bởi một dòng sông
Mà sao thấy quá mênh mông bến bờ
Để cho ai đợi ai chờ
Để cho Nam Bắc đôi bờ mong manh
Vàng trắng vắng vạc đêm thanh
Vài cơn gió nhẹ lay cành mù âu
Thời gian hẹn ước buổi đầu
Hai năm thôi đã nhuộm màu tang thương
Bao giờ bắt nhịp Hiền Lương?

680. Cho đây nối lại sợi thương sợi chờ

Bao giờ cho đến bao giờ?
Nhớ nhung quay quắt thẫn thờ mênh mông
Năm canh thao thức buồn trông
Đèn khuya hiu hắt cho lòng hắt hiu

Làng quê xơ xác tiêu điều
Chiến tranh khói lửa sáng chiều - hôm mai
Nỗi buồn sâu thẳm lòng ai
Hai một năm - thời gian dài - chờ mong
Hai một năm đã hoài công
690. Chồng về dẫn dắt bi bông⁽¹⁾ đề huề
Quên rồi tình nghĩa phu thê
Phụ lời ước hẹn câu thề ngày xưa
Còn gì rày gió mai mưa
Còn đâu năm tháng sớm trưa đi về?!
Còn đâu một mối tình quê
Còn đâu kẻ bóng trên đê trăng rằm!?
Ngỡ là chỉ có hai năm
Quê hương sông núi Bắc Nam một nhà
Có ngờ non nước thêm xa
700. Ai đem chia cắt một nhà thành hai?!
Lỡ làng này bởi do ai?
Mà người đi nữ nhạ phai lời nguyên!
Trăm năm bến vãn đợi thuyền
Sao thuyền tách bến mang duyên sang bờ?!
Cung đàn lỗi nhịp đường tơ
Ngậm ngùi rơi lệ ước mơ sum vầy

(1) Bi bông: vợ và con

Giờ đây chuyện dở dang đây
Gần thì chẳng đặng xa đây không đành
Ngón ngang trăm mối tơ mảnh

710. Đắng cay chua xót chuyện tình nợ duyên
Phận bồ nhi nữ chính chuyên
Thủy chung son sắt bạc tiền bằng không
Dấu phong ba, giữ một lòng
Nay thì đành phải má hồng phai pha!
Nỗi buồn giờ đến hai, ba
Nỗi sầu này những ngàn hoa cũng sầu
Thôi như nước chảy qua cầu
Khác chi mây khói, còn đâu hỡi trời!!!...
Một người dẫu thảo hận đời

720. Sinh năm Nhâm Ngọ vào thời thuộc Tây
Tuổi thơ thích ngắm trời mây
Nô đùa trong gió bay bay tóc thề
Tung tăng chạy khắp đường quê
Lối mòn cát trắng trắng về thôn trang
Lớn lên bên lũy tre làng
Bên dòng sông nhỏ bên ngàn nương dâu
Lửa binh thiêu trụi còn đâu...
Quê hương từ thuở ngày đầu sinh ra
Thôi đành từ biệt quê nhà

730. Đến nơi thành thị để mà lánh thân

Sách đèn chằm chỉ chuyên cần
Nơi đây gặp đặng “hiền thân” trong mơ
Mối tình đẹp tựa bài thơ
Trăm năm duyên phận còn chờ đợi chi
Xe hoa một chuyến liền khi
Trai tài gái sắc còn gì đẹp hơn!...
Tháng ngày hiểu thấu nguồn cơn
Thật là oan ức trách hờn ai đây?
Trong lòng uẩn khúc chất đầy

740. U sầu này hỡi gió mây ngậm ngùi!
Chát chua pha lẫn ngọt bùi
Thời gian khắc họa nguôi nguôi nổi sầu
Phật trời linh ứng nhiệm mầu
Chiều lòng người đã xin cầu thành tâm
Bớt đi lặng lẽ âm thầm
Giảm dần năm tháng dậm dậm âu lo
Tạ ơn trời Phật đã cho
Tạ ơn tiên thánh nguyên do tổ tông
Tạ ơn tông tộc Trần đường

750. Đích tôn nam tử khói hương mai này
Giờ đây con cháu đủ đầy
Gái trai lớn nhỏ vui vầy gia gia
Tiếng cười đầy ắp cửa nhà
Ở hiền làm đúng ấy là ai ơi!

Hận đời nay đã vơi vơi
Thấy lòng ấm lại thấy trời xanh hơn!...

Một người nhi nữ thiện chơn

Tâm thiên tính Phật nghĩa hơn chân tình
Lịch âm tháng bảy Canh Thìn

760. Sinh ra trong một gia đình bậc trung
Đồng quê nắng sớm chập chùng
Khói lên bếp lửa bập bùng chiều tan
Tuổi thơ chạy khắp đường làng
Nô đùa dưới ánh trăng ngàn lặn tăn
Trời thu mây trắng giăng giăng
Giống như rắn mối, thần lẩn, kỳ không
Lạ kỳ thắc mắc hỏi ông
Sao mây trắng giống như bông lạ kỳ
Lạ kỳ giống mấy con gì

770. Con gì vừa thấy bay đi mất rồi?
Những ngày thơ ấu dần trôi
Tập tành đến lớp trau dồi sử kinh
Quê hương tràn ngập lửa binh
Làng thôn bom đạn ình ình ngày đêm
Đâu còn cái thuở êm đềm
Để mà đứng ngắm bên thềm trăng treo
Bốn mùa sớm tối lần theo
Chín năm chống Pháp quê nghèo tả tơi

Tiếp thu đình chiến à ơi!

780. Nước non nay khắp đất trời bình yên

Tạm thời sông núi hai miền

Hai năm sau sẽ nối liền núi sông

Có ngờ ngày tháng mênh mông

Đôi bờ Nam Bắc ai trông ai chờ

Dòng sông nước vẫn lững lờ

Hòa bình chỉ thấy trong mơ đêm dài

Chiến tranh lại đến hồi ai!

Cửa nhà đổ sập đình đài nát tan

Ra đi từ biệt xóm làng

790. Đến nơi thành thị dặm ngàn cách xa

Tháng ngày lặn lội bốn ba

Mưu sinh kiếm sống vượt qua tháng ngày

Phong trần gian khổ ai tà y

Kiên tâm bền chí dạn dày gió sương

Ở hiền kẻ mến người thương

Tấm lòng nhi nữ đời thường bao la

Thiện lành hành thiện thiết tha

Người con hiếu nghĩa ông bà chứng tri

Từ bi hạnh nguyện nữ nhi

800. Tổ tiên trời Phật độ trì bình yên

Có tiền không phải vì tiền

Vì nhân nghĩa, vì nợ duyên với đời

Thi ân bố đức ai ơi!
Lòng ta sẽ thấy thảnh thơi nhẹ nhàng
Hỡi ai sống cảnh giàu sang
Chút lòng trắc ẩn nặng mang kiếp người!

Hoa sen mọc ở Tháp Mười

Ông Trần Văn Thương Bến Bù sinh ra
Đất lành từ thuở mẹ cha...

810. Định cư lập nghiệp dựng nhà ven sông
Lớn lên nơi đất Tân Đông
Được cha truyền dạy võ công vững vàng
Mỗi khi gặp bọn cướp đàng
Côn đồ ức hiếp dân làng hiền lương
Mấy tên dở dờ ương ương
Mấy tên đầu nậu bạo cường đánh tan
Giữa lòng Đồng Tháp bình an
Tinh thần nghĩa hiệp truyền lan quanh vùng
Họ Trần thêm một người hùng
820. Rạng danh dòng tộc vui chung họ hàng
Thu đi rồi lại đông tàn
Năm hai chín tuổi có nàng bên sông
Ở vùng Hưng Phú, Bắc Đông
Hai mươi bảy tuổi tơ hồng gởi trao
Chuyện tình thắm đậm ngọt ngào
Lớn theo con nước dạt dào miên man

- Khắc ghi lời ngọc ý vàng
Năm sau đưa đón thiếp chàng nên duyên
Xe hoa trên một con thuyền
830. Lẽ là kiếp trước lời nguyên hôm nay(?)
Êm đêm hạnh phúc tháng ngày
Vợ chồng chiều sáng cấy cà làm ăn
Mừng vui con trẻ tung tăng
Bốn năm sanh đặng hai nường⁽¹⁾ một anh
Thêm nghề mua bán tập tành
Bờ sông dựng quán cầm canh theo mùa
Đung đưa nắng dọi gió lùa
Chồng làm ruộng, vợ bán mua kiếm cần
Cần khôn nhật nguyệt chuyển vần
840. Đồng quê sớm tối tảo tần nuôi con
Mật mờ binh lửa nước non
Làng quê chinh chiến mất còn gian nan
Trời đang đổ nắng chang chang
Bỗng đâu trở gió xô ngàn sông trôi
Ngửa nghiêng đổ cả đất trời
Vào năm Bính Ngọ giữa thời lửa binh
Quê làng đang buổi chiến chinh
Người con trai phải bịnh tình chết đi

(1) Nường: con gái

Thương con trẻ dại biết chi

850. Nhớ con đứt ruột ai bi sầu này
Nỗi buồn thương nhớ chưa khuây
Ai đem tang tóc bủa vây giữa lòng
Một ngày mây trắng nắng hồng
Về vườn phát cỏ lên vòng trồng khoai
Tiền mang mua giống còn đây
Hãy còn buộc chặt sợi dây bên mình
Đang làm nghe tiếng xình xình
Trực thăng bay đến rập rình đổ hơn...
Trăm quân hướng phía Tuyên Nhơn

860. ào ào lính trận bơn bơn giẫm đê
Ầm ầm tàu chiến thuyền bè
Quân đi lòng sục lè phè tranh đua
Nhiều người đang lúc làm mùa
Chạy không kịp ắt bị lừa đi ngay
Đã là khoanh trắng vùng này
Không lo liệu, ắt có ngày mạng dang
Mạnh ai nấy trốn giữ thân
Ông Tư bò xuống gốc bần mé sông
Chui vô lùm để trở bông

870. Ẩn sâu dưới nước nên không thấy gì
Còn ông Mười Thưởng trườn đi
Men theo mép cỏ còn y dấu trườn

Thế tình cấp bách khôn lường
Đã quên khóa lấp lẩn đường vừa qua
Lính lần theo dấu tìm ra
Thấy ông trong đám tranh già vây quanh
Bọn quân chẳng biết dữ lành
Ngỡ là kẻ địch liên thanh bắn liên
Tám viên vỏ đạn còn nguyên

880. Súng trường mười sáu trúng xuyên qua đầu
Thảm thương ôi biết là bao!
Ai nghe cũng phải đốn đau ngậm ngùi
Số tiền mua giống mất rồi
VẬY là lính lấy thời thôi chắc thời(!?)
Chết người mất cửa hỡi ơi!
Nỗi sầu này hỏi đất trời có hay!?
Vợ thì đang lúc mang thai
Người con gái út chờ ngày nở sinh
Chiến tranh tàn sát sanh linh
890. Biết bao thảm cảnh gia đình hiền lương
Mạng người thời loạn quá thường
Đạn bom nào có chữa đường cho ai
Cũng không thể biết đúng sai
Chỉ là nổ cháy hình hài ra tro
Có người chết cháy co ro
Có người chết cháy nằm co con bông

- Có người phơi xác trên đồng
Có người chìm nổi theo dòng sông sâu
Có người chết biến mất đâu
900. Có người chẳng đủ mình đầu chân tay
Có người chết chẳng ai hay
Có người chết giữa rãnh cày nước ngâm
Có người chết lấp dưới hầm
Có người chết ở ven đầm bờ dâu
Có người chết vất bên cầu
Có người chết cạnh giàn bầu luống dưa
Có người chết buổi nắng trưa
Có người chết chuyến đò đưa đi về
Biết bao thảm cảnh làng quê
910. Nhà tan người mất phu thê xa lìa
Thương con mất mẹ đầm đìa
Thương chồng người vợ canh khuya mơ màng
Đầu xanh sớm bỏ dương gian
Ai đem lửa khói, ai mang thảm sầu?
Cuộc đời còn có gì đâu?!
- Thân cô không thể bền lâu Bến Bù
Giả từ sông nước miền xuôi
Bà Mười Thương tuổi Tân Mùi - ba lăm
Núi đồi Định Quán xa xăm
920. Giữa lòng đất mới khó trăm ngàn lần

Thương cho thân phận lỡ làng
Thương con thơ dại đôi hàng lệ rơi
Gian truân đối mặt luôn mời
Chất chồng thử thách cuộc đời tha phương
Phận bồ liễu yếu dậm trường
Đôi vai trĩu nặng nắng sương mỗi mùa
Đông về gió giật gió đùa
Gió khua màn trúc, gió lùa rèm thưa
Hoa ngàn cành lá đung đưa

930. Gió ơi hỡi gió, gió mưa nghiêng thành
Tháng ngày lặng lẽ qua nhanh
Tuổi xuân đâu thể để dành thời gian!
Hỡi ai sống cảnh lỡ làng
Biết chẳng nổi cảnh ngổn ngang bời bời?!...

Ông Trần Hai Nghiệp trọn đời

- Thủy chung như nhất một người vợ thôi
Nhiều năm con chẳng có rồi
Mẹ cha khuyên cưới vợ đôi để mà
Có con nối dõi tộc gia
940. Và là sớm tối cửa nhà thêm vui
Khuyên hoài ông cũng nhận lời
Thuận cho mai mối tìm nơi cau trầu
Xóm trên gặp đặng cô Dầu
Thầy xem tướng tốt sanh đầu con trai(!)

- Vào ngày mồng tám tháng hai
Báo ông mặc đẹp - áo dài dù che
Nghe thời ông cũng có nghe
Hết giờ chẳng đến phu the không thành
Ông rằng thân đã trời dành
950. Số phần phải chịu không đành vợ đôi
Mẹ cha giận quá khôn thôi
Tức con quá thế đứng ngồi không yên
Trong ngày đã quyết định liền
Bảo làm nhà khác ở riêng sau vườn
Bất tuân lệnh của Nghiêm đường
Làm con mà dám xem thường huấn nghiêm
Biết mình có lỗi. Lặng yêm
Bên tình bên hiếu nỗi niềm ai hay!
Phu thê dấu chỉ một ngày
960. Cũng ngàn ân nghĩa sâu dày với nhau
Tin rằng sẽ có kiếp sau
Kiếp này ở bạc trời nào dung tha!
Ông Trần Hai Vĩnh nghĩ xa(!)
Bốn phương cũng chỉ một nhà đấy thôi!
Dấu rằng vợ một vợ đôi
Vợ ba, vợ bốn cũng nôi cũng niêu
Cũng trưa cũng sớm cũng chiều
Cũng thương cũng quý cũng yêu má kề

Thủy chung tình nghĩa phu thê(!)

970. Cốt sinh con cháu đề huề vui chơi
Giàu con hạnh phúc nhất đời
Sanh voi sanh cỏ nào trời bỏ ai
Càng nhiều thì sống càng dai
Có gì hô tiếng chắc bài không lo
Của tiền nức lẫm chật kho
Cháu con vài đứa chẳng cho được gì
Đáng danh rõ mặt nam nhi
Anh hùng kim cổ chí chi có thời!

Ông Trần Văn Hiệp cả đời

980. Lương y chữa bệnh cho người gần xa
Thuốc tào cùng với thuốc ta
Thuốc nam, thuốc bắc trước là độ nhân
Phú bần chẳng kể chẳng phân
Nắng mưa sớm tối xả thân cho đời
Tấm lòng Ông trải khắp nơi
Tâm thành chí cả sáng ngời trong Ông
Một hôm có kẻ bên sông
Có con bệnh nặng vợ chồng bế sang
Giữa khuya đưa trẻ sức tàn
990. Ngáp hơi chờ đến thiên đàng hồn bay
Trông chừng cảnh ngộ thương thay!
Lương y từ mẫu là đây, còn chờ...

Vận may số phận trẻ thơ
Ông bà phước đức ơn nhờ từ tâm
Mẹ cha khẩn vái lâm râm
Sáng trời đưa trẻ bớt bầm tím da
Hôm sau thấy tỉnh lần ra
Ba ngày khá bệnh thật là thần y
Công thầy tiên thuốc ơn ghi

1000. Nhà nghèo quá đổi lấy chi đáp đền
Suốt đời khắc cốt không quên
Xin cho ở đợ làm nên trả dần
Xót thương cảnh ngộ hàn bần
Ông cho tất cả không cần trả công
Nghĩa nhân ân đức mệnh mông
Cháu con soi mãi gương Ông sáng ngời...

Ông Trần Đức Thuận hồi trời!

Bốn mươi tuổi đã bỏ đời từ ly
Nào nùng kẻ ở người đi

1010. Bao bùng nổi cảnh còn chi người hiền?
Chết đi giữa tuổi tráng niên
Gia tài bá hộ⁽¹⁾ thổ điền nương dâu
Các con còn bé nương đâu?
Rồi đây phải cảnh hát câu chia lìa

(1) Bá hộ: phẩm hàm hoặc chức sắc của một người giàu có trong làng ngày xưa.

Cuối cùng tất cả cùng dì(1)
Với ông hộ Sáu⁽²⁾ sớm khuya mai này
Dưỡng nuôi các cháu từ nay
Bao nhiêu đất ruộng giờ đây thay quyền
Giờ đây gò, trũng nhập điền

1020. Hai bên Sông Cát nối liền giăng giăng
Trong làng giàu nhất ai bằng
Thăm đồng đi ngựa tiếc rằng không lâu
Bạc bài chơi mút cần câu
Năm năm hết sạch còn đâu tiêu xài
Bán qua phần ruộng thứ hai
Là phần nuôi dưỡng tương lai cháu mình
Hai bên nội ngoại gia đình
Đôi lần đến nói lý tình với ông
Rằng là bất ý bất đồng

1030. Dưỡng nuôi các cháu đã không như lời
Rằng là ông chỉ ăn chơi
Còn bao nhiêu ruộng nay thời trả ra
Hứa thì có hứa nhưng mà
Ầm ừ ậm ự ầm à âm âm
Chỉ còn số ruộng quanh đầm
Ông thua bài quá muốn cầm đứt luôn

(1) Dì: về

(2) Hộ Sáu: ông bá hộ Sáu Trần Đức Lạc(Thiện)

- Kiến lên làng, tổng ngọn nguồn
Thế ông còn mạnh vui buồn không xong
Kiến lên tỉnh để những mong
1040. Buộc ông trả lại cánh đồng như trên
Tỉnh về tỉnh xuống tỉnh lên
Kiểm tra đo đạc còn hên - ba phần
Bảy phần đổi họ chuyển sang
Phạm, Huỳnh, Lê, Nguyễn trong làng gồm thâu
Thêm lần các cháu nối sâu
Thân sơ thất sở cơ câu trên người
Dang tay đón nhận, hộ Mười⁽¹⁾
Mang về nuôi dưỡng nên người ngày sau
Đức Huy anh cả buồn đau
1050. Bút nghiên dang dở trâu cau không thành
Ông Trần Đức Kế hiền lành
Chăm lo kinh sử công danh sáng ngời
Tương lai chờ đón đợi mời
Làm sao xứng đáng một đời nam nhi
Đức Cai cố học rồi thì
Triều đình mở hội khoa thi đăng trình
Chõng lều khăn gói vào kinh
Tam trường thi đỗ đồ sinh tú tài

(1) Hộ Mười: ông bá hộ mười Trần Đức Bồi (Thuật)

- Bỏ công ngày tháng miệt mài
1060. Đáp đền ơn chú năm dài làm cha
Ông Trần Đức Tổng như là
Mãng non đứng trước phong ba bão bùng
Mới lên tám tuổi não nùng
Gió mưa vùi dập mệnh mỏng vào đời
Năm năm hộ Sáu một thời
Giờ đây với chú hộ Mười ấp yêu
Được chăm nom bảo bao điều
Sách đèn nối bước sớm chiều theo anh
Ông người đạo đức hiền lành
1070. Càn khôn xoay chuyển tinh thành tráng niên
Năm hai tám tuổi nên duyên
Với người đồng hội đồng thuyền gần quê
Tháng năm mưa nắng theo nghề
Bán mua hàng xáo đậu mè ngô khoai
Sức người làm một nên hai
Dần dần mua lại đất đai ít nhiều
Chức làng hương hộ⁽¹⁾ vượt nghèo
Tấm gương sáng chói chí giàu ông tôi.
Một người cháu ngoại cút côi
1080. Nữ nhi họ Nguyễn vào hồi lửa binh

(1) Hương hộ: Chức sắc nhỏ hơn bá hộ.

Quê hương giữa buổi chiến chinh
Người cha mắc phải bệnh tình chết đi
Còn trong bụng mẹ - thai nhi
Người thân hàng xóm ai bi biết là
Mẹ đi buôn bán đường xa
Nước non khói lửa lan ra đầy trời
Mỗi chân mẹ bước đạn rơi
Tháng năm rong ruổi xứ Hời - Nha Trang
Nắng mưa chẳng quản gian nan

1090. Anh hai theo mẹ lối ngang đường luôn
Đêm ngày qua bản qua buôn
Qua sông qua suối qua truông qua điều⁽¹⁾
Bán mua dành dụm chất chiu
Núi đồi đã thấy sương chiều giăng giăng
Xa xa bóng mẹ dưới trăng
Lần theo nẻo cũ để băng qua đồng
Tiết trời đã chớm sang đông
Mẹ lo chuẩn bị gánh gồng hồi hương
Vài hôm nữa sẽ lên đường
1100. Nào hay gió độc bay vương vào mình
Nghĩ rằng chỉ nhẹ, làm thình
Ngờ đâu quá nặng sự tình u ơ

(1) Điều: đèo

Biết mình chẳng sống nữa giờ
Chết đầy nước mắt con thơ hỡi trời!
Gọi anh trần trối dặn lời
“Thương em bé dại, con ơi! mẹ nằm...”
“Em con tuổi mới lên năm”
“Anh em đùm bọc tình thâm máu đào...”
Mẹ còn gắng sức thì thào

1110. Nói không thành tiếng mếu mào tắt hơi!
Canh ba lát phát mưa rơi
Thương cho thân mẹ cả đời bôn ba
Giờ thì cả mẹ và cha
Chết đi để lại cửa nhà vắng tanh!
Dượng cô bảo dưỡng em anh
Xót thương hai cháu không đành làm ngơ
Cút cô bé nhỏ dại khờ
Năm lên chín tuổi mịt mờ lửa binh
Anh hai mười sáu tòng chinh

1120. Thương cha nhớ mẹ thương mình lệ rơi
Mỗi năm anh mỗi hận đời
Sống sao như thể cảnh thời nông nô
Khác chi sống cảnh tù đồ
Tủi thân cô cút sóng xô bạc đầu
Nhân tình thế thái đậm sâu
Nghĩa ân nhân đức nhạt màu thời gian!

Nước non khói lửa tràn lan
Nam nhi khí phách hiên ngang lên đường
Ra đi một sớm còn sương

1130. Xa người em gái nhớ thương biết là
Hôm nay từ biệt quê nhà
Trời mờ mờ sáng nhạt nhòa ánh sao
Nao nao lòng thấy nao nao
Gió đưa tiễn bước người vào chiến khu
Súng gươm đánh đuổi quân thù
Vào năm Ất Dậu mùa thu ùng ùng
Hành quân đánh trận cuối cùng
Chân đèo địa phận chợ Cung, Ninh Hòa
Hy sinh giữa buổi trăng tà

1140. Mới vừa mười chín thiết tha yêu đời
Người thân nay chết hết rồi!
Một mình còn lại cút côi một mình
Trăng hôm chênh chếch qua màn
Xa xa tiếng pháo đi đành trên nường
Giữa trời ôm lấy đau thương
Biết bao khúc nổi đoạn trường thơ ngây!
Mười hai tuổi biết rồi đây?
Bèo dâu trôi nổi từ nay theo dì
Trông em phụ việc liền khi

1150. Tháng năm gió nắng xuân thì bên hiên

Năm mười bảy tuổi nên duyên
Với người cùng xóm thân yên an bài
Năm sau sanh đặng con trai
Nỗi buồn giờ cũng phôi phai ít nhiều
Vợ chồng nhất mực thương yêu
Mảnh đời bất hạnh hẩm hiu với dần
Thấy lòng ấm lại thêm phần
Gia đình hạnh phúc những ngân ước mơ
Quên đi năm tháng tuổi thơ...

1160. Gió mưa vùi dập bơ vơ cuộc đời
Năm tư⁽¹⁾ đình chiến ai ơi!
Vui mừng quá đỗi, bom rơi không còn
Còn trời còn nước còn non
Còn đây chồng vợ và con yên bình
Nào ai đoàn tụ gia đình
Lên đường tập kết chồng mình lại đi!
Đang mang trong bụng thai nhi
Buồn nào hơn cảnh chia ly vợ chồng
Nghẹn ngào lệ đổ chiều đông
1170. Thương con thơ dại, thương chồng đi xa
Thương người ở lại quê nhà
Chia đôi đất nước đâu là bình yên

(1) Năm tư: năm 1954

Những chiều đứng tựa bên hiên
Trông nơi xa thẳm nỗi riêng tấc lòng
Gió khuya len nhẹ qua song
Đèn khuya hiu hắt ngời chong bóng đèn
Khép mình cửa khóa cài then
Mặc cho ong bướm lạ quen vò vè
Đôi lần lay động phòng the

1180. Chính chuyên thiếu phụ khuya hè đêm đông

Ru con giấc ngủ say nồng
Thiu thiu cơn mộng xa trông bụi mờ
Tháng ngày như chiếc quay tơ
Hai năm bao những ước mơ sum vầy
Năm năm thương nhớ nào khuây
Mười năm lửa khói bủa vây xóm làng
Cửa nhà đổ sập tan hoang
Ruộng đồng vắng bóng người mang lúa về
Còn đâu cảnh sắc vùng quê

1190. Còn đâu trăng sáng a ê như lần

Thời gian nặng gánh phong trần
Điều tàn trợ trụi thêm phần xác xơ
Quê hương khói lửa mịt mờ
Một người mẹ, hai con thơ dất dìu
Giữa lòng bom đạn nương theo
Cho con đến lớp dẫu nghèo, không quên

- Thời gian hai trẻ lớn lên
Con trai dạy học cách bên xóm nhà
Những khi binh động sẽ là
1200. Làm anh du kích tham gia chống cường
Một chiêu ác liệt chiến trường
Hy sinh anh dũng xót thương dằng dằng
Và người con gái tròn trăng
Làm nghề y tá giảng giảng thôn làng
Thiếu người huyện rút lên ngàn
Leo đèo lội suối theo chân quân hành
Đêm ngày nắng gió sương mành
Bản, mường, buôn, sóc dữ lạnh nặng mang
Dặm trường thân gái muôn vàng
1210. Rừng khuya núi sớm gian nan xem thường
Đuối chân trên mỗi bước đường
Hơi tàn sức kiệt trên thương cho về
Yên lòng khi trở lại quê
Nghĩ rằng than thuốc liệu bề hồi sinh
Mỗi ngày bệnh thấy u minh
Mệnh phần con trẻ mong manh suy tàn
Một đêm giông gió lia trần
Thương con người mẹ muôn phần đốn đau
“Từ nay con có còn đâu!”
1220. “Con đi bỏ mẹ nữ nào hỏi con?!”

“Con ơi lòng mẹ héo hon”

“Nhớ con đứt ruột, thương con thật thà”

“Sinh ra chưa biết mặt cha”

“Lớn lên trong buổi nước nhà loạn ly”

“Nay con về chốn âm ty”

“Dương gian mẹ ở thăm thì gieo neo!”

Một mình bên mái tranh nghèo

Ngoài kia lửa khói cuốn theo khắp trời

Chiến trường rối loạn bời bời

1230. Cao Nguyên miền biển nơi nơi nháo nhào

Quảng Nam, Quảng Ngãi ào ào

Phú yên, Bình Định đèo cao vượt tràn

Thẳng đường tiến đến Phan Rang

Phước Long, Chương Thiện, Tây An cuốn cờ

Miền Đông các tỉnh tiến vô

Mười giờ chiếm được Thủ Đô Sài Gòn

Làng thôn lửa khói không còn

Hoà bình về với nước non quê nhà

Người chồng năm ấy đi xa.

1240. Đón ngày gặp lại nở hoa trong lòng...

Nhưng rồi xuân hạ thu đông

Bốn mùa sớm tối mênh mông người về

Tháng ngày dài mãi lê thê

Mỗi mồn trông ngóng ủ ê u buồn

Hỏi tìm cho biết ngọn nguồn
Gần xa tin nhận vẫn luôn mịt mờ
Những mong nối lại đôi bờ
Bỏ đi năm tháng đợi chờ bấy lâu
Dòng sông đã bắt nhịp cầu

1250. Nhưng ngày đoàn tụ chìm sâu nặng nề
Bước đường Nam tiến sơn khê
Tây Nguyên nơi chiến trường Bê mạng cùng
Trường Sơn dốc đá mộ chung
Suối nguồn róc rách đôi Dung một ngày
Nỗi đau cứ mãi đong đầy
Mảnh đời bất hạnh từ đây độc hành
Khăn tang cho mẹ cho anh
Cho con vừa hết long lanh cho chồng
Việt Nam bà mẹ anh hùng

1260. Huân chương kháng chiến vui cùng lệ rơi
Hắt hiu ngập cả bầu trời
Đau thương chôn chặt một đời tình quê
Nước non ngàn dặm ai về
Nơi làng An Thạch mà nghe chạnh lòng
Có người cháu ngoại Tộc Dòng
Quanh năm héo hắt bụi hồng bóng cầu
Cuộc đời có nghĩa gì đâu
Nào ai đong được nỗi sầu này chẳng!?

Một chiều mây trắng giăng giăng

1270. Làng quê sương khói gió trắng giăng hà
Một người cháu ngoại Trần gia
Họ tên thường gọi ấy là Trần Rân
Có nghề thiên phú tay thần
Vẽ tranh đồ họa dung nhan cho người
Vẽ tờ giấy bạc xanh trời
Đông Dương to nhất vào thời thuộc Tây
Mỗi tờ gói gọn hai ngày
Mang ra tiêu thụ được ngay quá mừng
Tặng thêm số lượng mới ưng
1280. Sớm khuya găng sức cong lưng miệt mài
Thời gian yên ắng chắc bài
An tâm làm bọ chưa ai đón mời
Lúc đầu là chỉ vẽ chơi
Chẳng ngờ kết quả nên thời tiến xa
Bỗng đâu quân lính vây nhà
Ngoài sân trước ngõ mã tà xông vô
Thôi rồi tan tác sự đồ
Bao nhiêu dự tính tựa hồ rã tan!
Ra tòa lãnh án chung thân
1290. Xa xôi ngàn dặm Cao Bằng nhà giam
Ăn năn sám hối việc làm
Đôi tay trót đã chúng chàm than ôi!

Chung quanh chỉ có tường vôi
Suy tư thao thức bồi hồi năm canh
Sổ lồng rất đổi mỏng manh
Mong sao biển cạn hóa thành ruộng dâu
Kinh thiên động địa thần sâu
Việt Minh nổi dậy, Pháp nhào con cha
Khám đường tung cánh nhả ra

1300. Chạy về Quảng Ngãi ôi là như mơ
Mừng rơi nước mắt đâu ngờ
Còn ngày trở lại, còn giờ về đây!
Đói no ấm lạnh từ nay
Bám đồng giữ đất ngô khoai canh điền
Trời thương gặp đặng vợ hiền
Kề vai chung sức của tiền nào hơn!
Cháu con nhớ mãi công ơn
Tổ tiên gầy dựng giang sơn ngày đầu
Ông bà nối tiếp về sau
Cố công vun xới xanh màu cháu con
Rời đi với tấm lòng son

1310. Về miền đất lạnh nước non ngàn đời
Mộ phần nằm ở nơi nơi
Sài gòn, Gia Định, đất trời miền Tây
Quê hương Quảng Ngãi đủ đầy
Nơi làng An Thạch tháng ngày nắng mưa

Tập trung Cấm Trước từ xưa
Ở đồng Nước Máy lúa thừa bấy chầy
Gò Mèn, gò Hội, gò Mây
Gò Ông Tích, cấm Đông Tây thửa giờ
Bao Tre, gò Lỡm trắng chờ

1320. Mộ ông bà Tổ đêm mờ đóm đăng

Nơi thiên đất mạ Gò Găng

Mộ phần năm tháng gió trăng bồng bồng
Là nơi an nghỉ của ông...

Hộ Mười với cả tấm lòng từ bi

Tiếc rằng ông sớm ra đi

Sáu mươi chưa đến còn gì nữa đâu!

Gia tài sản nghiệp không lâu

Đời con chưa hết sụm bầu tiêu tan

Xóm giếng thân thích trong làng

1330. Ởn ông những lúc tai nạn xảy ra

Quý ông như quý mẹ cha

Trọng ông như thể ông bà không hơn

Ông người đạo đức nghĩa hơn

Ông người trí tín thiện chơn chân thành

Dưỡng nuôi bốn cháu thay anh

Chăm nom khuyên bảo học hành khôn lời

Những mong đỗ đạt vào đời

Mang thân giúp nước rạng ngời công danh

- Nam nhi khí phách tung hoành
1340. (Sử kinh đèn sách em anh miệt mài)
Một người cháu đỗ tú tài
Ba người còn lại một hai trường gần
Người con thi đỗ cử nhân
(Tông môn rạng rỡ đón tân khoa về)
(Ngợi khen nức tiếng làng quê)
(Mẹ cha nở mặt, phu thê ngọt lành...)
Ruộng vườn bao khắp vây quanh
Ông còn mua sắm để dành khôn thời
Chuyện xưa truyền lại bằng lời
1350. Mười ba công cấy⁽¹⁾ mương đôi gáo ù
Mỗi khi thu hoạch lu bù
Bởi nằm trong thửa u mù lại qua
Một hôm chủ ruộng ở nhà
Ông sang hỏi chuyện đặng mà mua luôn
Để không còn cảnh buông tuồng
Để cho liền đám chung nguồn liền ranh
Đôi bên thảo luận chùng canh⁽²⁾
Tiền quan thập nhị⁽³⁾ chông quanh giáp bờ
Mất hồn ông Sắt ngẩn ngơ
1360. Chấp tay đứng bái “chẳng ngờ Hộ mua”

(1) 13 công cấy: 0,65 ha.

(2) Chùng canh: khoảng hai tiếng đồng hồ.

(3) Tiền quan thập nhị: tiền 12 quan; loại tiền có giá trị to nhất thời đó

Và rằng là chỉ nói đùa
Để cho con cháu quanh mùa chăm trồng
Buồn lòng bá hộ về không
Bâng khuâng chất ngất mênh mông đất trời!

Ơi ông Trần Mậu ông ơi!

Ruộng vườn nay đã hết rồi - trắng tay!

Còn đâu sự nghiệp mai này...

Cũng là do bởi bấy rày ăn chơi

Cha già giận quá nặng lời

1370. Hồ người nam tử thân cời ra đi

Bước đường rong ruổi thăm thì...

Gia tài sản nghiệp còn gì nữa đâu!

Quy Nhơn dừng lại, may sao!

Sân Trình cửa Khổng mời chào mảy râu

Thông minh nên chẳng bao lâu

Cử nhân thi đỗ phố châu về làng

Võng khiêng dù lọng hai hàng

Phụ thân ra đón ngõ ngang vui thay!

Không ngờ có được ngày nay

1380. Ông con bướng bỉnh giờ này nên danh

Vừa trông thấy bóng cha mình

Cử Nhân nhẩy xuống phùng phình áo xiêm

Bông cha lên võng nằm yêm

Kề vai khiêng cán nổi niềm ơn cha

Nhiều lần lớn nhỏ rầy la
Nếu không đâu dễ có mà hiển vinh!
Nằm trong võng nghĩ bổng bình
Ông cha trần trở hiếu tình người con
Từ đây dòng tộc, nước non

1390. Họ Trần thêm một cử nhưn vào đời
Quê hương An Thạch rạng ngời
Trong lòng ông nở nụ cười thiện thân
Võng dừng lại ở giữa sân
Trước thêm bà đứng trông gần ngắm xa
Theo ông nhẹ bước vô nhà
Thấp nhang kính báo ông bà chứng tri
Nhà này vinh hiển hôm ni
Tạ ơn tiên tổ từ bi nầu sông
Bấy lâu đã chẳng uống công

1400. Con ông Bá hộ rất thông minh mà!
Vui lòng đẹp mặt mẹ cha
Ởn công sinh dưỡng rầy la bấy chầy
Ba ngày lễ tạ đủ đầy
Bà con cô bác đó đây đến mừng
Hiền thê ông Cử rưng rưng
Nỗi lòng mệnh phụ phu nhân trang đài
Cố công ngày một ngày hai
Sớm khuya khuyên nhủ trai tài chính danh

Những lời êm dịu ngọt lành

1410. Ngày nào còn đó chấp cánh vươn cao

Hôm nay đáng mặt anh hào

Rõ ràng thân thế rào rào lằng lằng

Triều đình lệnh chỉ Cử nhân

Bổ làm tri huyện Hàm Tân lên đường

Người đi trấn nhậm tha phương

Biết bao nỗi nhớ cố hương quê nhà

Quan trường muôn dặm ngàn xa

Con đường hoạn lộ âu là lập thân

Khẩn trương xây dựng Hàm Tân

1420. Trước tiên an định cho dân an lành

Sau là trưng khẩn trưng canh

Đầu tư ngư nghiệp đồng hành thời gian

Cường hào ác bá đánh tan

Đám người lười biếng lang thang bớt nhiều

Chiếu vua khen ngợi bao điều

Hàm Tân tri huyện con yêu triều đình

Hòa Đa vấn nạn sự tình

Nay điều quan đến để bình yên dân

Báo cho chuẩn bị tinh thần

1430. Ba ngày thu xếp không cần về kinh

Tuân hành lệnh chuyển điều “ binh”

Huyện quan biết bốn phận mình từ nay

Đất trời huyện mới nơi này
Đằng đẵng sát khí lâu nay lắm điều
Hôm sau vào giữa buổi chiều
Huyện đường đang lúc còn nhiều ngổ ngang
Có người dâng lễ Huyện quan
Gọi là ra mắt mâm nan⁽¹⁾ đầy quà
Tấm khăn màu đỏ dỡ ra

1440. Nào là kiếm búa, nào là dao phay
Cung tên giáo mác đủ đầy
Cười gằn, Huyện nói: “lũ này gớm ghê”
“Coi thường luật pháp vùng quê”
“Ngày đi ta đã lời thề nước non”
Đêm ngày nghĩ kế hốt tròn
Dùng mưu để bắt không còn một tên
Tánh danh làng, tổng báo lên
Thông tin liên lạc huyện bên khi cần
Giả làm như kẻ bàng quan
1450. Giả như chẳng biết chẳng màng việc chi
Ai tau ai báo việc gì
Giả như cầm điếu lăm lì dửng dưng
Côn đồ đắc chí vui mừng
Ép người lấy của xem chừng như không

(1) Mâm nan: Mân đan bằng nan cây tre.

Một ngày vào cuối mùa đông
Chờ cho chúng kéo vô nùng thu tô
Bủa vây hốt gọn côn đồ
Huyện nha xét xử tống ô giam liền
Mấy tên ỷ thế lộng quyền

1460. Mấy tên dày án chém liền không tha

Phần đông một lũ lâu la
Bắt đi cải huấn gần xa nông trường
Cảnh đời nghĩ cũng thấy thương
Phép công luật nước dễ thường làm sai
Hòa Đa nay có người tài
Từ đây sẽ hết ương tai thật là ...

Thanh bình mảnh đất Hòa Đa
Người dân yên ấm nở hoa Huyện Trần
Có người tài sắc trắng ngần

1470. Chàm Nương quý tộc nhiều lần biểu dương

Phục quan tri huyện đường đường
Nguyện làm thê thiếp những nương cây Tùng
Thuyền quyền sát cánh anh hùng
Đôi dòng máu thấm đỏ chung một nhà
Chàm Nương phạm luật quy là
Có chồng khác tộc phải ra ngoài dòng
Bao năm tình nghĩa mặn nồng
Sinh hai công tử máu hồng Chàm Kinh

Hai người trai quý lớn lên

1480. Một nương cửa Phật mỗ kênh tháng ngày

Một theo chân mẹ đó đây

Đói no ấm lạnh sẵn khoai đợi chờ...

Bóng ai thăm thăm mịt mờ

Mười năm sao những hững hờ hỡi ai?!

Mười năm cửa khoá then cài

Mười năm giọt lệ chảy dài bờ mi

Hậu liêu Cổ tự thăm thì

Đèn khuya leo lét còn chi hện thề!

Có lần đại đức tìm về

1490. Quê cha An Thạch ủ ê ủ lời

Se se se lạnh đất trời

Nỗi niềm canh cánh cho đời biển dâu!...

Làm quan chánh tổng công hầu

Bao năm tê tái nỗi sầu thế nhân

Ông Trần Đức Nhuận thở than

Con đường hoạn lộ muôn ngàn hiểm nguy

Quan trường sóng gió bất kỳ

Tranh danh đoạt lợi gian ngay khôn lường

Về làm dân dã đời thường

1500. Trồng khoai cuốc đất ruộng vườn thanh thoi

Công hầu khanh tướng ai ơi!

Vinh quang chi lắm cuộc đời sắc không!

Cần khôn nhật nguyệt bụi hồng
Gió trắng mây nước bênh bông lãng du
Xuôi Nam một sớm vào thu
Giang hà ngàn dặm ngày đầu ra đi
Giã từ quê mẹ thăm thì
Ra đi biết có mấy khi quay về?
Đứng nhìn lần cuối làng quê

1510. Sương còn mờ lối tái tê cõi lòng
Đôi hàng lệ đổ tuôn dòng
Bước đi một bước nào nùng thêm hơn
Cần Thơ đất mới dừng chơn
Buổi đầu bán thuốc cao đơn, cao đẳng
Cao nai, cao hổ, cao trăn
Thời gian trụ lại Cái Răng mở trường
Dạy cho dân ở địa phương
Chữ Tàu, chữ Việt đời thường nơi đây
Chiều chiều trông áng mây bay
1520. Quê hương nổi nhớ những ngày biệt ly!
Người đi rồi lại người đi
Người đi lập nghiệp thê nhi đề huê
Nơi này ông chọn làm quê
Rồi đi một sớm mây về giăng giăng
Ở đầu Cầu Sáu, Cái Răng
Biển dâu chìm nổi còn chằng mộ phần?

Trần Tòa - cháu nội - hai lần
Về thăm vẫn mãi bán khoán bồi hồi
Xác minh không được đành thôi!

1530. Nhờ người nơi ở nhớ thời đèn nhang
Ông là thân thuộc của làng
Ở người cho chữ trắng vàng vùng quê
Cần Thơ sông nước ai về...
Cái Răng, Cầu Sáu con đê ven đồng
Đò ai gác mái chiều đông
Nắng vàng hiu hắt mênh mông đất trời!

Họ Trần nổi tiếng một thời

Võ văn phú quý sáng ngời tông môn
Tiếng thơm mãi mãi mãi còn

1540. Quê hương An Thạch nước non ngàn đời
Ngày xưa ông Tổ làm nơi...
Khai điền định vị đất trời bình yên
Cháu con sống ở khắp miền
Thường luôn kết nối mối giềng tộc gia
Tháng năm bão táp phong ba
Miệt đồng, miền núi gần xa một lòng
Thường niên kỳ giỗ của ông
Lịch âm ngày chín cố công tìm về
Dấu thành thị, dấu thôn quê

1550. Dấu rằng dấu có trăm bề - bằng không

Đời người như một dòng sông
Cũng như con nước khi ròng khi lên
Khi vui có lúc buồn tênh
Trần ai danh vọng mông mênh bến bờ
Nghĩa trang đất lạnh đợi chờ
Nấm mồ thấp thoáng mờ mờ cỏ khô
Cội nguồn chẳng biết là đâu
Làm người như thế khác nào cỏ cây!?

1560. Ngày xưa còn đó đủ đầy võ văn
Tộc dòng An Thạch thiện căn
Sang hèn bản phú giảng giảng nghĩa tình
Mình yêu mình quý họ mình
Mình thương mình mến định hình tộc gia
Nhớ ơn tiên tổ ông bà
Thường luôn ôn cố để mà tri tân
Chớ phân nội ngoại, xa gần
Nữ nam là một góp phần đắp xây
Mỗi năm sum họp một ngày

1570. Nén nhang khói tỏa hương bay lòng thành
Cầu cho gia đạo yên lành
Cầu cho con cháu học hành tiến xa!...
- Một người thôn nữ hiền hòa**
Quảng Bình tử thưở ông bà về nơi

Ngoài ba mươi tuổi vào đời
Gặp ông Trần Bản giữa thời lửa binh
Bắc Hòa, Lệ Thủy, Quảng Bình
Yêu chồng nhất mực dầu mình đến sau!
Mừng sinh con trẻ lần đầu

1580. Niềm vui chưa thỏa giọt sầu ly tan

Họ Ngô tên gọi Thị Loan
Chiến tranh tàn khốc phủ phàng hỡi ơi!
Ôi ông Trần Bản một đời!
Bom bi thả sát vào nơi miệng hầm
Đang nằm trên võng dưới râm
Viên bi bom bắn dính thâm khắp người
Nhà thương Cửa Năm ngay thời
Tai ương vận mạng số trời không qua!
Thương chồng giọt lệ châu sa

1590. Thương mình hiu hắt đời hoa tháng ngày!

Thương con côی cút từ nay
Ngọt bùi số phận đắng cay một lòng
Giữ gìn tứ đức tam tông
Đời người con gái qua sông một lần
Dạy con chữ nghĩa chữ nhân
Chữ trung chữ hiếu, kiệm cần chỉ chăm
Cho con đến lớp nhiều năm
Dầu rằng còn khó hàng trăm vạn phần

- Khuyên con tìm gặp người thân
1600. Anh em bên nội, họ Trần - quê cha...
Năm hai mươi tuổi bốn ba
Quảng Bình - Quảng Ngãi tìm ra tộc dòng
Hải Vân trời đất ngoài trong
Có tâm có chí có lòng có duyên
Có tên gọi Trần Quốc Biên
Con ông Trần Bản lời nguyên thiết tha
Đã cùng thê tử vô ra
Bảy lần Quảng Ngãi đường xa dốc đèo
Nuôi con ăn học dẫu nghèo
1610. Cần cù vượt khó chí giàu nghĩ xa
Ở ăn cư xử hiền hòa
Đạo con hiếu đễ mẹ cha chân tình
Hỡi ai có đến Quảng Bình
Bắc Hòa, Lệ Thủy ta mình nên đôi
Nằm bên cạnh một triền đồi
Mộ ông Trần Bản cát bồi dương reo!...
Ra đi gầy dựng về sau
Vô Nam lập nghiệp dất nhau ảm bồng
Miền Tây đất ruộng mênh mông
1620. Thủy triều lên xuống nước sông ngời ngời
Ông Trần Đức Phúc ba đời
Có nhiều con cháu ở nơi Cầu Kè

Đã lâu chẳng thấy tìm về
Bóng mờ tin nhận ử ê bấy chầy
Có người cháu ngoại quê ngoài
Nơi làng An Thạch tháng ngày nhớ trông
Họ tên Phạm Giỏi - cháu ông
Ông ơi, có biết cho không... nỗi buồn!?
Lẽ là quên hết cội nguồn?

1630. Con đường vẫn mãi chiều buông nhớ đây...

Ông Đôn đến ở Mỏ Cà

Kê đơn bốc thuốc làm thầy nghề chuyên
Gặp người vừa ý nên duyên
Gió nồm mùa hạ lên thuyền về quê
Thuốc nam từ trước là nghề
Sắc pha chế biến bộn bề quanh năm
Có thêm người vợ nuôi tằm
Hợp nhau chung sức mười năm cuối đời
Sáu mươi chưa đến, mệnh trời

1640. Bệnh tình quá nặng ông thời ra đi

Thôi thì sanh ký tử quy
Xuôi tay nhắm mắt còn gì nữa đâu!
Dương gian người ở xót đau
Tuôn rơi nước mắt nỗi sầu từ ly
Từ nay trần giới âm ty
Gió lay cành lá thắm thì gió ơi!...

Hỡi ông Trần Phú ăn chơi

Bạc bài bị mắng thất thời đi luôn

Bao mùa nắng đổ mưa tuôn

1650. Đói no ấm lạnh vui buồn nơi đâu?

Người thân sớm tối bấy lâu

Cố công tìm hỏi bèo dâu theo dòng!...

Ông Hào quyết chí một lòng

Vô Nam buôn bán từng đồng chất chiu

Mấy năm kiếm được ít nhiều

Gian nan vất vả sớm chiều nắng mưa

Mang về chuộc lại ruộng xưa

Nhưng vì đoạn mại đung đưa dùng dằng

Người mua lấy lý nói rằng

1660. Ruộng đã bán đứt nhùng nhằng làm chi

Ông Hào chẳng biết làm gì

Buồn rầu oán trách ai bi thấu trời

Nhờ ông Huyện Mậu dùng lời

Dùn dùn thẳng thẳng lời lời áp nà

Người mua đành phải thả ra

Ba mươi công cấy⁽¹⁾ xót xa đôi đàng

Tựa hè ông đứng thở than

Trông ra trước ngõ lệ tràn tuôn rơi

(1) Ba mươi công cấy: 1,5ha.

Nghẹn ngào ông gọi cha ơi!

1670. Ruộng cha không bán ăn chơi đâu nghèo!...

Đông về xa xứ lần theo

Con đường ngàn dặm gieo neo dặm ngàn

Đến căn cứ Sáu dừng chân

Vui mừng nhưng cũng băng khuâng dạ sầu

Tìm đâu biết có tìm đâu?

Thôi thì đây cũng xanh màu trời mây

Ông Hạnh một thuở nơi đây

Những mong là sẽ dựng xây cơ đồ

Và rồi sẽ chuyển dần vô

1680. Hàm Tân có thể định đô lâu bền

Quê hương An Thạch nào quên

Tha phương nổi nhớ mông mênh chồng chồng

Mộ phần tiên tổ cha ông

Hương tàn khói tạnh trong lòng không yên

Có người em họ lời khuyên

Trở về gìn giữ mối giềng từ lâu

Suy tư thao thức canh trâu

Quê cha đất tổ không đâu cho bằng

Một ngày thu muện mây giăng

1690. Ngoảnh đầu nhìn lại gió trắng ngậm ngùi!

Sự đời lắm chuyện buồn vui

Thương yêu thù hận ngọt bùi đắng cay

Có người nhi nữ chưa đây...

Mười ba mười bốn tuổi tây thưở giờ
Theo người đến xứ sương mờ
Lần đầu thấy lạ ngẩn ngơ ngấm hoài
Sườn đồi lơ lửng nhà ai
Hàng hàng lớp lớp trái dài thấp cao
Làm sao ở được làm sao?!

1700. Có nhà hun hút lẫn vào đồi thông
Con đường dốc đứng giữa lòng
Con đường uốn lượn từ trong ra ngoài
Ôi là đường một đường hai
Đường cao đường thấp đường dài đường cong
Cái gì mà trắng như bông?
Trên cao đổ xuống bông bông tung tăng
Nhẹ chiều sương đã giăng giăng
Mờ nhòa buồn sóc có chăng ai về?
Ai về Đà Lạt tình quê

1710. Trần gian - cõi tục - đê mê thiên đàng
Thấy lòng thư thái nhẹ nhàng
Thiên đàng hay cõi trần gian đất trời?
Ngàn hoa khoe sắc nơi nơi
Hồng lan đào cúc thấy đời yêu hơn
Nghe lòng bớt nổi cô đơn
Tâm tư trầm lắng giải cơn u sầu

Mặc cho thế sự bể dâu
Rảo chân lội khắp lối vào “cảnh tiên”
Bà là bà Bảy tên Tiên

1720. Năm mươi chín tuổi tơ duyên hẹn thề
Sắt cầm hòa hợp phu thê
Với người quân tử thuyền về bến nơi
Đông y nghề thuốc cả đời
Sắc pha chế biến một thời làm nên
Bà con nội ngoại quen tên
Một người hiền thực không quên xưa giờ
Ngày nào bà tuổi còn thơ
Giữa lòng xóm nhỏ mộng mơ hiền hòa
Bước đường lập nghiệp xứ Đà

1730. Bốn mùa mát lạnh ngàn hoa khoe màu
Nghĩa tình đậm nhạt trước sau
Bà đi để lại niềm đau u hoài
Cháu con thương nhớ nào khuây
Niết bàn mãi mãi giờ đây bà về
Trần gian - cõi tạm - u mê
Lợi danh công bộc khen chê tranh giành
Với đời bà sống thiện lành
Cháu con tôn quý chân thành thủy chung
Dẫu cho đông tố bão bùng

1740. Hương đăng khói tỏa vẫn cùng sớm trưa

Nhớ hoài bà kể chuyện xưa
Chuyện rằng Đà Lạt nắng mưa chuyện rằng
Quanh năm mát lạnh mây giăng
Hoa ngàn đua nở gió trăng lững lờ
Đôi thông hai mộ nên thơ
Chuyện người con gái ước mơ không thành
Quạnh hiu man mác buồn tanh
Nấm mồ năm tháng cỏ xanh phủ đầy
Hỡi người du khách đến đây

1750. Đôi dòng lệ đổ thương thay cho nàng
Chuyện tình đắm ước xứ Hàn
Ai chia cắt để đôi đàng lìa nhau?
Cho nàng uất hận sâu đau
Quyên sinh giữ trọn trước sau chữ tình!
Mặt hồ Than Thở in hình
Bóng nàng Thanh Thảo trầm mình ngày nao
Thương cho một kiếp má đào
Tình chung muôn thuở đường vào thiên thu!
Tin chàng tử trận biên khu

1760. Trai thời chinh chiến mịt mù tương lai
Mộ nàng lấp lánh sương mai
Thông buồn liễu rủ bóng dài hắt hiu
Muôn đời thung lũng Tình yêu
Thuở xưa sự tích bao điều vấn vương

Thề nguyên sống chết yêu đương
Bên bờ thung lũng nhớ thương thề nguyên
Nào ai ấp ủ niềm riêng
Tình yêu thung lũng tơ duyên đôi bờ
Xuân Hương mặt nước lời đờ

1770. Bóng soi liễu rủ quanh bờ người đi
Cam Ly ngày tháng râm rì
Linh Sơn chuông đổ từ bi hồng trần
Thác hang Cọp có ba tầng
Ngày xưa nơi ở chúa thần sơn lâm
Prenn réo gọi thét gầm
Trông như chẳng khác động đầm Thuỷ Liêm
Thác Dalanta ẩm chìm
Thuở nào tiên nữ tắm tìm đến đây
Thác Voi như trái thắm mây

1780. Khói sương mù mịt quện bay bảy màu
Từ ba mươi mét độ cao
Bọt tung trắng xoá ào ào ngày đêm
Này đây cảnh sắc dịu êm
Mờ sương huyền ảo Tuyên Lâm mặt hồ
Chiều về sóng lượn nhấp nhô
Một màu xanh thắm nháy xô ven bờ
Phượng Hoàng thông phủ xanh mờ
Ngọn đồi từ thuở hoang sơ đất trời

- Trúc Lâm thiền viện là nơi
1790. Tĩnh tâm thiền định mặc đời đúng sai
Đại hồng chung ngân u dài
Treo trên bảo tháp nào ai đôi lần
Để hồn thanh thản lằng lằng
Nghe như bay bổng chín tầng trời mây
Không gian trầm lắng cỏ cây
Thật là cảnh sắc nơi đây “niết bàn”
Chiều buông nắng tắt mây tan
Hoa đăng lấp lánh như ngàn vì sao
Tiếng con chim hạt vút cao
1800. Cho ai như ngõ lạc vào cảnh tiên
Đất trời non nước bình yên
Trăm năm một kiếp nợ duyên nào bằng!
Hành trang vào một đêm trăng
Mang theo cao hổ, cao dăng, cao nai
Lên thuyền Nam tiến đường dài
Quy Nhơn dừng ở những ngày vào đông
Nơi nay kết nối tơ lòng
Một bà môi đỏ má hồng xuân xanh
Thương ông nhất mực chân thành
1810. Mến ông phong độ hiền lành hào hoa
Duyên lành gặp đặng bà ba,
Bà năm, bà bảy còn xa số này

Quê người ấm lạnh bấy chầy
Bên người vợ mới nồng say mặn mà
Hành trình hã y những còn xa
Tàn mùa mưa gió bôn ba lên đường
Dừng chân ở lại Bình Dương
Thấy lòng trống vắng vấn vương một bà
Bà tư mới thật ấy là

1820. Đồng hành trên một chuyến phà qua sông
Khung trời Bến Thế mênh mông
Bước chân phiêu bạt bụi hồng gió sương
Sài Gòn rảo khắp phố phường
Gặp người sắc nết má hường ngoài vô
Đang tìm nơi để định đô
Còn chi hơn nữa điểm tô cho đời
Dấu phong ba giữ một lời
Trăm năm sống thác đất trời đôi ta
Năm bà sau trước trẻ già

1830. Khen ông tài nghệ đào hoa lão làng
Phong sương phong nguyệt phong quang
Vẽ tranh sơn thủy dân gian sắc màu
Văn chương thông thạo chữ Tàu
Làng thôn ai có tranh nhau việc đời
Nhờ ông góp ý giúp lời
Gần xa tôn quý nhờ thời Thầy Ba

Mong sao yên phận cửa nhà
Xóm giếng bầu bạn mặn mà tình quê.

Ông Trần Đức Dỡng ủ ê

1840. Vợ con bệnh mất tái tê cõi lòng
Khói hương bốn phận người chồng
Ba năm sớm tối ấm nồng thê nhi
Hành trang một sớm ra đi
Tàn thu Nam tiến biết khi quay về?
Thì thăm bên mộ nhi thê
Giã từ lần cuối làng quê lên đường
Nước non ngàn dặm sâu vương
Bước đi một bước trăm đường xót xa
Miền Tây đất khách bôn ba
1850. Làm thầy bán đủ thuốc ta - gia truyền
Buổi đầu quanh quẩn bưng, biên
Dần dần đi đến các miền xa hơn
Cao dằng, cao hổ, cao đơn
Cao nai, mật gấu, quế gừng chế pha
Sang vùng Chợ Lách đi phà
Nơi đây gặp đặng bà Hà nên duyên
Là người thôn nữ dịu hiền
Theo ông rời bến xuống thuyền qua sông
Thuyền theo lái, gái theo chồng
1860. Bên ông dẫu có mệnh mông đất trời

Nơi làng Hữu Đạo một thời
Đắp xây gậy dựng cho đời ấm no
Vĩnh Kim, Long Định, Mỹ Tho
Nơi này khó thể ở cho lâu bền
Đồng Nai, Gia Định nào quên
Đất lành chim đậu tiến lên Sài Gòn
Làm ăn thấy có đỡ hơn
Nhớ ngày dạo khắp Cái Mơn, Cái Vồn
Cái Thia, Cái Nứa, Trà Ôn

1870. Cái Bè, Cai Lậy đường trơn mưa dầm
Lai Vung, Sa Đéc âm thầm
Vai mang túi xách âm âm gió đông
Sài Gòn người ở rất đông
Thị thành khó dễ có không gặp thời
Ba con nam, nữ chào đời
Tháng ngày cuộc sống lần hồi khó khăn
Phu thê nhiều lúc dùng dằng
Gia đình, gia đạo nhùng nhằng lung lay
Thời gian cho đến một ngày

1880. Con ghiền kéo đến nặng tay với bà
Đôi đàn đàn đành phải chia xa
Các con theo mẹ, theo cha ngậm ngùi
Tuổi thơ mưa gió dập vùi
Đói no ấm lạnh ngọt bùi lặn quay

Buồn nào hơn nỗi buồn này
Có khi gặp cảnh đọa đày tối tăm(?)
Trần Cương tuổi mới mười lăm
Phá đồn bót Pháp vô năm nhà lao
Ba năm tù ở buồn sao!

1890. Chí Hoà khám lớn vây bao bức tường

Mười lăm cái tuổi đời thường
Tuổi mà trang lứa mái trường ấp yêu
Mười lăm cái tuổi cứng chiều
Mười lăm cái tuổi với nhiều ước mơ
Mười lăm cái tuổi mong chờ
Mười lăm cái tuổi u ơ ù ì
Mười lăm cái tuổi biết chi
Mười lăm cái tuổi từ khi lọt lòng
Mười lăm cái tuổi đèo bồng

1900. Mười lăm cái tuổi theo dòng nước trôi!

Trong tù ngẫm nghĩ bồi hồi
Nhớ lời cha dặn lớn rồi về Trung
Trong lòng quyết chí nấu nung
Ngoài ba mươi tuổi ùng ùng ra đi
Từ xưa nay mới lần thì
Tìm về quê nội âm ỳ đạn bom
Tháng ba đổ nắng gió nồm
Quê cha hun hút chiều hôm buông mảnh

- Ngậm ngùi nước mắt chảy quanh
1910. Hỏi ai cũng lắc, thôi đành quay vô
Tình cờ gặp rể của cô
Luyện âm bùa ngải tông đồ với nhau
Hỏi thăm câu chuyện trước sau
Anh em cô cậu mà nào có hay!
Quá mừng hối hả đi ngay
Đây làng An Thạch ngất ngây bồi hồi
Quê cha đã thật đây rồi!
Mừng rơi nước mắt xiếc ôi là mừng
Cô Kim - thứ sáu - dè chừng
1920. Nhìn xem tướng mạo chưa từng nghe qua
Trần Cương nức nở gần xa
Giải bày gốc ngọn: con là cháu cô
Cô nghe thấu rõ ý đồ
Thương cho đứa cháu ra vô bấy chầy
“Con ơi! Cô nói lời này”
“Cha con phiêu bạt tháng ngày nơi đâu?!”
“Chiến tranh lưu lạc xa nhau”
“Ngỡ rằng đã thác đốn đau trong lòng”
“Đất trời thăm thẳm mênh mông”
1930. “Con về như thể nước sông về nguồn”
Trần Cương phấn khởi vạn muôn
Người thân dòng tộc quê hương ông bà

Đẹp sao quê nội quê cha
Con đường cát trắng thấy xa mút tằm
Trời Đông sóng biển âm âm
Trời Tây đồi núi ôm chầm lên nhau
Bắc Nam xanh thắm một màu
Nghĩa tình dòng tộc trước sau chân thành
Hàng tre nắng đổ buông màn

1940. Uốn mình theo gió chạy quanh khắp làng
Dòng sông thơ mộng mơ màng
Quê hương An Thạch nặng mang bao đời
Bà con ở khắp đất trời
Tây Nguyên, miền biển nơi nơi chưa tường
Cõi lòng luống những vấn vương
Sài Gòn, Gia Định chưa thường lại qua
Làm sao đi hết nhà nhà
Có chẳng họp mặt để mà biết nhau
Để cho con cháu về sau

1950. Nữ nam nội ngoại rể dâu không lấm
Nhiều năm lặng lẽ âm thầm
Anh em sao mãi âm âm bỗng bỗng
Sau ngày hòa nhịp núi sông
Đôi người vội vả gánh gồng hồi hương
Có người vượt sóng trùng dương
Có người đi khẩn ruộng nương xa gần

Sài Gòn ở lại đa phần
Cái no cái đói lo mần kiếm ăn
Đâu đâu cũng gặp khó khăn

1960. Ai ai cũng phải gia tăng sức mình

Dẫu rằng đất nước hòa bình
Nhiều năm nhưng vẫn rập rình đói no
Trần Cương tâm sự nhỏ to

Mọi người nhiều ít chung lo góp phần

Nữ nam già trẻ đồng cân

Rể dẫu nội ngoại phú bần gần xa

Họ Trần An Thạch nhà ta

Ngày xưa ky - giỗ - ông bà thiêng liêng

Nơi quê An Thạch thường niên

1970. Chiến tranh con cháu mọi miền tha phương

Từ lâu đã chẳng khói hương

An linh tiên tổ “Từ đường” chờ mong

Chúng ta đồng sức đồng lòng

Khơi nguồn truyền thống con dòng cháu gia

Bà con nếu hưởng ứng là

Mỗi năm họp mặt để mà biết nhau

Nhà ai tang chế, ốm đau

Chia buồn, thăm viếng, giải sầu, ủi an

Ông bà hồn phách lang thang

1980. Rước vô đây để đèn nhang cho gần

Ba Hoanh cùng với Trần Cần
Và là Trần Kiệt tinh thần đồng minh
Đến nhà Trần Vĩnh phân trình
Hỏi ông trưởng tộc sự tình định sao?
Ông rằng ngưng giỗ đã lâu
Hết thời “hương hỏa” lấy đâu ra nguồn?
Mọi người lộ nét buồn buồn
Ba Hoanh rằng sẽ ta luôn mời chào
Liệu xem sự thể thế nào

1990. Sớ sớ đâu có ồn ào u ơ
Bà con tộc họ đang chờ
Ông Trần hai Vĩnh mơ mơ màng màng
“Làm sao làm được thì làm”
“Không thì đây cũng một mâm mỗi mùa”
Trông chừng nửa thật nửa đùa
Nửa nghe ngọt ngọt; nửa chua nửa bùi
Nửa ưng tiến; nửa muốn lùi
Ba Hoanh quyết định tạm lui để chờ
Bởi còn suy nghĩ lơ mờ

2000. Khi nào thông suốt bấy giờ sẽ hay
“Tôi đây báo cáo việc này”
“Tánh danh dòng tộc lâu nay chưa làm”
Mọi người tiếp tục tọa đàm
Ba Hoanh tình nguyện ôm kham độc hành

Bắt đầu tìm hỏi ngọn ngành
Thư văn cất giữ ở anh Trần Cần
Nơi ông Trần Vĩnh đôi lần
Và rồi thành thị về dần nông thôn
Một ngày dưới ánh hoàng hôn

2010. Trên cây cầu nhỏ thả hồn miên man
Non đồi⁽¹⁾ che khuất ác vàng⁽²⁾
Sóng xô xào xạc chứa chan nỗi niềm
Ngang trời dang cánh bầy chim
Đang bay về tổ lặng yêm chiều hè
Quanh làng cũng vẫn lũy tre
Bốn mùa gió nắng đứng che cho làng
Quê hương An Thạch nặng mang...
Trong lòng dấu có dặm ngàn cách xa
Mộ phần tiên tổ ông bà

2020. Khói tàn hương tạnh biết là đớn đau!
Làm con làm cháu đáng đau
Và là con rể con dâu nhà nhà
Giàu sang phú quý hì hà
Tổ tiên không nhớ là ta chỉ đường...
Cho đời sau thấy soi gương
Mai này y thế khói hương chẳng cần

(1) Non đồi: hướng tây, chỉ núi non.

(2) Ác vàng: ánh mặt trời

Còn gì hiếu đễ nghĩa nhân
Còn chi để gọi là thân làm người(!?)
Năm năm rong ruổi khắp nơi

2030. Phả đồ một tấm ô rời họ tên
Sáu đời từ dưới lên trên
Nhiều nhà chưa có, còn quên đôi cành
Căn cơ biết rõ tánh danh
Cao tầng tổ khảo em anh chị và...
Ba Hoanh khó nhọc vô ra
Thành tâm nghĩ đến Trần gia tộc dòng
Ngày đầu như đã trông mong
Là ngày giỗ Tổ thỏa lòng cháu con
Quanh vùng Gia Định Sài Gòn

2040. Cùng nhau về dự nước non một nhà
Dâng hương lễ bái ông bà
Họ hàng nội ngoại thiết tha nghĩa tình
Mọi người thể hiện lòng mình
Phần ba thế kỷ lặng thình mịt mờ
Trần Cương thấy thoả ước mơ
Bao năm khắc khoải đợi chờ hôm nay.
Về quê Anh Thạch sau ngày...
Giỗ đầu Thuỷ Tổ sum vầy thành đô
Nghe người kể chuyện đói no

2050. Nghe bà con kể chuyện lo nhang đèn

Cháu con dẫu sống sang hèn,
Giàu nghèo cũng có tổ tiên ấy mà
Chuyện rằng chuyện kể nghe là
Ngày xưa giỗ Tổ nơi nhà thờ đây
Những năm khói lửa bủa vây
Chiến tranh bom đạn rơi đầy làng thôn
Nhà thờ đổ sập vùi chôn
Quê hương mờ mịt sóng cồn phong ba
Hoà bình mười mấy năm qua

2060. Bà con hầu hết nơi xa không về
Những người còn lại ở quê
Tháng ngày vất vả trăm bề khó khăn
Còn lo cái mặc, cái ăn
Cái nhà chưa có, có chẳng nhà thờ!
Ông bà từ trước đến giờ
Không nơi hương khói đợi chờ đã lâu
Đợi hoài nào có thấy đâu
Cháu con cảm nhận nỗi đau đốn lòng
Ở nơi đầu ngõ phía trong

2070. Vườn ông Nguyễn Bạt cây vông đồn rằng
Ai đi qua lại chằng chằng
Hoặc là bẻ phá cầm bằng ngu ngơ
Con ông Nguyễn Bạt u ơ
Bản thân ông Bạt đâu ngờ treo chân

Hoảng hồn suy nghĩ định thần
Nhà này có thể nếu cần dời qua
Nhiều người hiểu chuyện nói là
Ơi ông Nguyễn Bạ làm nhà chồng lên...
Nền nhà thờ tổ không nên

2080. Chỗ đây ngày trước đúng tên nhà thờ
Vô tình chưa biết xưa giờ
Binh đao khói lửa bụi mờ bấy lâu
Nay thì chẳng có dám đâu
Vài hôm sẽ dỡ khó dầu cũng cam
Nguyễn lòng cất một cái am
Quanh năm hương khói nhưng làm giờ chưa
Thiếu sau huyệt trước xin thưa
Ước mong năm tới đặng mùa trúng canh
Trần Cương cảm nhận, không đành

2090. Rơi đầy nước mắt chân thành cáo tri
Hương đăng khói toả thâm thì
Bên cây vông đứng ai bi lời nguyện
Nguyễn cùng trời đất tổ tiên
Cầu xin chứng giám nỗi riêng lòng mình
Nếu bà con có làm thỉnh
Bản thân một bóng một hình đảm đương

Báo cho xóm trưởng chủ vườn
Cả hai vui vẻ chúc mừng⁽¹⁾ thành công
Trần Cương xao xuyên bênh bồng

2100. Nhà thờ sẽ có lòng trông lớn dần

Trở về báo với Trần Cần

Nhờ ông chi trưởng góp phần thông tin⁽²⁾

Mọi người ai cũng đồng tình

Ít nhiều đàu góp phần mình chung lo

Thu tiền họ tộc giao cho

Ông chi tộc trưởng kéo co Trần Nhường

Trần Cương, Trần Kiệt hiệp thương

Về quê xây cất “Từ đường” đầy trăng

Giữa mùa đông giá mưa giăng

2110. Năm đầu giỗ tổ dẫu rằng đơn sơ

Bà con thoả thoả ước mơ

Từ đường có được là nhờ Ba Cương

Đôi người cảm thấy không ưng

Bảo rằng quá nhỏ lại chùng trong sâu

Không làm nơi đấy, làm đâu?

Hai ông Cương Kiệt lần đầu khởi công

(1) *Chúc mừng*: Chúc mừng.

(2) *Thông tin*: thông tin.

Lý tình chưa thấu chưa thông
Nhỏ thì có nhỏ hơn không có gì
Mấy năm sau nữa rồi thì

2120. Nhà thờ nới rộng lối đi trước thêm
Ba Hoanh góp sức đậu thêm
Mỗi năm mỗi giỗ ấm êm trong ngoài
Bà con sớm tối cấy cà y
Bội thu mùa vụ tháng ngày ấm no
Cái ăn cái mặc bớt lo
Cái lo là chuyện sao cho nhà thờ
Khang trang rộng thoáng bây giờ?
Gần xa con cháu đợi chờ về bên
Cháu con nào có đành quên

2130. Quyết tâm rồi cũng về nên chắc mà!
Trước là hương khói ông bà
Sau đoàn tụ dưới mái nhà chung vui
Sẻ chia ấm lạnh ngọt bùi
Nữ nam nội ngoại tới lui sum vầy
Nghĩa tình thắt chặt thêm đầy
Bà con cô bác về đây mọi miền
Lòng thành nghĩ đến tổ tiên
Và thăm hỏi chuyện hàn huyên ấm nồng...

Buồn cha sao tính lòng bông

2140. Đất đai chia đủ phân đồng gái trai

Nào chị cả nào anh hai
Anh tư bán hết bạc bài ăn chơi
Cử nhân thi đỗ mừng ơi!
Ruộng vườn cha bảo giờ thời của ông
Nhập vô chia lại chia đồng
Để cho anh Cử có trồng như xưa
Thưởng công đèn sách say sưa
Thưởng công kinh sử sớm trưa miệt mài
Làng này có được nào ai

2150. Ngoài ông Huyện Tuy người tài những mong
Cử nhân rạng rỡ ngoài trong
Xóm làng dòng họ tổ tông gia đình
Quyền cha nào dám phân trình
Sợ rằng bất hiếu làm thình hặn đời
Bạc bài, thuốc phiện, ăn chơi
Ăn chơi quá mạng tả tơi dần dà
Bao nhiêu ruộng rộc ruộng nà
Đất vườn nương rẫy là đà ra đi
Quá ghiền còn có biết chi

2160. Bảo rằng hút để quên đi nỗi buồn
Gia tài sản nghiệp đi tuông
Vô Nam tìm cách bán buôn để mà...
Nhưng rồi lời vốn ra ma
Hết tiền thân bỏ nơi xa xứ người

Hơn ba mươi tuổi - một đời!
La Gàng cửa biển đất trời Tuy Ton⁽¹⁾
Ra đi để lại bốn con
Con trai thứ bảy-Trần Bon-chết chằm⁽¹⁾
Thứ hai tuổi mới mười lăm

2170. Thứ tư, thứ sáu lên năm lên mười
Tuổi thơ ngơ ngác nhìn đời
Mẹ luôn bài bạc ứng chơi xằng xằng
Bỏ con lăn lóc lảng bãng
Không cho đi học cho bằng người ta
Nghĩ mà thấy quá xót xa
Buồn này hơn cả buồn cha đã buồn
Những gì còn lại bán luôn
Đến khi hết sạch mới buông con bài
Cổ lai ít có mấy ai

2180. Đổ đen như thế hỏa tai cửa nhà
Thôi thôi cố tránh nó ra
Nếu ta đã vướng nhớ mà soi gương
Bạc bài đâu phải con đường...
Làm giàu, dễ có, mà thường tán gia

(1) *Tuy Ton: Tuy Phong.*

(2) *Chết chằm: Chết chìm.*

Nó là con quý con ma...

Đưa đường dẫn lối mất nhà tan canh

Trần On, Trần Hợi trưởng thành

Vô Nam buôn bán em anh kiếm tiền

Mang về chuộc chín công liền

2190. Nước mương đồng rộc ưu tiên Bàu Vừng

Bốn công tuyệt tự ngóng chùng

Phía tây đầu ngõ mừng mừng lo lo

Đi Nam vài chuyến “trời cho”

Trước sau rồi cũng “qua đò” về bên

Ngày ngày tháng tháng không quên

Cố công gắng sức tiến lên với đời

Nhưng năm Trần Hợi ba mươi

Số phần trời định mệnh người ra đi!

Thôi còn chi nữa còn chi!

2200. Hai con nhỏ dại Ô Bi giọt sầu

Hỡi ơi chìm nổi bể dâu!

Tang thương tan tác cơ cầu có hay!?

Ngàn đời An Thạch còn đây

Mến yêu tha thiết quê gầy thân thương!

Xóm Hòa Thượng, cụ Gia Phương

Tinh thông Quốc ngữ đời thường xưa nay

Chữ như phượng múa rồng bay

Giống ông tri huyện hoa tay mà thì

Chuyên làm thư ký mỗi khi

2210. Họ hàng có việc chép ghi rất rành
Vẽ tô bảng hiệu đề danh
Cổng trường cổng ngõ cổng thành cơ quan
Cổng chùa với cổng đình làng
Gần xa nghe tiếng lẫn sang cậy nhờ
Khắc in bảng đá giấy tờ
Cho trường cho cả nhà thờ lân bang
Giả làm con dấu củ lang
In trên giấy trắng y chang dễ lắm
Chẳng may bị lộ tối sầm

2220. Nhà giam mấy tháng gạo ẩm cơm ôi
Về già sức yếu tối trời
Tám mươi hai⁽²⁾ tuổi về nơi phải về...
Trần Cần chi trưởng chi Xê⁽¹⁾
Với bao tha thiết tình quê năm chầy
Tha phương nỗi nhớ đông đây
Ngày đi nghĩ sẽ rồi đây trở về
Đạn bom cày nát làng quê
Lửa binh thiêu trụi ngày về còn chi

(1) 82 tuổi tây (tuổi đúng)-83 tuổi ta (tuổi thêm)

(2) Chi Xê: chi phái quý; thường gọi là chi phái dưới

Ngày về thăm thăm mấy khi

2230. Thành đô sống thác có đi không về

Những ngày về để thăm quê

Trùng tu mô mả bọn bề biết bao

Sài Gòn - Quảng Ngãi ra vào

Mấy lần nói rộng, nâng cao nhà thờ

Mông lung suy nghĩ lơ mờ

Công lao, công sức trước giờ còn không?

Có ai hiểu nỗi lòng ông?

Ông chi tộc trưởng bệnh bông thâu canh...

Mọi người nhớ đến Ba Hoanh

2240. Năm năm ghi chép tấm tranh phủ đồ

Họ tên sau trước từng ô

Sáu đời lớn nhỏ nhấp nhô chưa đầy

Những ngày đi đó đi đây

Có công gầy dựng đắp xây cộng đồng

Nhiều khi nghĩ ngợi mênh mông

Nghĩ rằng ai biết, ai không, ai mà

Ai người hiểu chuyện gần xa

Phải chăng công bộc nhạt nhòa thời gian?

Bà con nội ngoại họ hàng

2250. Có nào để một dải tràng công không

Nhọc nhàn xe cát biển Đông

Xe rồi sóng vỗ theo dòng nước trôi!...

Quê hương từ thuở nằm nôi

Tháng năm luôn nhớ những lời mẹ ru
À ơi, dẫu có biển dâu!

Làm người phải biết là đâu cội nguồn
Đất lành An Thạch - quê hương
Có đi muôn nẻo tha phương nhớ về
Nhớ về thăm lại làng quê

2260. Thăm con đường nhỏ, con đê ven làng
Thăm người thân, thăm họ hàng
Thăm vườn cũ, thăm mộ phần tổ tiên
Vì dòng tộc, giữ mối giềng
Trần gia nội ngoại lời nguyên ai ơi!
Cội nguồn là gốc - là nôi
Quê hương là chốn - là nơi - sinh thành
Quê hương là trái trên cành
Cội nguồn là suối chảy quanh cuộc đời
Vào năm một chín bảy mơi

2270. Giữa khi lửa khói tả tơi phương Nam
Ông bà Chín Lộc đi làm
Phát cào dọn cỏ bên Vàm Cỏ Đông
Chiều rồi hốt chất giữa đồng
Đốt cho cháy sạch kẻo không mưa dầm
Bỗng đâu tiếng nổ nghe “ầm”
Ông bà bị mảnh đạn châm đầy người

Bà con tức tốc đến nơi
Hiện trường thảm khốc, hỡi ơi bàng hoàng!
Bà đang bất tỉnh mê man

2280. Còn ông đứt mất nửa bàn đôi tay
Xót đau trước thảm cảnh này
Đạn bom cứ rắc gieo đầy tai ương?!
Mọi người băng bó vết thương
Trực thăng từ ở chiến trường chở đi
Thẳng lên Chợ Rẫy ngay thì
Bà vì quá nặng hì hì rên đau
Còn ông chờ lại hôm sau
Cứu thương xe đến lướt mau trên đường
Tai ương sự thể khôn thường

2290. Về thành đô sẽ liệu lường may ra
Vào chung bệnh viện với bà
Thuốc thầy có đủ đâu là hơn đây
Đưa vô phòng lạnh trong ngày
Cấp thời giải phẫu liền ngay giờ đầu
Đạn găm to nhỏ ngập sâu
Bà người quá yếu lại bầu đang mang
Nơi ông tám ngón tay vàng
Phải đành cắt thấu tới bàn tay thôi!
Chỉ còn hai ngón đứt đôi

2300. Cái cùng với út ngoi ngoi khều khào

Thời gian ba tháng qua mau
Vết thương chưa thể liền nhau để lành
Đến ngày bà chuyển dạ sanh
Sức còn quá yếu mong manh số phần
Ép tim ngừng thở mấy lần
Hồi sinh mấy lượt dương trần bà đi!
Trên môi mấp máy thắm thì
Như là trăn trối lời gì lại đây?
Ngậm ngùi se thắt thân gầy

2310. Nào nùng trời đất nổi nầy còn chi!
Ra đi với mẹ, hài nhi
Mắt chưa kịp mở khóc thì chưa oa
Nào đâu thấy mẹ biết cha
Dẫu rằng giây phút rồi xa ngàn đời!
Chiến tranh bom đạn hỡi trời
Bà đi để lại năm người con thơ
Lên tư lên chín bơ vơ
Mười hai mười bốn cậy nhờ nơi ai?
Rồi đây sớm tối năm dài

2320. Con đường họa phúc tương lai rập rình
Tự thân chiến đấu cho mình
Dắt dìu chăm sóc tận tình cho nhau
Ai gây nên cảnh thương đau?
Ai mang chinh chiến từ đâu đổ về?

Sách đèn em chị ủ ê
Vào đời bươn chải từ quê đến thành
Ngón tay như nhánh như cành
Bàn tay như thể thân hình cái cây
Mà ông Chín Lộc giờ đây

2330. Hai bàn tay giống như cây lìa cành!
Người anh cả - ông Trần Thành
Ở luôn bên cạnh em mình ủi an
Tấm lòng ông những nặng mang
Thương em hơn cả trăm ngàn nghĩa ân
Anh em như thể tay chân
Ra ngoài em ngã anh nâng ngay vào
Tựa nương những lúc ốm đau
Những khi hoạn nạn có nhau đỡ đần
Vết thương giải phẫu hai lần

2340. Hai lần mổ đến nửa phần bàn tay
Năm lần tái khám đủ đầy
Bao nhiêu chi phí thuốc thầy viện lo
Người đau thân thể gầy gò
Người nuôi trông thấy ốm o còi mòn
Quặn lòng nghĩ đến vợ con
Vợ đi về chốn nước non bên trời
Con thơ côai cút một đời
Mẹ không còn nữa, cha thời phế nhân!

Chiến tranh khói lửa điêu tàn
Sanh linh máu đổ xác ngàn lênh đênh
Thời gian tám tháng xuống lên
Những khi nằm viện Tây Ninh nằm nhà
Trần Thành - anh cả - xót xa
Thương em nay phải thân ra tật nguyên
Hai bàn tay chẳng còn nguyên...
Ngón tay để nắm, cầm chuyền với nhau
Đường đời nay chỉ về sau
Phải nhiều vất vả thương đau muôn ngàn
Nhìn đàn con trẻ nặng mang...

2360. Trong lòng với những ngón ngang trăm bề
Nỗi buồn thương nhớ hiền thê
Nỗi sầu ngày tháng tái tê thân tàn
Bà con nội ngoại xa gần
Cảm thông nỗi cảnh góp phần động viên
Ủi an giảm bớt ưu phiền
Rằng là số phận tiền duyên kiếp người
Nào ai tránh khỏi mệnh trời
Giờ ta gánh lấy nợ đời của ta
Ngày mai con cháu sẽ là

2370. Nhờ công ơn đức của cha nên người
Cha ông là phải tài bồi
Cho hậu sinh để đâm chồi nở hoa

Thiên liêng hình ảnh người cha
Quên đi thương tật vượt qua nỗi sầu...
Rồi hai mươi lăm năm sau
Bên dòng Vàm Cỏ buồn đau thêm lần
Ông đành vĩnh biệt người thân
Về miền đất lạnh nghĩa ^{l2}ấn nơi này
Vàm Cỏ Tây, Vàm Cỏ Tây!

2380. Nắng chiều hiu hắt gió mây trùng trùng!

Có người sống thật kiêu hùng

Thanh Quang họ ngoại tình chung đậm đà
Nơi quê An Thạch sinh ra
Vào năm một chín sáu ba ùng ùng
Xóm làng lửa khói cháy bùng
Thôn trang trở trụ lạnh lùng xác xơ
Khắc ghi ký ức tuổi thơ
Quê hương một thuở bụi mờ đao binh
Nước non phải cảnh chiến chinh

2390. Cửa nhà đổ nát sanh linh máu đào

Tang thương tang tóc biết bao!
Mạng người ví chẳng khác nào cỏ cây!
Vừa trông thấy bóng đầu đây
Nghe âm một tiếng tan thân có ngờ
Vừa nghe tiếng hát ầu ơ
Lời ru chưa dứt, con thơ chết rồi!

Đau lòng cắt ruột bầm môi
Chiến tranh thảm cảnh hỡi ôi nữ đàn
Quê hương khoảnh khắc yên lành?

2400. Thanh bình về đến cho xanh đất trời?

Tháng năm chưa phải lúc mới
Bỗng dưng binh lửa một thời ra đi
Mừng vui nhưng chẳng còn chi
Còn chăng, còn lại những gì ngổn ngang
Ví như bếp lửa cháy tàn
Đã yêm tiếng súng khó ngàn cũng cam
Ngày đêm ra sức cố làm
Đỏ hồng lửa bếp khói lam chiều về
Xanh màu cảnh sắc vùng quê

2410. Học hành lũ trẻ a ê trường làng

Không là như một Thanh Quang
Cũng đừng ngoảnh mặt ngoài hàng đứng trông
Cũng đừng than cảnh chiều đông
Nếu không sẽ mất gốc dòng Trần gia
Nào ai chẳng có ông bà
Sao ta lạnh nhạt sao ta dửng diềng
Ta coi quá lớn đồng tiền
Nghĩ ngờ ngay đến tổ tiên thánh thần
Nghĩ ngờ luôn cả bản thân

2420. U ơ ú ớ ù ần u âu

Nào ai có sống mãi đâu!

Cuối cùng cũng nắm cỏ khô xanh rì

Bộ Đường năm ấy ra đi

Xa quê An Thạch thăm thì gió đông Từ đây
ngăn cách núi sông

Có về chỉ mộng bèo trôi trong mơ

Một người con trẻ còn thơ

Ngậm ngùi rơi lệ một chờ sinh ra

Non đoài le lói ác tà

2430. Nỗi buồn người ở lại nhà vắng tanh

Rồi đây chiều xuống tàn canh

Một mình một bóng mong manh tháng ngày

Vô Nam ông đến Mỏ Cà

Nơi xưa định vị chốn này đã lâu

Bưng biền lau lách trâm bầu

Hàm Luông chiều xuống nổi sâu cố hương

Tìm người kết nối bước đường

Có nơi bám trụ thân nương cậy nhờ

Sợi hồng chấp nối đường tơ

2440. Cầu tre bắt nhịp đôi bờ nên duyên

Ước ao đã thoả lời nguyện

Êm đềm hạnh phúc niềm riêng yên bề

Cuối đông nắng đỏ chiều quê

Đang cùng đồng đội bên đê họp bàn

Đánh đồn trước ngõ đầu làng
Nửa đêm chờ lúc trăng tàn tiến công
Xuông ghe chuẩn bị qua sông
Nhất tề đồng loạt hừng đông chiếm đồn
Bỗng đâu đạn pháo nổ dồn

2450. Tản hàng chạy tránh vô hồn ngấm sâu

Người đông bồn chạt còn đâu...!
Đạn bay xé gió trên đầu lướt qua
Cửa bồn ông đứng trông ra
Đối phương đổ bộ liệu mà trở tay
Thình lình trái đạn rớt ngay
Nơi ông đang đứng bụi bay mịt mờ
Nào ai mong đợi trông chờ
Giờ rê chưa đến giờ gờ ông đi!
Mạng người có nghĩa là gì

2460. Trong thời chinh chiến chia ly là thường

Chiến tranh chiến tích chiến thương
Chiến khu chiến trận chiến trường chiến công
Những khi chiến thắng bỗng bỗng
Như dòng sông nước mênh mông tràn về
Mỗi lần chiến bại ủ ê
Mạng không vong mạng, tái tê thân tàn
Ông đi rất thật hiên ngang
Đón mời cái chết nhẹ nhàng như không

Hoàng hôn tràn ngập cánh đồng
2470. Thủy triều đang xuống nước sông cạn dần
Mười năm thoát chết ba lần
Lần này vĩnh biệt người thân muôn đời
Chết chưa kịp nói một lời
Trước khi đi mãi vào nơi cuối cùng!
Đêm đông sâm sẩm mịt mù
Cho người còn lại nào nùng càng thêm
Đâu còn ngày tháng êm đềm
Nắng chiều hiu hắt bên thềm hơi ối!

Em ông tên gọi Trần Thời

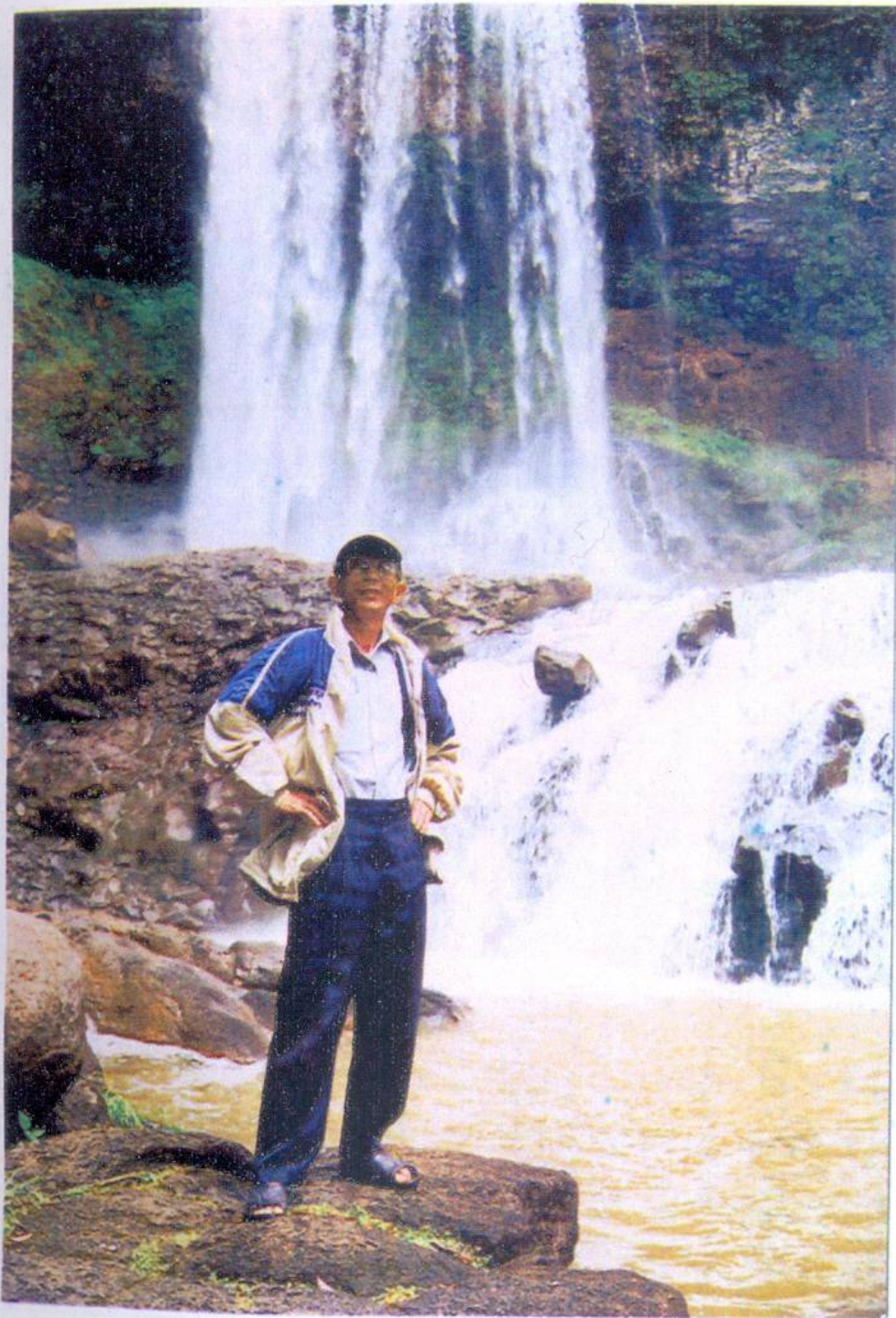
2480. Năm tư đình chiến theo lời... ra đi
Hai năm non nước liền thì...
Có ngờ đi mãi biết khi quay về
Và rồi vào chiến trường Bê
Mùa hè năm ấy sơn khê bỏ mình
Sau ngày đất nước hòa bình
Các con trông ngóng cha mình sao lâu?
Cha mình đã chết còn đâu!
Mộ bia liệt sĩ rừng sâu vời vời
Chiến chinh là thế ai ơi!

2490. Ai còn ai mất qua thời lửa binh
Nước non nay cảnh thái bình
Bao năm ly loạn ly tình ly tan

Ly hương ly biệt hèn sang
Nhớ về nguồn cội quê làng, tổ tông
Nhớ về đất tổ cha ông
Nhớ con đường nhỏ nhớ đồng lúa xanh
Nhớ dòng sông nước chảy quanh
Nhớ đêm gió mát trăng thanh ngập trời
Cháu con Trần Tộc nơi nơi

2500. Hương về đất Tổ về người sinh ra
Nhớ ngày chín tháng sáu ta
Sài Gòn, Gia Định hay là miền Tây
Miền Đông nắng gió về đây
Miền Trung, miền Bắc hẹn ngày giỗ Ông
Đúng danh con giống cháu dòng
Hương đăng lễ bái một lòng kính dâng
Trẻ già nội ngoại không phân
2508. Đồng là con cháu họ Trần chung nôi ./.

-----Hết-----



- Bảy năm túi xách trên vai
- Giò mang dép nhựa hôm mai bụi đường
- Bà con cô bác thân thương
- Xa gần nội ngoại vẫn vương nghĩa tình
- Họ tên thường gọi Trần Trinh...

Phân Phần Hai
NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỌC
THÊM



- Hai lăm câu chuyện đọc thêm
- Mua vui chốc lát đêm đêm giấc nồng
- Những khi ngồi tựa bên sông
- Lật trang câu chuyện vài dòng giải khuây.



- Sách là người bạn tri thức

1- Câu chuyện thứ nhất:

SƠ LƯỢC NGUỒN GỐC HỌ TRẦN

- Con cháu (2007) đang lo việc hương khói cho ông bà là hậu duệ đời thứ sáu của ông Thủy Tổ Trần Văn Cẩn.
- Ông Trần Văn Cẩn là ông Tổ đầu tiên của họ Trần phái An Thạch, và là hậu duệ có lẽ đời thứ mười của ông Trần Văn Hàn. Ông sinh cùng thời với Nguyễn Phúc Ánh (vua đầu nhà Nguyễn).
- Ông Trần Văn Hàn là tiền hiền của làng Bàn An; là Thủy Tổ của họ Trần phát xuất từ làng Bàn An, sản sinh con cháu đến nay đã là đời thứ mười tám. Ông sinh cùng thời với Nguyễn Hoàng (chúa đầu nhà Nguyễn), là hậu duệ đời thứ sáu và sinh sau tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn độ 144 năm.
- Tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn là hậu duệ đời thứ sáu của chiêu minh vương Trần Quang Khải.
- Chiêu minh vương, thượng tướng Trần Quang Khải là hậu duệ đời thứ sáu của ông Trần Kinh.
- Tổ tiên của họ Trần là Trần Kinh, sinh năm nào không rõ, nhưng chắc chắn ông sinh vào nửa cuối thế kỷ mười một, ở làng Tức Mặc, phủ Thiên

Trường (Xuân Trường), tỉnh Nam Định, làm nghề chài lưới trên sông.

Ông Trần Kinh sinh ông Trần Hấp, ông Trần Hấp sinh ông Trần Lý, ông Trần Lý sinh ông Trần Thừa, ông Trần Thừa sinh ông Trần Cảnh, ông Trần Cảnh sinh ông Trần Quang Khải, ông Trần Quang Khải sinh... cho đến ông Trần Nguyên Hãn, ông Trần Nguyên Hãn sinh... cho đến ông Trần Văn Hàn(?), Ông Trần Văn Hàn sinh... cho đến ông Trần Văn Cẩn, ông Trần Văn Cẩn sinh... cho đến ông Trần Vĩnh và các huynh đệ tử muội (trực hệ). Trần Vĩnh và các huynh đệ tử muội sinh thêm ba đời nữa.

Như vậy, tính từ đời ông Trần Kinh xuống đến đời con cháu nhỏ nhất ở An Thạch là 36 đời, khoảng 936 năm. Bình quân mỗi đời là 26 năm. Nhưng nếu tính từ đời ông Trần Văn Cẩn trở về sau thì bình quân mỗi đời là 27 năm. Từ đời ông Trần Văn Cẩn trở về trước thì bình quân mỗi đời là 25 năm.

Dù rằng tổ tiên họ Trần là Trần Kinh, nhưng Trần Lý vẫn được coi là ông tổ của nhà Trần. Trần Lý là cha của Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thị Dung; là ông nội của Trần Liễu, Trần Cảnh; là ông ngoại của Lý Thuận Thiên và Lý

Chiêu Thánh. Ông nổi nghiệp ông và cha theo nghề đánh cá, nhà giàu, có nhiều người quy phục. Cuối triều Lý loạn lạc, cướp phá nổi lên khắp nơi, ông cũng dẫn quân đi chiếm hữu thu lợi như các lực lượng khác. Nhưng rồi chẳng may bị chết trong lúc hỗn loạn ấy.

2- Câu chuyện thứ hai:

So sánh các đời của họ Trần, từ đời ông Trần Văn Hàn lập nghiệp đầu tiên ở Bàn An với các đời của họ Nguyễn, từ đời chúa Nguyễn Hoàng đời vô Nam định đô, xây dựng cơ đồ.

• Các chúa đời Nguyễn

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| 1) Nguyễn Hoàng | 1524 – 1613 |
| 2) Nguyễn Phúc Nguyên | 1562 – 1635 |
| 3) Nguyễn Phúc Lan | 1600 – 1648 |
| 4) Nguyễn Phúc Tần | 1619 – 1687 |
| 5) Nguyễn Phúc Trăn | 1648 – 1691 |
| 6) Nguyễn Phúc Chu | 1674 – 1725(146 người con) |
| 7) Nguyễn Phúc Trú | 1695 – 1738 |
| 8) Nguyễn Phúc Khoát | – 1765 |
| 9) Nguyễn Phúc Thuần | 1753 – 1777 |
| 10) Nguyễn Phúc Ánh | 1762 – 1820 |

Nguyễn Phúc Ánh là vua Gia Long, lên ngôi năm 1802 và truyền cho đến Bảo Đại thêm 12 đời nữa. Năm 1945, Bảo Đại thoái vị(từ bỏ ngôi vua)

• **Tổ tiên họ Trần (từ làng Bàn An)**

- 1) Trần Văn Hàn
- 2) Trần Văn Triều và Trần Công Vinh
- 3) Trần Văn Hội và Trần Văn...
- 4) Trần Văn Lật và Trần Văn Biện
- 5) Trần Văn Lãm và Trần Văn Sỹ
- 6) Trần Văn Hưng và Trần Văn Liên
- 7) Trần Công Chấn và Trần Tiến Toán
- 8) Trần Khắc Công và Trần Tiến Kế
- 9) Trần Đức Đào và Trần Khắc Minh
- 10) Trần Văn Cẩn với người anh là (không rõ tên) và người em là ông Trần Thế Xương, và lưu truyền cho đến nay thêm tám đời nữa.

Từ sự so sánh trên đây, chúng ta thấy có sự trùng hợp ngẫu nhiên của một thời kỳ, qua chín đời giữa họ Nguyễn, từ ông Nguyễn Hoàng vô Nam xây dựng cơ đồ và từ ông Trần Văn Hàn vào làng Bàn An lập nghiệp. Qua chín đời, đến đời ông Trần Văn Cẩn với người anh và người em của ông có lẽ là đời thứ mười. Từ đời thứ mười này, ông Trần Văn Cẩn đến làng An Thạch lập nghiệp, là Thủy Tổ của họ Trần phái An Thạch và lưu truyền cho đến nay đã là đời thứ chín. Người anh của ông Cẩn có hai người cháu

cố là ông Trần Chiêu và Trần Vĩ đến Đồng Cát và Đồng Ngõ lập nghiệp, có cháu nội là Trần Quang Minh và cháu cố là Trần Đức Trinh v.v... Người em của ông Cẩn có người cháu nội gái là Trần Thị Tùy gã về Đồng Cát, là phu nhân của bá hộ Lê Kỳ, nhưng bà mất sớm chưa con... Con cháu của hai ông hầu hết đi lập nghiệp các nơi, còn một ít ở lại quê Bàn An sinh sống, coi sóc mộ phần tổ tiên và cũng đã đến đời thứ chín...

Con cháu của các tổ tiên từ đời ông Trần Văn Triều và Trần Công Vinh xuống đến đời ông Trần Đức Đào và Trần Khắc Minh, tất cả là 8 đời phát xuất từ làng Bàn An ra đi định cư khắp nơi, mới biết được một ít, nhưng cũng chưa xác định rõ là đời thứ mấy?

3- Câu chuyện thứ ba:

CHUYỆN VỀ BÀ TRẦN THỊ DUNG

Bà Trần Thị Dung sinh vào khoảng từ năm 1190 đến 1195 ở Thái Bình. Bà là con gái ông Trần Lý; là em ông Trần Thừa; là vợ Lý Huệ Tông; là mẹ công chúa Lý Thuận Thiên, Lý Chiêu Thánh; là cô Trần Liễu, Trần Cảnh; là hoàng hậu triều Lý; là công chúa triều Trần; là

chị cùng ông nội với Trần Thủ Độ và là vợ của ông ta.

Ngoài công lao hợp sức với chồng trong sự nghiệp tạo dựng cơ đồ cho nhà Trần mà cụ thể là thời Thái Tông Trần Cảnh. Đặc biệt bà có công rất lớn trong lần chống quân Nguyên (Mông Cổ) xâm lăng nước ta lần thứ nhất năm 1258; và có công hàn gắn những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ hàng ngũ quý tộc của dòng họ. Bà mất năm 1259, thọ gần 70 tuổi, được ban danh hiệu "Linh Từ Quốc Mẫu".

4- Câu chuyện thứ tư:

CHUYỆN VỀ TRẦN THỦ ĐỘ

Trần Thủ Độ sinh năm 1194, mất năm 1264. Ông ta tuy là một người không có học vấn, nhưng là một tay mưu lược, chủ ý cốt gây dựng cơ nghiệp nhà Trần cho bền chặt, cho nên dẫu việc làm có tàn ác đến đâu cũng quyết làm.

Năm 1226, sau khi Trần Cảnh nhận ngôi vị, ông ta tự phong cho mình hàm thái sư, rồi sau đó bức tử Lý Huệ Tông (thất cổ chết) tại chùa Chân Giáo, truất ngôi hoàng hậu của bà Trần Thị Dung, giáng làm công chúa. Năm 1232, nhân ngày con cháu tôn thất nhà Lý làm lễ tế tổ tiên,

Trần Thủ Độ sai người ngăm đào hố sâu, dựng nhà lên đó, rồi giật dây cho đổ sập chôn sống hết. Năm 1237, ông ta dùng áp lực ép Trần Liễu nhường vợ là công chúa Thuận Thiên đang mang thai 3 tháng qua làm vợ Trần Cảnh, vì Chiêu Thánh đã gần 20 tuổi mà chưa mang bầu. Trần Liễu phải nghe theo, Trần Cảnh phải vâng lời lập vợ của anh mình lên làm hoàng hậu của mình và giáng hoàng hậu Chiêu Thánh xuống làm công chúa.

Chẳng những ông ấy tàn ác, không từ bỏ một thủ đoạn nào đối với con cháu nhà Lý, mà còn đến luân thường trong nhà cũng làm loạn lên tất cả. Ông ấy bắt những người trong dòng tộc lấy nhau và lấy nhau không kể chi thứ bậc, vai vế. Chẳng hạn Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lấy cô ruột của mình là Thiên Thành công chúa (con Trần Thừa; em Trần Liễu, Trần Cảnh). Trần Thánh Tông là con Trần Cảnh lấy Thiên Cảm là con Trần Liễu, là chị cùng ông nội. Bản thân Trần Thủ Độ lấy Trần Thị Dung là con ông bác ruột v.v...

Trần Thủ Độ nghĩ rằng, nhà Trần lợi dụng hôn nhân mà sang đoạt được ngôi báu, nên ông ấy rất sợ người khác họ cũng sẽ lợi dụng hôn nhân để

giành ngôi báu của họ Trần. Bởi vậy ông ta mới đưa vào luật là người họ Trần chỉ kết hôn với người họ Trần mà thôi. Hết đời Trần, luật này mới được bãi bỏ.

Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng, Trần Thủ Độ là người gây dựng nên triều Trần, luôn củng cố sự bền vững cho triều Trần, là người chí công vô tư, rạch ròi chuyện nhà, việc nước và tuân thủ cũng như hành xử luật pháp một cách nghiêm minh. Vài câu chuyện sau đây dẫn chứng sự việc.

① Có lần Trần Thủ Độ đi duyệt xét hộ khẩu ở một vùng nọ, bà Trần Thị Dung (vợ ông ấy) có xin cho một người bà con bên ngoại được làm một chức ở địa phương lo việc kiện tụng và giải người lên quan trên. Lúc xét đến xã đó, Trần Hữu Độ hỏi tên người bà con của vợ. Người này mừng rỡ chạy đến. Ông ấy bảo:

- Người nhờ có công chúa (Bà Dung) xin mới có được chức lo kiện tụng này, nhưng chức kiện tụng của nhà người không thể ví với chức kiện tụng của người khác được, vậy ta chặt một ngón chân của người để phân biệt với họ.

Người bà con bên ngoại của vợ van xin mãi mới được ông ấy tha, không chặt ngón chân. Từ

đấy, ai cũng nhợn không dám đến thăm Trần Thủ Độ để xin chức.

② Vua Trần Cảnh lấy được thiên hạ là tất cả nhờ ở mưu lược và sức lực của Trần Thủ Độ. Vì vậy ông ấy được mọi người tôn trọng và tin cậy nên quyền bính trên cả vua. Bấy giờ có kẻ muốn dèm pha, hạch sách ông ấy, đã vào cung gặp vua Trần Cảnh vừa khóc vừa tâu:

- Bệ hạ còn nhỏ mà Trần Thủ Độ thì quyền to điều khiển cả triều đình, rồi đây đất nước sẽ ra sao?

Vua không biết phải nói thế nào nên ra lệnh cho người này đi với mình đến dinh Trần Thủ Độ, bảo nói lại những gì đã nói cho ông ta nghe. Nghe xong Trần Thủ Độ xác nhận:

- Quả đúng như lời nó nói.

Nói xong ông ta lấy lụa và tiền thưởng cho người đó.

① Bà Dung có lần ngồi kiệu đi qua khu vực cấm đi, bị lính cản ngăn lại. Bà tức, về dinh ấm ức nói với Trần Thủ Độ rằng:

- Tôi là vợ thái sư mà bọn lính canh dám coi thường, chặn đường không cho đi, thế là quá lắm, không còn thể thống gì nữa...

Trần Thủ Độ nghe qua, chưa hiểu thế nào nên tức giận, sai người đi bắt người lính canh này. Người lính canh này nghĩ là mình chắc chết rồi, hôm nay là ngày tận số, không kịp nói lời trần trối với vợ con!

Trần Thủ Độ vặn hỏi người lính canh trước mặt vợ, anh ta trước sau tình thực trả lời không thêm bớt. Nghe xong Thủ Độ nói:

- Chúc phận của người là lính canh mà biết giữ phép nước như vậy, ta làm sao mà trách người cho được. Nói xong ông ta lấy vàng và lụa thưởng cho người lính rồi cho về. Hú hồn người lính canh không chết mà còn được thưởng. Sau đó không lâu, người lính biết giữ phép nước được thăng bậc và đội tuần canh được khen tặng của Trần Thủ Độ.

Trần Thủ Độ là người có công xây dựng nên nghiệp đế cho triều Trần, có công tạo bước tiến lên cho đất nước, gìn giữ và củng cố sự nghiệp nhà Trần, nên là chỗ dựa tin cậy và vững chắc của triều đình của dân quân cả nước. Bởi vậy vua Trần Cảnh đã lập đền thờ, thờ Trần Thủ Độ ngay khi ông ta còn sống để tôn vinh lòng trung nghĩa và công lao to lớn đối với xã tắc giang sơn nhà Trần.

5- Câu chuyện thứ năm:

**CHUYỆN VỀ TRẦN CẢNH VÀ NỮ HOÀNG
LÝ CHIÊU THÁNH**

✱ Thái Tông Trần Cảnh sinh ngày 17-7-1218. Năm lên bảy tuổi, ông được Trần Thủ Độ đưa vào cung làm chức chính thủ, có nhiệm vụ đứng ngoài cửa cung để châu hầu vua Lý Chiêu Hoàng. Một hôm Trần Cảnh bưng nước cho vua rửa mặt, nên có dịp được vào nội cung. Vua Chiêu Hoàng lúc đó cũng bảy tuổi, thấy Trần Cảnh có phong độ lấy làm ưa thích, bảo cùng đi chơi chung. Những lúc đi chơi vào ban tối, vua thường nô đùa với Trần Cảnh, lúc nắm tóc, khi kéo vạt áo, có khi đứng dẫm lên cái bóng của người theo hầu mình v.v...

Một hôm Trần Cảnh bưng thau nước đứng hầu vua Chiêu Hoàng rửa mặt. Vua vung nước, ướt cả mặt mũi Trần Cảnh rồi cười và chọc ghẹo(?). Khi Trần Cảnh bưng khăn lau đến, vua lấy khăn lia (ném) cho Trần Cảnh. Trần Cảnh không dám nói lời nào, chỉ về ngậm báo với Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ vừa mừng nhưng cũng vừa lo sợ, lẩm bẩm rằng:

- Nếu như vậy thì dòng họ ta rồi sẽ thành hoàng tộc hay sẽ bị giết chết hết đây?

Một hôm khác, Trần Cảnh cũng bưng mâm khăn lau đến, Lý Chiêu Hoàng lấy một cái cùi lia (ném) cho Trần Cảnh. Trần Cảnh lạy và thưa rằng:

- Bệ hạ có tha tội cho thần không? Có tha tội cho thần, thì thần mới dám vâng mệnh⁽¹⁾.

Vua Chiêu Hoàng vừa cười vừa nói:

- Tha tội cho người ư? Thế ra nay nhà người cũng biết nói khôn rồi đấy(!?)

Trần Cảnh về thưa lại hết những gì đã xảy ra cho Trần Thủ Độ nghe. Chớp thời cơ, Trần Thủ Độ ra lệnh phòng thủ hoàng cung nghiêm ngặt, vì sợ việc này mà lộ ra ngoài thì cả họ sẽ bị chết sạch. Sau đó Trần Thủ Độ thu xếp cho Trần Cảnh kết duyên với nữ hoàng Chiêu Thánh và tuyên bố là nữ hoàng đã có chồng (lúc này cả hai mới 7 tuổi). Đầu năm 1226, nữ hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Trần Cảnh nhận ngôi vị một cách nhẹ nhàng và êm thấm, lên ngôi vua khai sinh ra triều Trần với danh chánh ngôn thuận và lập Chiêu Thánh làm hoàng hậu.

(1) có lẽ do Trần Thủ Độ dặn dò...

Quyết tâm gìn giữ giang sơn cũng như củng cố ngôi vị nhà Trần một cách vững chắc, nên năm Chiêu Thánh hoàng hậu đã 19 tuổi vẫn chưa mang thai, sợ lung lay triều đại, Trần Cảnh vừa hiểu ra sự việc vừa bị bắt ép nên phải nghe theo Trần Thủ Độ, lấy công chúa Thuận Thiên đang là vợ của anh mình, đã mang thai ba tháng làm vợ và lập làm hoàng hậu, giáng hoàng hậu Chiêu Thánh xuống làm công chúa. Sau Thuận Thiên sinh người con trai, đặt tên là Trần Quốc Khang. Nhưng Khang không được lập làm thái tử.

Trần Cảnh làm vua 33 năm, làm thái thượng hoàng 19 năm, mất năm 1277, thiếu một năm nữa là thọ 60 tuổi.

* Nữ hoàng Lý Chiêu Thánh:

Bà còn có tên là Lý Phật Kim, sinh năm 1218, được cha truyền ngôi năm 6 tuổi, năm 7 tuổi có chồng, lấy Trần Cảnh, năm 8 tuổi nhường ngôi cho chồng và làm hoàng hậu. Năm 19 tuổi bà bị chồng, theo lệnh Trần Thủ Độ, giáng xuống làm công chúa.

Chiêu Thánh công chúa từ một công chúa lên làm nữ hoàng, nhưng vì sự bình yên cũng như tiền đồ của đất nước, bà hy sinh sự nghiệp của mình trao ngôi vị cho chồng, chấp nhận làm

hoàng hậu. Và rồi lần nữa cũng vì nước non, bà vui lòng xuống làm công chúa! Có lẽ bà bị giam vào lãnh cung? Bà là nạn nhân mà, nạn nhân của sự độc đoán, của sự ức hiếp đầy quyền uy của thái sư Trần Thủ Độ mà ngay cả vua cũng không làm sao khác hơn được. Bà được 2 cung nữ là Hạ Lan và Xuân Mai bí mật đưa đi, thoát khỏi nơi giam cầm, rời kinh thành xuôi dòng Thao Giang đến bến Âu Lôu nơi bà Nguyễn Thu Cúc đang ở. Bà nhận bà Thu Cúc làm mẹ nuôi, nhận Xuân Mai và Hạ Lan làm em nuôi và đổi lại họ Nguyễn theo họ của mẹ nuôi là Nguyễn Phật Kim. Sau đó bà cùng với 2 người em nuôi lên miền ngược, vùng sơn cước làm nghề chữa bệnh cho mọi người.

Có lẽ vì thương xót cho tình cảnh của bà từ một nữ hoàng xuống làm hoàng hậu, rồi giờ lại xuống làm công chúa, mà người thay đổi số phận, cuộc đời bà lại là mình, nên Trần Thủ Độ không truy tìm?

Hơn 20 năm sau, định mệnh đã đưa bà gặp lại Lê Phụ Trần nơi bến Âu Lôu, giữa dòng Thao Giang trong một hoàn cảnh thật bi ai, đúng như lời sấm của thiền sư Minh Luân viết trên tấm lụa mà bà có được hơn 20 năm trước. Ngày ấy vào

những ngày cuối năm 1257, theo lời sấm của thiên sư ghi trên tấm lụa, bà chèo ghe ra giữa dòng sông để gặp người mà bà cần gặp. Nhưng đã 3 ngày mà vẫn không thấy có thuyền của người nào đi ngang qua như lời sấm. Không còn hy vọng gì nữa, xem như số mình đến hôm nay là hết, bà chèo ghe vô bến lạy mẹ nuôi, chào 2 người em nuôi, rồi chèo ghe ra giữa dòng trằm mình, thì ngay khi ấy có thuyền của Lê Phụ Trần cũng vừa đến, vớt bà lên. Lúc này trời đã tối. Bà tỉnh lại và 2 người gặp lại nhau. Lê Phụ Trần ngỡ như trong mơ. Bà thì cứ nhắm đọc hoài lời sấm của thiên sư, thấy quá ứng nghiệm cho cuộc đời mình.

Lê Phụ Trần là một tướng lãnh của nhà Trần. Ngồi bên Chiêu Thánh lúc này, ông nhớ lại và vẫn còn cảm giác tội lỗi là đã thầm yêu hoàng hậu Lý Chiêu Thánh, lúc bà đang là vợ của Thái Tông Trần Cảnh. Thế rồi ông được thuyên chuyển đi xa. Rời kinh thành, ông mang theo hình ảnh của Chiêu Thánh hoàng hậu mà thầm nghĩ không biết có ngày nào gặp lại! Đêm nay, giữa khi ông đang trên thuyền trôi theo con nước vào ngày gần cuối năm 1257 Ấl, sau khi đánh đuổi quân Nguyên Mông lần đầu xâm chiếm

nước Nam, thì gặp lại bà trong hoàn cảnh như nói ở trên. Lúc này bà đã 40 tuổi sau hơn 20 năm rời cung.

Đầu năm 1258 Ấl, bà được chồng cũ là vua Trần Cảnh và mẹ là bà Trần Thị Dung cũng như Trần Thủ Độ tác hợp mối lương duyên với Lê Phụ Trần, lớn hơn 20 tuổi (bà 40; ông Trần 60). Trần Thủ Độ đứng làm chủ hôn cho 2 người. Bà có 2 người con trai, một tên là Lê Tông và một không rõ tên. Hai người con trai của bà khi lớn lên cũng làm tướng lãnh như cha. Bà mất năm nào không rõ.

Ôi! Vận mạng đất nước, số phận con người!...

6- Câu chuyện thứ sáu:

CHUYỆN VỀ ÔNG TRẦN NGUYÊN ĐÁN

Ông Trần Nguyên Đán sinh năm 1325, làm quan đến chức đại tư đồ cuối triều Trần, có con gái là Trần Thị Thái, có rể là Nguyễn Phi Khanh, có cháu nội là Trần Nguyên Hãn, có cháu ngoại là Nguyễn Trãi... Vào năm 1393, ông biết thế nào Hồ Quý Ly cũng đoạt ngôi nhà Trần nên kết thông gia. Năm 1400, Hồ Quý Ly đoạt ngôi nhà Trần thật. Con cháu dòng dõi nhà Trần chống lại sự thoán đoạt của Hồ Quý Ly nên một số bị giết,

một số chạy đi nơi khác lánh nạn, một số đổi họ, chỉ có con cháu nhà ông Đán bình yên vô sự.

Nhà Trần đến đời Trần Nghệ Tông thì quốc chính rã rời, các quan trong triều chỉ một mặt xu nịnh, người nào cũng chỉ lo lấy bản thân mà thôi. Ông Đán thấy vậy xin về trí sĩ. Một hôm Nghệ Tông thượng hoàng đến thăm bàn việc hậu sự, ông tâu rằng: "xin bệ hạ thờ nhà Minh như cha, yêu nước Chiêm Thành như con, thì quốc gia sẽ không có việc gì, mà lão thần chết cũng không hảm" ⁽¹⁾

7- Câu chuyện thứ bảy:

CHUYỆN VỀ ÔNG NGUYỄN PHI KHANH

Ông Nguyễn Phi Khanh trước năm 1400 có tên là Nguyễn Ứng Long sinh năm 1336, đỗ thái học sinh (tiến sĩ), hạng hai (bảng nhãn) năm 1373; thuở hàn vi làm gia sư cho con gái quan đại tư đồ Trần Nguyên Đán có tên là Trần Thị Thái. Hai người yêu nhau và kết quả là bà Thái có bầu. Nguyễn Ứng Long sợ quá bỏ trốn. Ông Trần Nguyên Đán hiểu sự việc, cho gọi Nguyễn Ứng

(1) *Việt Nam sử lược.*

Long về và gả con gái cho, đồng thời khuyên bảo nên cố gắng học hành để tạo công danh.

Ông Đán ví sự việc của con gái mình tương tự sự việc của nàng Trác Văn Quân ngày xưa. Ngày xưa nàng Trác Văn Quân yêu cầu Tư Mã Tương Như đàn cho nghe bản nhạc "Khúc phượng cầu hoàng". Sau khi nghe xong bản nhạc, nàng Trác ôm góí theo Tư Mã luôn.

Chuyện tình thâm kín vụng trộm giữa Nguyễn Ứng Long và Trần Thị Thái cho kết quả là Nguyễn Trãi ra đời.

8- Câu chuyện thứ tám:

CHUYỆN VỀ HAI ÔNG TRẦN NGUYÊN HÃN VÀ NGUYỄN TRÃI

Nước Việt Nam sau 10 năm bị quân Minh chiếm đóng (1407-1417) thì có ông Lê Lợi, một nông dân hào phú ở đất Lam Sơn, phát cờ khởi nghĩa đứng lên chống ách thống trị hà khắc của quân Tàu.

Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Trãi nghe danh Lê Lợi, đã cùng nhau tìm đến hợp sức chống ngoại xâm.

Vào một chiều kia, hai ông Hãn và Trãi đến doanh trại hỏi thăm và đi ra nhà sau, thấy Lê Lợi

đang một tay vừa cầm dao xắt thịt, một tay vừa bóc thịt bỏ vào miệng. Lạ kỳ, lưỡng lự, bâng khuâng, thất vọng cho một lãnh tụ tương lai, nên hai ông xem thường Lê Lợi, không ở lại cộng sức, bỏ đi mà quên rằng Lê Lợi xuất thân từ con nhà nông dân, chứ không phải như hai ông xuất thân nơi gia đình vọng tộc. Ngày hôm ấy là ngày giỗ của cha Lê Lợi ấy mà.

Hai ông quay lưng với Lê Lợi, đi tìm đồng chí, đồng minh khác trong hoàn cảnh bản thân của cả hai đang bị quân Minh truy bắt.

Núi đồi cheo leo đầy hiểm trở, con đường vạn dặm lắm hiểm nguy! Qua bao ngày vượt đèo, lội suối, sương mù vây phủ sơn khê không thể tiến bước, nên anh em quyết định đến với Lê Lợi một lần nữa.

Cũng vào một chiều nhạt nắng, có mây trôi lãnh đãng giữa bầu trời, có gió nhẹ thổi qua lòng đất mẹ thân yêu, đã đưa hai ông về với người anh hùng áo vải đất Lam Sơn, có chân mạng đế vương lần này khác với lần trước. Đứng ngoài ngõ nhìn vô, hai ông thấy Lê Lợi nơi trước sân một tay múa kiếm, một tay cầm sách đọc kinh thư trông rất oai dũng, đáng mặt anh hùng. Thế là hai ông gia nhập vào lực lượng của Lê

Lợi. Và sau 10 năm gian khổ đã đánh đuổi được quân Minh.

9- Câu chuyện thứ chín

CHUYỆN VỀ ÔNG TRẦN NGUYÊN HÃN

Ông Trần Nguyên Hãn sinh vào khoảng năm 1380, là cháu nội quan đại tư đồ Trần Nguyên Đán, làm đến chức tả tướng quốc triều Lê, thời Lê Thái Tổ. Nhưng vì bất phục Lê Lợi, nên không bao lâu xin về nghỉ. Lê Lợi đồng ý cho về nghỉ, bảo mỗi năm về châu hai lần. Ông về xây nhà to, đóng ghe lớn làm gì không biết, gây nghi ngờ cho triều đình, khiến bọn gian thần được dịp dèm pha, xuyên tạc. Lê Lợi vốn có ý sẵn, nay có dịp thanh toán ông, cho người đến bắt về cung hỏi tội. Trên đường về kinh ông bị nhận chìm thuyền chết giữa dòng sông. Có lẽ là năm 1431?

Ông xuất thân từ gia đình vọng tộc nên coi thường Lê Lợi là con nhà dân dã. Ông cùng Nguyễn Trãi theo Lê Lợi là để hợp sức chống ngoại xâm, chứ không phải thần phục Lê Lợi. Lê Lợi biết vậy nhưng vì cần người tài, người cộng lực và vì dù sao Trần Nguyên Hãn cũng là con nhà gia thế, vọng tộc nhiều người quý phục. Suốt 10 năm gian khổ dưới ngọn cờ của Lê Lợi chống

quân Minh, ông luôn tuân thủ mọi mệnh lệnh, đã lập nhiều công to, nhưng trong lòng ông luôn luôn xem Lê Lợi là một anh nông dân chẳng có gì để tôn thờ.

Ông vừa bắt phục Lê Lợi xuất thân thấp hèn, vừa nghi ngại Lê Lợi đố kỵ người có công trong thời gian khó. Ông xem tướng thấy Lê Lợi giống Việt Câu Tiễn ngày xưa bên Tàu, nhất là nét mặt, nên xin nghỉ việc nhưng sau cùng cũng bị bỏ mạng bởi người mà mình không khuất phục.

Có một điều nữa chưa thể khẳng định là chúng ta có chắc là con cháu đích dòng của ông Trần Nguyên Hãn hay không? Có lẽ phải chờ một thời gian nữa...

10- câu chuyện thứ mười:

CHUYỆN VỀ TẮM BIA MỘ CỦA ÔNG TRẦN ĐỨC ĐÔN

Chiến tranh bom đạn không ưu tiên để yên một nơi nào, ngay cả nơi an nghỉ của những người đã từ biệt cõi dương gian về với cát bụi. Cấm Trước ở làng An Thạch là nơi mà hầu hết tổ tiên cũng như con cháu nội ngoại dâu rể, trẻ già họ Trần yên giấc ngàn thu!

Ông Trần Đức Đôn mất ngày 20.2 Âm năm 1942 cũng được an táng nơi đây. Trước năm 1975, mộ ông bị ban bằng, và tấm bia mà con gái ông là bà Trần Thị Trĩ dựng năm 1964 cũng bị vùi trong đất. Sau năm 1975 vào những ngày cuối năm âm lịch, ông Trần Quang Thanh đi tảo mộ cho ông bà, yên chí tảo một ngôi mộ cho ông bà khác mà vẫn cứ ngỡ là mộ ông Đôn (ông nội bá). Thời gian cứ trôi qua và trôi qua, và trôi cho đến năm 2003. Năm 2003, ông Trần Minh Tri là con trai ông Đôn ở Sài Gòn về tìm mộ cha mình. Sau khi ông Tri được ông Thanh chỉ cho mộ phần của cha mình, thì ông gửi tiền cho ông Thanh xây cho cha mình ngôi mộ cũng như những ngôi mộ khác. Cảnh quan cũng như sự việc mà hai người có mặt nơi nghĩa trang lúc ấy không có gì khác lạ.

Hết những ngày mưa lạnh rồi đến những ngày nắng ấm. Như mọi năm, cuối năm nay (2003), con trai ông Thanh là Trần Quang Trung đi tảo mộ ông bà, thì phát hiện có một tấm bia nằm sắp cạnh đó. Quang Trung đến xem có phần ngạc nhiên nhưng chưa có ấn tượng gì gây nên sự tò mò, nghĩ ngợi là bồng đâu có tấm bia nằm nơi đây, lạ kỳ mà bao lâu không có, không thấy. Dầu

vậy hình tượng tấm bia nằm sấp ấy cũng đã in sâu vào ký ức của người cháu trai trẻ tăng tôn.

Tháng ngày rồi lại tháng ngày! Vào cuối tháng hai nhuận âm lịch năm 2004, hai cha con ông Thanh đổ cát gạch chuẩn bị xây mộ cho ông Đôn. Lần này Trần Quang Trung đến lật tấm bia lên, thấy nơi tấm bia có ghi "phần mộ Trần Đức Đôn", liền báo cho cha mình biết. Ông Thanh vừa thắc mắc, vừa bỡ ngỡ, vừa bâng khuâng cộng một chút hoài nghi nên bảo con trai đến nhà ông Trần Tố Hữu hỏi lại cho chính xác. Ông Trần Tố Hữu và ông Trần Quang Trinh đến thấy cũng không kém phần ngạc nhiên, và xác nhận tên trên tấm bia là của ông bà mình không sai.

Người viết bài này có đi hỏi nguyên nhân sự hiện hữu của tấm bia thì được biết là gần cuối năm 2003, có vài người làm nghề mua bán phế liệu, mang máy đi rà sắt cũ, đã đến rà nơi mộ ông Đôn và đào bới tấm bia lên. Họ biết trong tấm bia có sắt nhưng không đập bia để lấy.

Không rõ đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên theo thời gian, hay là sự hiển linh của người nằm dưới lòng đất, mà bấy lâu mọi người đã vô tình giẫm lên ngôi mộ, cũng như cỏ dại phủ dày cho đàn bò

no bụng? Sau cùng ông Thanh đã căn cứ vào tấm bia để xây mộ cho ông Đôn.

11- Câu chuyện thứ mười một:

CHUYỆN VỀ CÁI MŨ BẰNG GỐC TRE

Thời chín năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954) nơi làng An Thạch, cứ vài ba đêm có một đêm hoặc liên tục nhiều đêm, tiếng mõ nổi lên khắp làng nghe như vừa lo lắng, như vừa phấn khích, như vừa vui nhộn phá tan sự yên lặng giữa đêm trường nơi làng quê.

Thời đó, để tránh tàu chiến của Pháp có thể đổ bộ vô làng từ biển khơi, nên nam công dân trong độ tuổi quy định cứ cách hai đêm lại phải một đêm vác chiếu ra giông biển nằm ngủ đón gió đông. Dọc dài theo giông, từng cụm năm người thay phiên nhau ngủ và canh chừng đại dương. Bất cứ giờ giấc nào, nếu ai đang thức canh mà thấy vật gì lạ đang nhấp nhô nơi xa xa dưới ánh trăng lung linh, hoặc mờ mờ dưới trời sao lấp lánh, nghi là tàu chiến của Pháp thì lập tức chạy vô bìa làng đánh mõ, và đánh liên tục ba tiếng một. Nếu biết chắc là tàu Pháp và có khả năng đổ bộ thì đánh liên tục hai tiếng một. Có khi lúc đầu từ ba tiếng một chuyển lên hai tiếng một.

Đánh một hồi là xem như cảnh vật đã trở lại bình thường như lúc đầu. Mọi người lại đi ngủ tiếp, nếu thấy đêm còn khuya. Có những khi tiếng mõ nổi lên nghe cốc cốc nhiều lần trong đêm. Mọi người lại thức trắng!

Cái mõ ấy thật là thân thương, là bạn của nhà nhà nơi các làng quê, trong đó có làng An Thạch - quê hương gốc. Cái mõ làm bằng gốc cây tre gai, loại tre có nhiều gai theo nhánh, đốt ngắn, thân gân đặc ruột, rất cứng và rất chắc. Người ta đào cái gốc cây tre ấy lên, chọn cái nào có hình giống như cái đầu con gà cồ, trảy hết rễ, cưa ngắn dài theo ý mình, rồi đục một đường dài, rộng cỡ một phân, kế đến khoét rộng ruột và phơi cho khô. Sau cùng là trau chuốt cho láng đẹp. Muốn cho tiếng nghe của mõ vừa to vừa ấm, người ta ngoài việc đục khoét cái thân mõ cho có kỹ thuật, còn phải dùng một cái dùi dài từ hai đến ba tấc cũng dùng loại tre của nó, to độ bằng ngón tay để gõ vào (gọi là đánh mõ). Mõ có cái có chuôi, có cái không chuôi. Cái có chuôi vừa đẹp vừa có tiếng kêu to hơn. Thời bấy giờ nhà ai cũng có vài ba cái mõ đủ kích cỡ.

12- Câu chuyện thứ mười hai:
CHUYỆN VỀ CÁI RỄ CÂY DỨA

Thời chín năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Quảng Ngãi thuộc địa phận liên khu Năm, trong đó có làng An Thạch. Thuở đó Quảng Ngãi nội bất xuất, ngoại bất nhập; mọi nhà phải tự lực tự cường, mọi nhu cầu tự cung tự cấp. Muốn có vải để may áo quần thì phải trồng bông, hái trái, rồi đến kéo sợi và dệt vải. Chỉ may là phụ liệu, nhưng rất cần thiết. Nếu không có chỉ để may thì cũng không thể có những bộ quần áo để mặc. Thời đó, có những khi không có chỉ để may thật. Những lúc như vậy, mọi người đi tìm cắt những cái rễ của cây dứa mang về chẻ làm hai, phơi cho héo rồi dùng cái chén hay cái đĩa cạo lấy những sợi tơ để làm chỉ may. Nhiều cây dứa có rễ mọc rất cao ở khoảng không nên rất tốt cho những sợi tơ dài.

Dứa được trồng nhiều ở hai bên các bờ đi ra ruộng để giữ cho bờ khỏi bị sạt lở. Cây dứa thấp, không có cành, chỉ có lá. Lá dứa có gai như răng cưa ở hai bên cạnh, dài độ từ hai tấc đến một mét, to từ hai phân đến sáu phân tùy theo cây của mỗi bụi. Những năm lũ lụt ngập sâu lâu ngày, khi nước rút đi, những bụi dứa thấy vàng nâu trông giống như bị luộc chín. Nhưng chẳng

bao lâu dứa lại đâm chồi và rồi hai bên bờ lại xanh cả lối đi!

13- Câu chuyện thứ mười ba:

LƯỢC SƠ CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN LÀNG THỜI CHÍN NĂM KHÁNG CHIẾN (1945-1954)

Thời đó, cái thời mà mọi nhu cầu của người dân thấy đều do họ tự làm ra và trang trải cho cuộc sống. Chẳng hạn như muốn có phân bón cho hoa màu (lúa, khoai v.v...) phải nuôi gia súc, trồng đậu phụng v.v... Muốn có áo quần để mặc thì phải trồng bông, kéo sợi và dệt vải. Muốn có lửa để đun nấu thì phải lấy rơm bện thành con cú đốt giữ thân cháy, hoặc ủ thân lửa trong gốc cây khô v.v... Đun nấu thì dùng củi tre, rác lá cây hoặc trấu v.v... Dụng cụ để đun nấu như nồi niêu, trách trã được làm bằng đất nung. Nhà ai khá giả mới có nồi bằng đồng. Các dụng cụ khác như rổ quẩu, rá rế được đan bằng nan tre có bốn chân chắc chắn. Cái giạ để đong lúa gạo được đóng bằng gỗ mít hình vuông nhưng hơi bầu bầu có bốn chân rất đẹp và chắc chắn. Đồ dùng đựng lương thực và thực phẩm là những cái lu, cái vại; nước uống và nước nấu ăn thường chứa trong cái

ảng và tất cả đều làm bằng đất nung. Cái ảng có ba chân, miệng rộng để đổ nước vô và mức nước ra cho dễ. Mức nước ở ảng bằng cái gáo dừa có tra cán bằng tre để cầm mức. Đi xa về gần nắm đuôi mà kéo. Chén để ăn cơm, có nhà có chén sành, có nhà dùng chén đất, có nhà phải dùng chén bằng gáo dừa v.v... Việc học hành thì học cả ban ngày lẫn ban đêm. Ban ngày có các buổi sáng trưa chiều; ban đêm thì sau khi mặt trời lặn và trước khi mặt trời mọc để tránh máy bay. Thời gian buổi trưa và buổi tối thường dành cho những người lớn tuổi theo học các lớp "bình dân học vụ" để xóa mù chữ. Học đêm ánh sáng thấp bằng dầu trái mù u, dầu dừa, mỡ heo hay dầu phụng đựng trong cái hũ, cái chai v.v... Chợ thì nhóm họp vào ban đêm, có người canh chừng máy bay. Khi nghe tiếng máy bay, người này la lên để bạn hàng tắt hết đèn cho khung cảnh buổi chợ trở lại u tịch trong đêm thâu. Khi máy bay đã qua mà không có gì xảy ra thì đèn lại sáng và mua bán lại bình thường.

Nhu cầu thiết yếu và quan trọng khác là gạo. Muốn có gạo phải xay lúa, sàng sảy rồi giã. Những đêm trăng vàng vạc nơi làng quê đang chịu cảnh can qua, lung linh soi bóng những nhíp

chày đều đặn. Nhà nhà giã vắn công nhau để có được những cối gạo trắng, vì ngày mai mọi người còn phải ra đồng.

Giã gạo thường là những cái chày vồ và những cái chày tay. Nhà ai cũng có đầy đủ dờng sàng, nong nia, chày vồ chày tay, cối xay cối giã v.v...

Đất đai để canh tác thì có đất ruộng và đất rẫy. Đất ruộng trồng lúa, đất rẫy trồng khoai. Lúa có được chủ yếu cung cấp cho chiến trường. Khoai có nhiều loại nhưng nhiều nhất là khoai lang. Thường người dân no lòng bằng khoai lang và rau muống, gạo chỉ là phụ. Bởi vậy những bữa cơm chính thường là nấu củ ghế cơm, chứ ít khi nấu cơm ghế củ, ngoại trừ khi đặc biệt. Những hột cơm đeo dính nơi các cái củ, nên khi ăn củ có dính cơm cảm thấy ngon hơn!

Đời sống của người dân thật đơn sơ, nhu cầu thật đơn giản, cho nên thấy đầy đủ làm sao!

Ngoài việc phải cật lực ngày đêm với ruộng đồng, rẫy bãi để tạo ra của cải cung ứng cho chiến trường và trang trải những nhu cầu tối thiểu cho cuộc sống ra, người dân thời chín năm kháng chiến còn phải chống đỡ với đạn bom, đào các hầm chông, đào các đường hầm thông hào và

liên thông hào để chống lại các cuộc hành quân, bố càn của quân đội Pháp.

Nhìn chung cuộc sống của người dân làng thời ấy muôn vàn cơ cực, nhưng ý chí và lòng yêu quê hương thì mạnh mẽ và cao vời vợi.

14- Câu chuyện thứ mười bốn:

CHUYỆN VỀ MỪNG THỌ VÀ CHÚC THỌ

Nhiều nhà khá giả ở thành thị cũng như ở thôn quê, con cháu thường tổ chức mừng thọ cho ông bà, hoặc cha mẹ mình từng 10 năm một, hay từng năm một sau khi các vị này đã ngoài 60 tuổi, trước là để mừng các bậc sinh thành đã sống được một số năm nào đó, sau là để các thành viên lớn nhỏ của đại gia đình quây quần bên nhau, thắt chặt tình thân huyết thống, cũng như thể hiện đạo lý làm người; kể đến chúc cho ông bà, cha mẹ sống lâu trăm tuổi! Vậy thì giữa mừng thọ và chúc thọ có sự khác nhau:

- Mừng thọ là mừng cho một người nào đó đã sống được một số năm nhất định nào đó mà còn sống đến giờ.

- Chúc thọ là chúc cho ai đó sống lâu, sống thêm nhiều năm nữa v.v...

Như vậy, mừng là đạt được những gì đã qua như: ăn mừng thi đỗ, ăn mừng sinh con trai, ăn mừng gặp lại người thân sau nhiều năm thất lạc v.v... Còn chúc là cầu mong cho ai đó đạt được những ước nguyện như: chúc thượng lộ bình an, chúc đôi bạn trăm năm hạnh phúc, chúc làm ăn phát đạt và sanh nhiều con cháu v.v.:

Mừng sinh con trẻ lần đầu

Thỏa niềm mong ước bấy lâu trông chờ

Chúc con bụ bẫm tuổi thơ

Lớn lên học giỏi đặng nhờ mẹ cha

15- Câu chuyện thứ mười lăm:

CHUYỆN VỀ MUỐI HAI BẾN NƯỚC

Ngày xưa, thuở mà người đàn ông có quyền có nhiều vợ, người phụ nữ mọi mặt đều phụ thuộc vào nam giới. Con trai năm thuê bảy thiệp, con gái chính duyên một chồng. Con cháu khi đến tuổi xây dựng gia đình thì do cha mẹ hay ông bà quyết định chuyện hôn nhân - áo mặc không qua khỏi đầu. Bởi vậy có nhiều khi đến ngày cưới, chú rể và cô dâu mới biết mặt nhau, nên thường xảy ra việc tráo hôn là người này thế cho người kia v.v..., hoặc cũng có khi sau ngày cưới hai

người vào phòng riêng mà không ai có thể nói với ai lời gì vì mới gặp nhau lần đầu, bỡ ngỡ phải nhờ ông mai hoặc bà mối mở lời giới thiệu để vợ chồng làm quen nhau, và...

Ngày xưa nữ giới không được đi học vì mọi việc ngoài xã hội đều do nam giới đảm trách. Người phụ nữ chỉ lo nội trợ, quán xuyến mọi việc trong gia đình, ngay cả một nắng hai sương nuôi chồng ăn học.

- Thân cò lặn lội bờ sông
- Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.

Số phận người phụ nữ được quan niệm bằng sự rủi may trong cuộc đời từ lúc mới sinh ra. Cho nên khi lớn lên đi lấy chồng, ai may mắn có được người chồng tốt, thuộc giai tầng trí thức hoặc con nhà khanh tướng hay con nhà giàu có v.v..., thì sung sướng bản thân, nên gọi gặp dạng "bến trong". Nếu ai chẳng may lấy chồng thuộc tầng lớp nghèo khổ, người chồng chỉ sống bằng nghề đi làm thuê, làm mướn hoặc có chồng còn con nít để trả nợ cho mẹ cha v.v..., thì suốt đời lam lũ, nhọc nhằn, tủi phận cho bản thân, nên gọi là sa vào "bến đục".

- Mười hai bến nước đục trong
- Rủi may phần số ai đong lung đầy
- Mười hai bến nước xưa nay
- Đục trong số phận rủi may bởi trời.

Có người còn gặp cảnh buồn hơn, sâu tê tái cho cuộc đời mình hơn là lấy phải người chồng chỉ biết chơi bởi bài bạc, chẳng thiết tha gì đến việc làm ăn..., than thở rằng:

- Chồng em nó chẳng ra gì
- Tổ tôm sóc đĩa nó thì chơi hoang
- Nói ra xấu thiệp hở chàng
- Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà
- Nói đây có chị em nhà
- Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông
- Em bán đi trả nợ cho chồng
- Còn ăn hết nhịn cho thỏa lòng chồng con!

Xã hội ngày xưa, cuộc sống của con người được chia làm nhiều giai tầng, cụ thể chia làm ba nhóm như sau:

- Nhóm 1 có: Sĩ - nông - công - thương
- Nhóm 2 có: Công - hầu - khanh - tướng
- Nhóm 3 có: Ngư - tiều - canh - mục

Bởi vậy khi người con gái đi lấy chồng mà rơi vào những nhà thuộc nhóm 1, thì khỏe thân, thơi

thả, yên phận ...; rơi vào nhóm 2, thì sung sướng, có quyền thế được kẻ hầu người hạ, kẻ bầm người thưa, lên xe xuống ngựa...; rơi vào nhóm 3 thì bị nghèo khổ, chật vật, cực thân...

- Gia tăng xã hội ngày xưa
- Vẫn còn ẩn hiện đưng đưa bây giờ.

16- Câu chuyện thứ mười sáu: **CHUYỆN VỀ LỄ "ĐÁO TUẾ"**

Thuở xưa vòng đời của con người là 60 năm. Ví dụ: năm 1900 là năm Canh Tí, thì năm 1960 cũng Canh Tí, và năm 2020 lại cũng Canh Tí v.v... Bởi vậy thường 100 năm về trước, hiện nay cũng có lai rai, những gia đình khá giả họ có tổ chức lễ "đáo tuế" cho mình, trước là để tạ ơn trời đất đã cho sống đến được 60 năm mà chưa chết, sau là để con cháu quây quần lạy mừng và chúc tụng. Vậy thì "đáo tuế" là gì?

- Đáo là trở lại
- Tuế là tuổi (lục thập tuế là 60 tuổi)

Như vậy "đáo tuế" là tuổi trở lại, có nghĩa là vòng đời trở lại như lúc ban đầu, cũng như can - chi 60 năm lại cùng gặp nhau để cùng đi tiếp và đi tiếp...

Một người sinh năm Canh Ngọ 1930, thì năm Canh Ngọ 1990 là đúng 60 năm, cũng có nghĩa là đúng 60 tuổi để làm lễ "đáo tuế", không phải làm lễ "đáo tuế" năm 60 tuổi vào năm Kỷ Tỵ 1989 (theo tuổi mà ta thường gọi thì sinh năm 1930 → 1989 là 60 tuổi).

Tương tự nếu mừng thọ cho một người 70 tuổi cũng sinh năm Canh Ngọ 1930, thì năm Canh Thìn 2000 là năm để mừng. Mừng thọ một người 70 tuổi mà sinh năm Canh Thìn 1940 thì năm Canh Dần 2010 là năm để mừng v.v...

Người ta tổ chức lễ "đáo tuế" là để mừng mình sống hết một vòng đời (60 năm) mà vẫn còn sống để bước qua một vòng đời thứ hai.

Ngày nay tuổi đời giáp vòng của con người không ở 60 năm, mà từ 80 → 100 năm.

17- Câu chuyện thứ mười bảy:

CHUYỆN VỀ TUỔI TA VÀ TUỔI TÂY

Việt Nam hơn 100 năm Bắc thuộc nên hầu như tất cả các phong tục, tập quán cũng như ý niệm về nhận thức cuộc sống đã bị đồng hóa. Sau gần 1000 năm tự chủ, người Pháp lại đến đô hộ hơn 80 năm. Hơn 80 năm hòa nhập với người phương Tây, người Việt ta có biến cải phần nào về tư

tưởng cũng như cách suy nghĩ về sự tương tác giữa vũ trụ với con người, giữa vạn với chủ thể mọi cá nhân v.v... Tuy nhiên hơn 1000 năm dài tưởng chừng như bất tận ấy, với biết bao tinh hoa rực rỡ sắc màu, với những thiên anh hùng ca ngàn năm còn mãi, với những gương sáng danh nhân không thể phai mờ... bên cạnh những tập tục cổ xưa lỗi thời, lạc hậu vẫn còn hằn sâu trong tâm tưởng, đồng hành trong cuộc sống chúng ta. Biết bao giờ...?

Theo quan niệm của người phương Đông, trong đó có người Việt Nam là, khi còn nằm trong bụng mẹ chúng ta đã là người rồi. Bởi vậy sau khi sanh ra phải được một tuổi. Tuy nhiên cũng có nhiều người nói rằng, bà Mụ là người mang cả linh hồn của đứa bé nên khi sanh ra, đứa bé được bà Mụ ban cho một tuổi đầu tiên. Tuổi này gọi là tuổi mụ.

Có nhiều người tính tuổi cho con cháu mình còn căn cứ vào ngày mới của mỗi đầu năm âm lịch. Cứ tết âm lịch đến là thêm một tuổi, bất luận đứa trẻ đó sanh trước đó bao lâu. Có đứa trẻ sanh vào ngày 25-12 Âm, đến ngày 01-01 Âm năm mới vừa được 6 ngày đã có 2 tuổi (!). Cũng bởi tính tuổi theo cách này nên đa số bà con lầm lẫn

về năm sanh của mình. Có người sanh năm Đinh Dậu 1897 mà bảo là 1896, năm Canh Tý 1900 mà bảo là 1899, Ất Hợi 1935 mà bảo là 1934 v.v... Cũng vì có sự lầm lẫn mà một người sanh năm Canh Tuất 1910 lại bảo 1909, nên khi mất vào năm 1990 đã tính tuổi hưởng thọ là 81 tuổi. Có người lại tính đến 82 tuổi.

Hiện tại ta chưa thể xóa được tập quán cái tuổi của con người gắn liền cái tên của con vật, thể hiện qua can - chi. Ấy là tuổi theo âm lịch gọi là tuổi ta.

Ngày nay năm âm lịch cũng như tuổi của con người tính theo âm lịch đã không còn được tham chiếu để tính nữa. Một tuổi của con người được tính đúng một năm (365 ngày) sau khi sanh ra. Bởi vậy sanh năm 1910, mất năm 1990 là thọ 80 năm cũng có nghĩa là thọ 80 tuổi. Một điều nữa là làm mùa, nhà Nước thì tính thời tiết theo dương lịch, nông dân lại tính theo âm lịch.

★ Năm Ta - năm Tây; tuổi Ta - tuổi Tây.

Năm ta có 354 ngày và 8 giờ (bỏ số lẻ). Tháng thì có 30 ngày hoặc 29 ngày. Cứ 3 năm thì nhuận một tháng, thỉnh thoảng có 2 năm đã nhuận rồi. Năm Tây có 365 ngày và 6 giờ (tính tròn số). Tháng thì có 30 ngày hoặc 31 ngày, chỉ riêng

tháng hai có 28 ngày, nhưng năm nào nhuận thì có 29 ngày.

Để phù hợp chu kỳ thời tiết với thời gian, nên mỗi 19 năm thì nhuận 7 lần. Chu kỳ thời tiết với thời gian giữa âm dương lịch là 19 năm, bởi vậy mỗi 19 năm ngày tháng giữa âm dương lịch lại trùng nhau. Ví dụ: năm 1975 âm lịch là ngày 01-01, dương lịch là ngày 11-02; năm 1994 âm lịch cũng 01-01 và dương lịch cũng 11-02; năm 2013 âm lịch và dương lịch cũng có con số ngày tháng giống như trên. Tuy nhiên có khi vì lý do gì đó, chênh lệch sớm hoặc muộn một hai ngày.

Tuổi ta thì sau khi sinh ra đã có một tuổi, nên một người sinh năm 2000 đến năm 2006 đã có 7 tuổi. Tuổi tây là sau khi sinh ra chưa có tuổi năm mà chỉ có tuổi tháng cho đến khi được 12 tháng mới có 1 tuổi. Một đứa trẻ sinh năm 2000 đến năm 2006, theo quy định mới đủ 6 tuổi để vào lớp 1, và nếu mừng trẻ được 12 tuổi sẽ là năm 2012, cũng như đến năm 2020 mới đủ 20 tuổi để kết hôn (nam).

➤ **Kết luận:** tuổi con số luôn luôn bằng hoặc nhỏ hơn tuổi con chữ; tuổi con chữ luôn luôn bằng hoặc lớn hơn tuổi con số.

18- Câu chuyện thứ mười tám:

**CHUYỆN VỀ TAM CƯƠNG NGŨ THƯỜNG
VÀ TAM TÒNG TỨ ĐỨC**

★ Tam cương, ngũ thường:

- Tam cương là nói về 3 nguyên tắc cơ bản trong quan hệ với nhau thời xưa theo nho giáo, đó là: **Vua - Tôi, Cha - Con, Chồng - Vợ.**

- Ngũ thường là nói về 5 đức tính trong hệ thống đạo đức của con người thời xưa theo nho giáo, đó là: **Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín.**

★ Tam tòng, tứ đức:

- Tam tòng là nói về 3 nguyên tắc mà người đàn bà khi xưa phải theo, theo nho giáo, đó là: **Tòng Phụ - Tòng Phu - Tòng Tử.**

- Tứ đức là nói về 4 đức tính của người phụ nữ khi xưa, theo nho giáo, đó là: **Công - Dung - Ngôn - Hạnh.**

Theo nho giáo thì xã hội ngày xưa giữa vua tôi, cha con, chồng vợ có sự quan hệ chặt chẽ về giềng mối, và... Ông vua có quyền tuyệt đối với bề tôi ngay cả hoàng hậu và muôn dân; người cha có quyền tuyệt đối với những người con; người chồng có quyền tuyệt đối với người vợ. Trung - Hiếu - Nghĩa ngày xưa cũng tuyệt đối. Vua bảo bề tôi chết, bề tôi phải chết, nếu không

sẽ mang tội bất trung. Không có tội nào bằng tội bất trung với vua, nên có câu: "Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung". Cha bảo con chết, con phải chết, nếu không sẽ mang tội bất hiếu. Không có tội nào bằng tội bất hiếu với cha, nên có câu: "Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu". Chồng bảo vợ phải nghe, vợ không nghe sẽ mang điều bất nghĩa. Không có điều nào đáng chê trách hơn là điều bất nghĩa của người vợ đối với chồng, nên có câu: "Phu xướng phụ tùy, phụ bất tùy bất nghĩa". Vua - tôi không được ăn cùng mâm, ngồi cùng bàn, ngủ cùng chiếu; cha - con không được ngồi ngang nhau; vợ - chồng không được dùng bữa cùng lúc. Vua phải ra vua, bề tôi phải ra bề tôi; cha phải ra cha, con phải ra con; chồng phải ra chồng, vợ phải ra vợ với những quy định khắc khe không thể xuê xoa, xuề xòa...

Cũng theo nho giáo thì làm người cũng phải có đủ 5 đức tính, ấy là:

- Phải có nhân. Chữ nhân có nghĩa rất rộng...
- Phải có nghĩa. Chữ nghĩa có nghĩa rất sâu...
- Phải có lễ. Chữ lễ cũng có nghĩa rất dày...
- Phải có trí. Chữ trí cũng có nghĩa rất bao la...
- Phải có tín. Chữ tín thì ai cũng biết cả. Làm người mà không có chữ tín thì dầu có nhân, có

trí, biết lễ, biết nghĩa cũng như không. "Nhân vô tín bất lập" mà!(Khổng Tử)

Cũng theo nho giáo thì ngày xưa người phụ nữ khi còn ở nhà phải theo cha, mọi việc do cha quyết định, dẫu có gian lao vất vả, dẫu có phải bán mình làm nô lệ cũng đành. Khi có chồng phải theo chồng, mọi việc lệ thuộc vào người chồng, dẫu có bị hành hạ, ngược đãi cũng cam. Khi chồng chết thì phải theo con, dẫu rằng tuổi hãy còn trẻ, có khi chỉ mới đôi mươi vì số phận nên phải đành!

Ngoài tam tông ra, người phụ còn cần phải có 4 đức tính, ấy là:

- Công: là phải biết thấu hiểu, vá may...
 - Dung: là phải có nét mặt tươi tắn, vui vẻ...
 - Ngôn: là nói năng lễ phép, nhã nhặn, dịu dàng...
 - Hạnh: là tính nết phải đoan trang, đằm thắm...
- Ba theo ấy gọi tam tông
 - Theo cha cùng với theo chồng theo con
 - Công dung ngôn hạnh nét son
 - Đời đời phụ nữ mãi còn tôn vinh.

19- Câu chuyện thứ mười chín: **CHUYỆN VỀ NGÀY GIỖ TỔ**

Dân tộc ta mỗi năm có một ngày giỗ tổ để tưởng nhớ, tôn vinh người đã gây dựng nên đất nước, đó là vua Hùng Vương vào ngày 10-03 Âm lịch. Họ Trần nhà ta mỗi năm cũng có một ngày giỗ tổ để tưởng nhớ và tôn vinh người đã sáng lập ra một dòng tộc, đó là ông thủy tổ Trần Văn Cẩn của phái An Thạch vào ngày 09-06 Âm lịch.

- Dân tộc có ngày giỗ Tổ của đất nước.

- Dòng tộc có ngày giỗ Tổ của họ hàng.

Con cháu nội ngoại dâu rể họ Trần phái An Thạch, quyết tâm phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, gìn giữ sự nghiệp nghìn thu mà ông thủy tổ Trần Văn Cẩn đã dày công gây dựng tử thuở ban đầu; tự hào về một dòng tộc đã từng nổi tiếng về khoa bảng cũng như về phú quý của một thời nơi quê hương An Thạch, mà đến nay mọi người gần xa hãy còn nhắc lại với sự quý trọng chân thành.

Ghi chú: cúng, tế, giỗ, quải (quả).

- Cúng : cha mẹ, ông bà...

- Tế : trời đất, thánh thần...

- Giỗ : anh em...

- Quải : vợ chồng...

Ngày nay tên gọi **giỗ** đã gọi chung cho cúng - tế

- giỗ - quải (quả) và các tên gọi khác như:

cúng bái, cúng cấp, cúng cơm, cúng giỗ, cúng lễ, cúng quả (quả), cúng tế, cúng vái...

20- Câu chuyện thứ hai mươi:

CHUYỆN NÓI VỀ NGÀY TẾT ĐOAN NGỘ (5-5 ÂL)

Nước Trung Hoa ngày xưa có một giai đoạn lịch sử gọi là thời Chiến quốc. Thời Chiến quốc có 7 nước còn lại của 70 nước thời triều đại nhà Chu, mà sự kiện lịch sử cụ thể nhất là cuối thời kỳ Đông Châu, thường gọi là Đông Châu liệt quốc.

Thời kỳ ấy, ở nước Sở có ông Khuất Nguyên, còn gọi là Khuất Bình, gia thế dòng dõi quý tộc, sinh năm 338, mất năm 288 trước công nguyên (tây lịch), làm đến chức Tam lữ đại phu triều sở Hoài Vương(328-297).

Nước Sở ngày ấy nằm ở địa phận trung lưu và hạ lưu sông Dương Tử, thuộc phần đất của các tỉnh Hà Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô, Chiết Giang và phía nam Hà Nam của Trung Quốc bây giờ.

Nước Trung Hoa thời xa xưa đó, sau khi nhà Chu dứt nhà Thương(cách nay trên 3000 năm), thì chia lục địa ra thành 70 nước lớn nhỏ, cấp cho

những người có công nhiều ít qua những năm chinh chiến, xả thân làm thay đổi triều đại theo 5 bậc là công, hầu, bá, tử, nam. 70 nước này đến cuối thời Đông Châu liệt quốc thì còn lại 7 nước, gọi là thời Chiến Quốc hay còn gọi là Thất Quốc hay Thất Hùng (Xuân Thu có Ngũ Bá; Chiến Quốc có Thất Hùng).

Thời Chiến Quốc, các nước mang quân đi đánh chiếm và thôn tín lẫn nhau càng quyết liệt hơn. Nước nào cũng lo củng cố lực lượng quân bị, chiêu mộ và sử dụng nhân tài để xâm lấn, chiếm đất, tạo sức mạnh những mong chiến thắng về mình, làm bá chủ Trung Hoa lục địa thời đó. Bởi vậy, thời ấy có nhiều thiên tài, anh hùng liệt oanh lưu danh thiên cổ, nhiều gương trung trinh tiết liệt, hi sinh vì đất nước, đã trở thành những thiên anh hùng ca bất tử; nhiều nơi còn lưu dấu mãi những trận đánh đầy kịch tính, hùng tráng nhưng cũng không kém bi thương.

Việt Nam thời 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chí sĩ Phan Bội Châu có làm bài thơ “thất ngôn bát cú”, đã lồng hình ảnh thời Chiến quốc ngày xưa bên Tàu để kích động, khơi dậy lòng yêu quê hương của mọi người Việt Nam,

nhất là lực lượng nam nhi trước vận mạng nước nhà bị ngoại xâm rãng:

- Chết mà vì nước chết vì dân
- Chết đấng nam nhi trả nợ trần
- Chết buổi Đông Châu hồi Thất Quốc
- Chết như Tây Hán lúc tam phân
- Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh
- Chết tựa Trung Vương phách lạc thần
- Chết cụ Tây Hồ danh chẳng chết
- Chết mà vì nước chết vì dân

Phan Bội Châu (1867-1940)

Vua sở Hoài Vương (328-297) không nghe lời can ngăn của Khuất Nguyên, mắc mưu vua nước Tần đi phó hội, ăn thề ở nước Tần để đến nỗi phải bỏ mạng sau một năm bị giam cầm ở đất khách. Thế tử Hoàn lên ngôi, hiệu là Sở Tương Vương. Quan đại phu Khuất Nguyên thương Sở Hoài Vương bị lừa chết một cách đau đớn mà nhiều năm qua, ông vua con cùng bầy tôi chỉ tham sự an nhàn, ăn chơi xua nịnh, không nghĩ gì đến việc báo thù cho Tiên Vương. Thấy vậy, ông thường than thở và có những lời khuyên Sở Tương Vương nên gần người hiền, xa kẻ nịnh, kén chọn tướng tài,

huấn luyện binh mã để đánh Tần trả hận cho vua cha. Vua Sở làm thính, không nói gì nhưng có ý không ưng, không muốn nghe những lời như vậy. Các cận thần dèm pha, tâu vô tâu ra với Sở Tương Vương, nói rằng Khuất Nguyên nghĩ mình là đồng tộc nên luôn mang trong lòng sự oán vọng, phê phán và chê trách nhà vua chỉ biết hưởng lạc, quên cái thù nước Tần là bất hiếu. Vốn đã không thích nghe những lời can gián của Khuất Nguyên, nay nghe quan nịnh tâu, vua tức giận cách chức và đuổi ông về quê. Ông bị thất sủng đi lang thang, mặt mày hốc hác, tóc tai bù xù, vừa lê bước vừa ngâm thơ. Ông có người chị có chồng ở xa, nghe ông bị cách chức đến thăm, thấy vậy thì bảo ông về nhà có mấy mẫu ruộng cày cấy sinh sống, an hưởng tuổi già, không nên đua chen chốn quan trường chi nữa, làm tôi như vậy là đã làm hết bốn phận với vua, với nước rồi. Ông nghe lời chị, về canh tác ruộng đồng, được bà con trong làng phụ giúp việc đồng áng cho ông rất nhiều. Nhưng chỉ một thời gian, ông bỏ việc vì không còn tinh thần để làm ăn gì được nữa. Ông nghĩ mình quá bất lực, biết chắc vua Tần là người điên đảo, xảo trá, đã nhiều lần bội ước, vong thể nhưng không can

ngăn được Tiên vương sang Tần phó hội để đến
nỗi phải chết nơi đất người; lại cảm thấy quá xấu
hổ, vì không làm được gì cho đất nước bây giờ;
lại không thể nở nhìn xã tắc một ngày kia bị mất,
tông miếu bị hủy diệt...Bởi vậy, ông nghĩ là
mình không còn sống trên cõi đời này làm chi
cho thêm chạt đất, nên cột đá vô mình nhảy
xuống sông Mịch La chết vào ngày mồng năm
tháng năm âm lịch, năm 288 trước Công nguyên,
cách năm 2007 là 2295 năm. Năm ấy ông vừa 50
tuổi tròn. Người dân làng nghe ông tự trầm, thi
nhau chèo ghe đến cứu, nhưng không còn kịp.
Dân làng thương tiếc quá chừng, nên họ làm
bánh nếp có góc ném xuống sông để tế ông. Mỗi
bánh có cột theo một sợi dây màu, vì sợ thường
luồng ăn mất. Ruộng mà ông cày cấy về sau gạo
trắng như ngọc, nên dân làng gọi là “ruộng gạo
ngọc” và đặt tên cho làng ông ở là “làng chị về”.

Cảm mến người nghĩa khí, tiết liệt; thương nhớ
ông là người hiền đức nên hằng năm vào ngày
mùng 5 tháng 5 âm lịch, người dân làng làm
bánh nếp quăng xuống sông, hoặc lấy lá dừa kết
làm bè, hay làm những chiếc ghe rồi đặt bánh
cùng nhang đèn vào đấy, thả trôi sông để cúng
ông. Dần dần người dân nước Sở và người dân

các nước của lục địa cũng làm theo, lâu rồi trở thành tục.

Việt Nam hơn 1000 năm Bắc thuộc, tục cúng Khuất Nguyên-hiền nhân đáng kính-vào ngày 5-5 âm mà người Tàu mang sang đã trở thành tục của người Việt. Và hằng năm vào ngày 5-5 âm gọi là ngày Tết Đoan Ngọ, mọi người tổ chức lễ lộc vào ngày này trịnh trọng và tươm tất, chẳng khác ngày Tết Nguyên Đán để tưởng nhớ ngày mất của quan đại phu Khuất Nguyên, người trung liệt và khả kính của nước Sở ngày xưa bên Tàu, nhất là các gia đình ở nông thôn có phần chu đáo hơn.

Ghi chú:

Tục đua ghe mà ngày nay đã trở thành môn đua thuyền của ngành thể thao, được mọi người hưởng ứng nhiệt tình, cũng bắt nguồn từ việc những người ở làng chài về, thi nhau chèo ghe đến cứu ông Khuất Nguyên trầm mình ngày xưa ở sông Mịch La nước Sở bên Tàu.

21- Câu chuyện thứ hai mươi mốt:

CHUYỆN NÓI VỀ ĂN CHAY VÀ ĂN MẶN

Ăn chay là không ăn mắm, không ăn thịt cá mà chỉ ăn rau quả, khoai đậu và muối đường. Ăn

mặn là ăn mắm, ăn thịt cá và tất cả các món của thức ăn chay.

Theo đạo phật thì ăn chay là bớt đi một ít của ăn mặn, dành chi phí dư đem ra bố thí, thể hiện Phật tính làm người. Ăn chay không phải để bớt tội - vì chúng ta có làm điều gì trái lương tâm, trái đạo đức mà có tội để bớt(?). Nếu chúng ta làm điều tàn ác, làm việc bất nhân thì dẫu có ăn chay trường cũng không thể bớt tội được. Theo thuyết luân hồi của Đạo Phật, thì con người sau khi chết đi, sẽ đầu thai cho kiếp khác. Kiếp khác có thể là người, cũng có thể là con vật gì đó... Nếu kiếp này ta biết tu nhân tích đức, ăn ở hiền lành, luôn làm việc thiện thì chắc chắn kiếp sau sẽ lên Niết bàn và sẽ được đầu thai làm người kiếp khác vào nơi tốt, hưởng giàu sang sung sướng. Nếu kiếp này ta làm điều bất nhân, bất nghĩa, gian dối, lừa bịp, xuyên tạc vu khống hoặc vu oan giá họa cho người khác hoặc chỉ biết sống để hưởng thụ cho riêng mình, không chăm lo cho thế hệ mai sau, thì chắc chắn khi chết sẽ xuống địa ngục, và rồi sẽ đầu thai thành con vật hoặc đầu thai làm người vào nơi cùng khổ, nhọc nhằn, đầy đọa bản thân để trả nợ cho kiếp trước của mình.

Chữ "chay" là đọc trại của chữ "trai" mà ra, lâu dần thành ngôn ngữ chính thức. Trai có nghĩa là tinh khiết, thanh cao như người con trai mới lớn lên chưa vướng bụi trần, chưa biết mùi đời. Bởi vậy trước khi làm việc gì có tính thiêng liêng như lập đàn cầu mưa, cầu siêu linh hồn, cầu an bá tánh chẳng hạn, ta phải trai giới một số ngày tùy mức độ sự việc.

Ăn chay vừa cử sát sanh, vừa nhịn thịt cá, bớt lại một ít tiêu phí, dùng số ấy để cúng dường hoặc bố thí trực tiếp cho người nghèo khổ, những mảnh đời bất hạnh v.v... Như vậy là ta thể hiện được tấm lòng thương yêu đồng loại, san sẻ tình thương với mọi người, sẽ được Phật Trời chứng giám, độ trì cho kiếp này luôn mạnh khỏe, kiếp sau được đầu thai vào nơi an lành, không phải đầu thai vào nơi cùng cực hoặc đầu thai làm trâu, ngựa v.v...

Ngày nay việc ăn chay rất đa dạng, có khi việc mua sắm cho bữa ăn chay còn tốn kém và cầu kỳ hơn bữa ăn mặn, nên việc ăn chay không còn mang ý nghĩa đúng nghĩa của nó nữa. Tuy nhiên đâu bữa ăn chay có thế nào thì ngày ăn chay là ngày không có sát sanh, và ngày ấy người ta cũng bớt đi phần nào làm điều chẳng thiện; giảm

đi phần nào việc làm thất đức, vô nhân, tu dưỡng bản thân ít nhất cũng được của ngày ăn chay.

- *Hôm nay mà không ăn chay là bà xé xác chúng bay ra trăm mảnh. Chúng bay chờ đó, ngày mai bà hết ăn chay rồi sẽ biết.*

- *Hôm nay ngày rằm, ăn chay nên không nói thách. Bán bao nhiêu nói bấy nhiêu, nói thách ngày ăn chay mang tội "chết".*

- *Hôm nay ngày đầu tháng, ăn chay mà mình! Thôi cố nhịn người ta đi...!*

- Ăn chay ăn mặn tại Tâm
- Phật nào có bảo ôm cầm mặn chay
- Tu nhân tích đức xưa nay
- Ấy lời Phật dạy còn đây, đời đời...

22- Câu chuyện thứ hai mươi hai:

CHUYỆN VỀ NGÔI ĐÌNH LÀNG

Trước năm 1945, làng An Thạch có ngôi đình của làng tọa lạc gần đầu cầu Hội An. Nơi cổng đình, có hai câu đối khắc vào hai cây cột cổng, có chữ dường như là:

- An nhi hành chi do chánh lộ
- Thạch phong chuyển giả đồng trùng môn

Ngày xưa sau khi hình thành nên các làng, thì có những buổi họp công dân để giải quyết các việc có liên quan về mọi nhu cầu của làng mình, cũng như tổ chức cúng tế, lễ thần làng. Bởi vậy, làng cần phải có một nơi để tụ họp. Và địa điểm tụ họp thường hình thành nơi giữa làng ở giữa trời trên một khu đất trống. Lâu dần thấy nơi tụ họp cần phải tráng, lót cho sạch sẽ với một diện tích vừa đủ, để không còn cát bụi, sinh lầy khi mưa xuống, lúc nắng lên và gọi là Đình hoặc gọi là Sân, vì Đình cũng có nghĩa là Sân.

Xã hội phát triển, nhu cầu con người càng cao và mỗi lúc thêm phức tạp, bởi vậy việc họp hành trở nên thường xuyên hơn và việc tế, lễ cũng cần có chỗ che mưa tránh nắng, nên làng xây dựng ngôi nhà để họp hành và cũng để thờ Thành Hoàng trên diện tích của sân, cũng gọi là Đình. Đình hình thành bằng một ngôi nhà từ đó. Về sau đình là nơi chỉ được dùng để tế, lễ trời đất và thần làng, vì sự linh thiêng nên không còn làm nơi họp mặt bàn việc làng nữa.

Đình có nghĩa là sân, như gia đình là nhà sân, cũng như gia thất là nhà cửa vậy. Nhưng chữ Đình đã được Quốc ngữ hóa, nên Đình không còn nghĩa là sân, mà Đình là ngôi nhà để thờ thần

làng và các việc tế lễ của làng. Trước hai bên Đình thường trồng hai cây Đa để che mát cho Đình và cũng để buông màn vào những ngày nắng đổ. Trước cửa Đình có một mảnh đất trống gọi là sân Đình thay vì gọi là sân sân.

Ngày nay Đình chỉ còn lác đác một vài nơi, thay vào đó là nhà Thờ của các họ Tộc nhưng không đồng đều. Có làng có nhiều nhà Thờ họ, nhưng có làng không có cái nào. Ôi! Đổi thay thời đại có khác!

23- Câu chuyện thứ hai mươi ba:

CHUYỆN VỀ NGOÀI BA ĐỜI CÓ QUYỀN KẾT HÔN

Theo luật hôn nhân và gia đình năm 1986 cũng như năm 2000, thì ngoài ba đời nam nữ có quyền kết hôn. Ba đời tính như sau:

- Cha mẹ là đời thứ nhất.
- Anh chị em ruột là đời thứ hai.
- Anh chị em chú bác ruột, cô cậu ruột, dì dâ ruột là đời thứ ba.

Ngoài ba đời này có quyền kết hôn. Như vậy những người có cùng ông cố nội hay ông cố ngoại trở về sau có quyền kết hôn.

Có một điều là khi sự việc xảy ra là, anh em hay chị em có cùng ông cố mà kết hôn với nhau thì, anh chị em con chú bác ruột, cô cậu ruột hay dì dâ ruột phải gọi làm sao khi là thông gia với nhau???

- Ngoài ba đời được lấy nhau
- Từ đời ông cố về sau ấy mà
- Anh em chú bác dì dâ...
- Cậu cô nay kết thông gia gọi gì?

24- Câu chuyện thứ hai mươi bốn:

CHUYỆN NÓI VỀ CÁC NƠI THỜ PHỤNG

Đình - Đền - Nhà Thờ - Chùa - Am - Miếu - Miếu - Lăng...

★ Đình: là nơi thờ Thành Hoàng. Như Đình An Thạch, Đình Bàn An ngày xưa v.v... Thành Hoàng là vị thần của làng.

★ Đền: là nơi thờ Thần Thánh, hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh. Như Đền thờ Hùng Vương - Đền thờ An Dương Vương - Đền thờ Hai Bà Trưng - Đền thờ Trần Hưng Đạo (Thánh Trần) v.v...

★ Nhà Thờ: là nơi thờ phụng Tổ Tiên của một đại gia đình, của một dòng họ, hoặc nơi thờ một

vị Tổ của một ngành nghề như nghề mộc, nghề may, nghề rèn, nghề điêu khắc v.v...

★ Chùa: là nơi thờ Đức Phật và các vị Bồ Tát...

★ Am: là chùa nhỏ, miếu nhỏ, là nhà ở nơi hẻo lánh của người ở ẩn ngày xưa...

★ Miếu: là đền thờ nhỏ, là nơi thờ thần thánh hoặc những nhân vật được thần thánh hóa như miếu ông Địa, miếu Tổ Cô v.v...

★ Miểu: là miếu nhưng nhỏ hơn để thờ những bậc linh thiêng.

★ Lăng: là nơi chôn cất, gìn giữ di hài của vua chúa hay một vĩ nhân như lăng Khải Định, lăng Lê Văn Duyệt v.v... trong khuôn viên lăng thường có đền hoặc miếu để thờ người được chôn cất tại nơi đây.

25- Câu chuyện thứ hai mươi lăm:

CHUYỆN NÓI VỀ MỖI CẶP CAN CHI LUÂN CHUYỂN TRONG 60 NĂM

Không phải tất cả các Chi đều luân chuyển gắn với Can để đi với nhau trong 60 năm. Có những Chi không bao giờ gặp được Can, kết thành đôi để đi như Giáp Sửu, Ất Tí, Bính Mão, Đinh Dần v.v... xem bảng luân chuyển dưới đây, chúng ta sẽ thấy là cách sắp xếp mà người xưa đã tính để

hợp thành từng cặp mỗi đôi một giữa Can Chi rất khấn khít, mật thiết không thể tách rời, luôn hoà quyện trong 60 năm một.

- Mỗi đôi hoà quyện với nhau
- Can Chi liền cặp trước sau không rời
- Chi Can ghép chặt thành đôi
- Người xưa đã tính chắc rời Can Chi

Bảng luân chuyển

Giáp	<i>Đi với</i>	Tí	Tuất	Thân	Ngọ	Thìn	Dần
Ất	<i>Đi với</i>	Sửu	Hợi	Dậu	Mùi	Tị	Mão
Bính	<i>Đi với</i>	Dần	Tí	Tuất	Thân	Ngọ	Thìn
Đinh	<i>Đi với</i>	Mão	Sửu	Hợi	Dậu	Mùi	Tị
Mậu	<i>Đi với</i>	Thìn	Dần	Tí	Tuất	Thân	Ngọ
Kỷ	<i>Đi với</i>	Tị	Mão	Sửu	Hợi	Dậu	Mùi
Canh	<i>Đi với</i>	Ngọ	Thìn	Dần	Tí	Tuất	Thân
Tân	<i>Đi với</i>	Mùi	Tị	Mão	Sửu	Hợi	Dậu
Nhâm	<i>Đi với</i>	Thân	Ngọ	Thìn	Dần	Tí	Tuất
Quý	<i>Đi với</i>	Dậu	Mùi	Tị	Mão	Sửu	Hợi

Bài thơ:

ĐẤT TỔ

- Chiều nay giữa mùa xuân nắng ấm
Gió đông về mang nhịp thở làng quê
Ta ngồi đây nơi vườn xưa đất Tổ
Mà nghe lòng thổn thức với đê mê
 - Nhà thờ họ đang xây dang dở
Giữa tuần trăng còn hơn nửa tuần trăng
Ta đợi chờ và mọi người đang chờ đợi...
Ngày khánh thành sẽ rộn rã giăng giăng!
- ★ ★ ★
- Nhớ từ thửa lên ba lên bảy
Tắm ở trường nước giếng mát, bóng dừa
Nhớ con đường đến trường ngày hai buổi
Có hàng me xanh ngắt trái đong đưa
 - Nhớ những buổi thả bò trên đồng cỏ
Tập bơi sông bị uống nước canh hông
Nhớ thầy phạt những lần vô lớp trẻ
Giờ toán đua chẳng được chạy buồn không!
 - Nhớ những đêm trăng lung linh huyền diệu
Xem sắc bùa, coi hát bội ngoài giông
Nhớ gió biển bùng bùng bay cát trắng
Chạy tung tăng đùa bọt sóng như bông



- Sáu mươi năm – “đời người” - qua vội vã
Mái tóc xanh nay đã điểm sương rồi!
Giờ ngồi đây ta nghe lòng thổn thức
Trần gian ơi! Là cõi tạm mà thôi!
- Ta làm gì cho làng ta kết trái?
Ta làm gì cho dòng họ đơm hoa?
Ta làm gì cho tổ tiên ta đó?
Ta làm gì để ơn tạ ông bà?...
- Này đất Tổ, này quê cha, quê nội
Và quê ta, nơi ta đã sinh ra!
Ta lớn lên theo tháng ngày nắng gió
Bên cánh đồng xanh, non nước hiền hòa!
- An Thạch ơi! Đời đời là đất Tổ
Quê hương ơi! Luôn được về thăm
Cội nguồn ơi! Họ Trần làng An Thạch
Trong lòng ta nhớ mãi với tháng năm!./.

Xuân 2008

Trần Quang Trinh (Sơn)

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Sách: Việt Nam sử lược
2. Sách: văn học Việt Nam
3. Sách: Việt Nam văn học sử yếu
4. Sách: Đạo Phật đi vào cuộc đời và các sách nghiên cứu về đạo Phật.
5. Sách: nói về Khổng Tử và Mạnh Tử
6. Sách: các cung phi triều Nguyễn
7. Sách: quận công Nguyễn Thân
8. Sách: Việt Nam phong tục
9. Văn thơ tổ tiên để lại
10. Sách: Hôn nhân và gia đình
11. Sách: nói về triều đại nhà Trần, nhà Lê...
12. Sách: tương quan thời tiết giữa âm lịch và dương lịch
13. Sách: văn học, sử học...
14. Bà con nội ngoại trong ngoài dòng họ ...
15. Các nhà văn, nhà thơ...
16. Các đài truyền thanh và truyền hình như đài TP.HCM, đài Bình Dương và đài Trung ương...
17. Các báo như báo Tuổi trẻ, báo Thanh niên, báo Phụ nữ, báo Pháp luật v.v...

TRUYỆN
SỬ THI TRẦN TỘC
AN THẠCH - QUẢNG NGÃI
VÀ
NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỌC THÊM

Biên soạn, in ấn và đóng sách
Trần Quang Trinh (Sơn)

Phụ trách Đánh máy và Chế bản
Trần Thị Kim Ngân
Trần Chí Thành

- Trời hết nắng rồi mưa, hết mưa rồi nắng
- Ta vẫn là ta, ta vẫn đi trong nắng trong mưa...



*In lần đầu 100 quyển ở 327A Chu Văn An, phường 12, quận
Bình Thạnh - TP.HCM. ĐT: (08)5164944.*

Email: quangson1949@vnn.vn